



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Lập trường:

Hiệp đấu quyết định

Tháng 4 vừa qua, thân nhân giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã đi trên một ngàn cây số để đến thăm ông tại trại Thanh Cẩm, tỉnh Thanh Hóa. Trên nguyên tắc ông Hoạt được thăm nuôi mỗi năm một lần. Nguyên tắc đó tự nó đã là một sự dã man, nhưng lần này thân nhân ông Đoàn Viết Hoạt thay vì được gặp ông đã bị hỏi cung trong bảy giờ liền, bị nạt nộ và hăm dọa. Ban giám thị cũng đã từ chối tiền gởi cho ông. Đoàn Viết Hoạt còn ở trại Thanh Cẩm không hay đã bị chuyển đi một chỗ khác, và chuyển đi đâu? Ông có khỏe mạnh không, có còn sống không?

Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu bị đặt trong tình trạng quản chế chiếu theo nghị định 31/CP. Họ bị cô lập hoàn toàn, điện thoại bị cắt, công an đóng chốt trước nhà cấm mọi thăm viếng, hàng xóm được lệnh không giao dịch với họ và không thông tin về họ cho bất cứ ai. Hoàng Tiến và Hoàng Minh Chính cũng đã mất điện thoại. Nguyễn Thanh Giang bị cô lập và bị "nhân dân phần nộ" ném đá vào nhà, bị từ chối chiếu khán xuất ngoại để tham dự một hội nghị quốc tế của các nhà bác học địa chất.

Chính quyền sử dụng cả những biện pháp đạo tặc tồi tệ. Cụ Nguyễn Văn Trấn tức Bảy Trấn bị trộm vào nhà. Những tên trộm này rất kỳ cục, chúng không lấy trộm đồ đạc mà chỉ lấy tài liệu. Chúng rất quyền thế, chúng đến đông đảo và hầu như công khai, lấy kéo sắt cắt song cửa sổ xông vào nhà giữa ban ngày và bình thản ra đi trước nhiều con mắt quan sát. Vài ngày sau, cụ Bảy Trấn đang đi trên hè phố thì bị một xe gắn máy xông tới đụng, gây nhiều thương tích cho cụ rồi bỏ đi. Những thương tích có thể không nặng đối với một thanh niên nhưng rất trầm trọng đối

với một cụ già 83 tuổi.

Cuộc vận động dân chủ vừa đi vào một giai đoạn quyết liệt. Nghị định 31/CP do ông Võ Văn Kiệt ký ngày 14-4-1997 là một nghị định cực kỳ ác ôn. Nó cho phép công an quản chế, và nếu cần lưu đầy, một cách rất tùy tiện mọi công dân. Nó dẫm đạp lên cả hiến pháp và luật pháp của chính chế độ. Nó biến mọi công dân thành những người tù dự khuyết.. Có lẽ thấy như thế vẫn chưa đủ, chính quyền Hà Nội còn ban hành một nghị định khác, cũng do ông Võ Văn Kiệt ký, tăng cường chế độ kiểm soát hộ khẩu. Tám năm thử nghiệm kinh tế thị trường vẫn chưa khiến những người cầm quyền ở Hà Nội hiểu rằng tự do di chuyển và cư trú là điều kiện không thể thiếu cho hoạt động kinh tế bình thường. Hay họ hiểu nhưng coi quyền lợi của dân tộc và đất nước là không đáng kể trước tham vọng duy trì độc quyền của đảng cộng sản?

Có cần nhắc lại không? Trong 22 năm qua, từ khi chế độ cộng sản được thiết lập trên cả nước, Nguyễn Đình Huy đã ở tù 20 năm, Đoàn Viết Hoạt 19 năm, Nguyễn Đan Quế 18 năm, Đinh Thế Vinh và Lê Công Minh 14 năm, hai thượng tọa Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát 12 năm. Tất cả những người này mới chỉ trải qua một phần của những bản án nặng nề dành cho họ. Hòa thượng Thích Quảng Độ, vị cao tăng được cả nước kính mến, cũng đang ở tù do một bản án 5 năm tù đối với ông chỉ vì ông đã tổ chức cứu trợ đồng bào bị thiên tai. Ông đã từng bị lưu đầy cùng với thân mẫu 12 năm. Hòa thượng Huyền Quang, vị giáo chủ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bị lưu đầy tù 21 năm qua. Đó là chỉ kể những con người rất tiêu biểu mà lập trường ôn hòa và bất bạo động được phát biểu một cách sáng tỏ. Trong thế giới hiện nay có

quốc gia nào đối xử tàn tệ như vậy đối với người không cùng chính kiến?

Số với các dân tộc khác cũng giống như chúng ta không may còn phải gánh chịu ách độc tài, chúng ta có nhiều hơn hẳn những anh hùng hào kiệt. Họ kiên trì phấn đấu, chấp nhận mọi hy sinh, cố gắng xô đẩy tập đoàn cầm quyền ngoan cố và lay động một dân tộc đã quá chán chường và mệt mỏi sau một nửa thế kỷ chiến tranh và bạo quyền. Họ đã phải trả một giá rất cao vì họ không được sự hưởng ứng mà họ đáng lẽ phải có.

Nhưng cuộc chiến đấu ngoan cường của họ đã có kết quả. Chính quyền Hà Nội đã chao đảo. Nó không còn có thể làm tất cả những gì nó muốn làm nữa. Những vụ án thô bỉ như đối với Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy không còn hình dung được nữa. Nội bộ đảng cầm quyền đã phân hóa, những phe nhóm cực đoan nhất trong đảng đã bắt đầu nhận thấy sự cần thiết của đối thoại.

Chúng ta đang trải qua một thử thách cam go nhưng chúng ta cũng đã bắt đầu nhìn thấy bóng dáng của một giải pháp dân chủ hóa. Chính quyền cộng sản đang cố giương nanh vuốt nhưng ánh mắt của nó đã biểu lộ sự bối rối. Nó đang đàn áp nhưng nó cũng đang chuẩn bị nhượng bộ. Hơn lúc nào hết các lực lượng dân chủ phải biểu lộ quyết tâm và ý chí. Thắng lợi của dân chủ sẽ không đòi hỏi những hy sinh lớn. Trước mắt và khẩn cấp cần tăng cường tối đa sự hỗ trợ với các chiến sĩ dân chủ trong nước. Sau đó cần tiến tới tiếng nói đồng nhất để thức tỉnh quần chúng và một mặt trận dân chủ để đem lại hy vọng. Sự trở dậy của nhân dân Việt Nam có thể đến nhanh chóng và sẽ thay đổi hẳn hướng đi lịch sử.

Thông Luận

Thêm một vụ án nghiêm trọng

Vài tháng sau khi 6 người bị tuyên án tử hình về tội tham nhũng và làm ăn bất chính, lại một vụ án lớn khác. Lần này 22 người bị truy tố về tội buôn ma túy. Kết quả sơ thẩm là 8 người bị tử hình và 8 người bị chung thân. Sáu bị can khác bị xử phạt từ 1 năm tù treo đến 20 năm tù ở.

Buôn lậu ma túy là tội rất trầm trọng, buôn lậu ma túy có tổ chức lại càng trầm trọng hơn. Bao nhiêu thanh niên đã bị hủy hoại vì tổ chức tội ác qui mô này? Trong điều kiện mà án tử hình chưa được bãi bỏ, điều mà những người mong muốn một xã hội văn minh cần nỗ lực tranh đấu để đạt tới, không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy nó được đem áp dụng trong trường hợp này. Tuy nhiên trong cùng một phiên tòa mà có tới 8 án tử hình và 8 án tù chung thân thì phải nói là có điều gì rất không bình thường.

Càng không bình thường khi trong một vụ án lớn như thế đã chỉ có các sĩ quan cấp thấp. Phạm nhân cao cấp nhất là một thượng tá bị xử 9 năm tù. Một thiếu tá bị xử chung thân, những người còn lại là đại úy, thượng úy, lái xe, hoặc không nghề nghiệp, và 5 phụ nữ. Hai phụ nữ bị kết án tử hình, một người bị chung thân. Người ta có quyền tự hỏi tại sao những phần tử ít quyền thế như vậy lại có thể tổ chức một hệ thống buôn lậu ma túy lớn như vậy trong hơn ba năm? Chính vì lý do đó ngay chính các báo chí của đảng và nhà nước cũng phải đặt nghi vấn là nhiều can phạm lớn đã được bao che. Các báo còn nói đến cả tin đồn có ba ủy viên trung ương đảng dính líu trong vụ này, trong đó có thiếu tướng Lê Thế Tiêm, thứ trưởng nội vụ. Nhưng các nhân vật này đã không bị truy tố. Hai đại tá Trần Duy Sản, cục trưởng Cục Cảnh Sát Kinh Tế, và Đặng Văn Sang, cục phó Cục Cảnh Sát Điều Tra, mặc dầu có trách nhiệm trực tiếp đã chỉ ra tòa với tư cách nhân chứng. Trong bất cứ một chế độ dân chủ nào, trước một vụ tai tiếng lớn như vậy bộ trưởng nội vụ và có thể cả thủ tướng đã phải đệ đơn từ chức, nhưng chính quyền cộng sản đã không cảm thấy một trách nhiệm nào. Và cũng như hai vụ án tham nhũng lớn trước đây, đã chỉ có những cấp thấp bị hy sinh. Lối hành xử này không đánh lừa được dư luận quần chúng. Thay vì trấn an, nó chỉ gây thêm phần nộ.

Nhiều vụ án quan trọng nữa sắp diễn ra. Minh Phụng, EPCO, Huy Hoàng, Liên Hiệp Dệt Nam Định, Chiến Thắng...

Năm 1997 có thể coi là năm của những vụ án tham nhũng, trốn thuế, buôn lậu và buôn lậu ma túy. Đây là dịp để chúng ta đặt lại một vấn đề cơ bản của đất nước.

Tham nhũng, buôn lậu là những bệnh ung thư của mọi xã hội, mà nếu không khống chế được thì tất cả mọi kế hoạch dù về mặt kỹ thuật có hoàn chỉnh tới đâu cũng đều thất bại. Từ hơn hai mươi năm nay, chính quyền không ngừng kêu gào chống tham nhũng, buôn lậu, tệ đoan xã hội, nhưng các tệ đoan xã hội đã không giảm mà còn tiếp tục tăng lên, và tăng nhanh, để trở thành một thông lệ và một nếp sinh hoạt. Chính quyền đã hoàn toàn thất bại. Hơn thế nữa họ còn thẳng tay cướp đoạt tài sản quốc gia. Cái tài sản trên 20 tỷ đô-la của đảng cộng sản do đâu mà có? Hàng chục tỷ đô-la tiền bán đất, bán nhà cho người ngoại quốc ở đâu? Có vị lãnh đạo nào của đảng và nhà nước không có tương mục riêng tại các ngân hàng ngoại quốc?

Tham nhũng, buôn lậu, ăn cắp của công, phá hoại của công là do hiện tượng mất tinh thần trách nhiệm. Nhưng người dân chỉ có thể có trách nhiệm với đất nước khi đất nước là của chung. Khi đất nước đã bị chiếm đoạt làm của riêng của một đảng, người dân còn lý do nào để cảm thấy có trách nhiệm? Và khi đảng cầm quyền còn vợ vét tài nguyên quốc gia thì những lời kêu gọi tham nhũng, chống buôn lậu chỉ còn là trò hề, những bản án tử hình chỉ là một sự tàn bạo góm ghiec, những khẩu hiệu "dân làm chủ, dân biết, dân làm, dân kiểm tra" chỉ là đũa chày. Trong bối cảnh như thế, hối lộ và móc ngoặc chỉ là phản ứng tự vệ bắt buộc, bất chấp luật pháp và công ích không còn là những sai phạm đáng hổ thẹn mà còn có thể được cảm nhận như một thái độ bất khuất. Cách hành xử vô trách nhiệm này mới đầu là một phản ứng trước một chế độ tồi tệ dần dần trở thành một tập quán.

Chế độ cộng sản đã là một tai họa khủng khiếp cho đất nước về nhân mạng, kinh tế và môi trường, nhưng di sản độc hại nhất của nó chính là cái văn hóa chụp giạt, vợ vét, ăn xổi ở thì mà nó tạo ra và nuôi dưỡng. Đồ vợ lớn nhất chính là sự xuống cấp của con người và sự sụp đổ của ý thức cộng đồng.

Không ai có thể chối cãi rằng chống tham nhũng và buôn lậu là cuộc chiến đấu sống còn của đất nước. Nhưng còn nhiều tệ đoan xã hội khác: trộm cướp, mai dâm,

ma túy, ăn cắp và phá hoại của công. Hàng ngàn khúc dây điện bị cắt mỗi tháng để đem đi bán làm đồng vụn. Hàng trăm khúc ống dẫn nước bị cắt mỗi ngày chỉ để hứng lấy vài xô nước. Những hành động này báo động sự xuống cấp cùng độ của tinh thần công dân, nhưng cũng phản ánh sự bức bối của dân chúng đối với sự kéo dài quá lâu của một chính quyền không coi họ ra gì.

Chúng ta cần một sức bật mới của lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm, nếu không đất nước không có lối thoát. Chỉ cần một sự lương thiện tối thiểu những người cầm quyền cũng phải thừa nhận rằng họ không có khả năng tạo ra sức bật này. Những lời kêu gọi của họ không những đã trở thành nhắm nhá mà còn có tác dụng khiêu khích. Xã hội Việt Nam đã rất băng hoại và mất đạo đức, nhưng chính đảng cộng sản còn băng hoại hơn. Những tên lưu manh lớn nhất chính là những quan chức của chế độ. Đảng cộng sản còn uy tín với ai? Sức mạnh thô bạo chỉ có thể uy hiếp chứ không thể thuyết phục và động viên. Đất nước cần một lãnh đạo mới, gồm những người mà lời nói có trọng lượng. Những người đối lập đang ở tù còn có uy quyền hơn những người đang cầm quyền, nếu hiểu uy quyền là khả năng khiến người dân nghe và làm theo. Nếu đã đồng ý cuộc chiến đấu chống tệ đoan xã hội và phục hồi đạo đức xã hội là nhiệm vụ cốt lõi của chính quyền thì đảng cộng sản phải rút lui, nhường chính quyền cho những người dân chủ đang bị tù đầy hoặc trừ dập, hay ít nhất hiệp thương với họ để cùng tìm một giải pháp cho một tình trạng không còn dung túng được nữa, mà một mình đảng cộng sản không thể giải quyết.

Alexis de Tocqueville có một câu nổi tiếng: "Mối nguy của các chế độ chuyên chính thường đến đúng vào lúc mà chúng tìm cách tự cải tiến". Tại sao? Bởi vì đó là lúc các vấn đề trầm trọng tích lũy từ lâu được đưa ra ánh sáng và trách nhiệm của chính quyền bị phơi bày một cách phù phàng. Đảng cộng sản đã không tìm cách tự cải tiến, nhưng các vấn đề đã tích lũy tới độ tự chúng xuất hiện và tràn ngập chính quyền. Mối nguy lại càng trầm trọng hơn.

Các vụ án lớn vừa qua và nhiều vụ án mới sắp tới, trong một bối cảnh kinh tế xã hội ngày càng bế tắc, báo hiệu một giai đoạn rất sôi động, đòi hỏi các lực lượng dân chủ nhiều bình tĩnh và sáng suốt.

Thông Luận

Dân Việt toàn cầu hóa?

Tổng thống Pháp, trong thông điệp trước vòng một của cuộc bầu cử lập pháp, cũng như trong thông điệp giữa hai vòng, sau khi kết quả vòng đầu cho biết phe tả có thể chiếm đa số tại Quốc hội Pháp, đều nhắc đến như là một điệp ngữ (leitmotiv), ý chỉ xác định một mô hình xã hội cho phép bảo đảm chống lại các nguy cơ toàn cầu hóa.

Nhưng khi đọc kỹ các truyền đơn của các ứng cử viên của đa số đi ra (majorité sortante), mẫu xã hội đề nghị là những bảo đảm cho hệ thống hưu trí và bảo hiểm xã hội hiện hữu, đang bị thiếu hụt hàng tỉ quan và có nguy cơ bị thay thế bởi một hệ thống khác đòi hỏi hy sinh và đóng góp nhiều hơn nữa. Nếu đó là những nguy cơ của toàn cầu hóa thì điều đó không có liên hệ gì đến định nghĩa của toàn cầu hóa theo phạm trù kinh tế của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế cũng như quan điểm theo phạm trù văn hóa của các nhà trí thức hoặc giáo sư đại học.

Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế định nghĩa toàn cầu hóa là sự hội nhập các kinh tế trên thế giới qua thương mại, các trao đổi tài chính, chuyển nhượng kỹ năng, qua hệ thống truyền thông và các dòng xuyên văn hóa.

Các nhà trí thức lại quan niệm toàn cầu hóa là bọt nước của văn minh kỹ thuật, một thứ bọt nước có tính cường toan làm hoen rỉ mọi văn hóa chân thực, bắt đầu bằng văn hóa của phương tây, bị nó biến thể thành một thứ phó văn hóa bài tiết bởi một chủ nghĩa sản xuất thả cửa, siêu tiêu thụ và thương mại hóa mọi mối quan hệ của con người. Từ xưa tới nay, bất cứ ở đâu cũng có phó văn hóa: phó văn chương, phó hội họa, phó âm nhạc... Nhưng điều khác biệt là hiện nay là chỉ có một thứ phó văn hóa độc nhất và đồng dạng ngự trị trên toàn cầu, sản xuất một cách kỹ nghệ, nhất là bởi các công ty đa quốc gia về truyền thông (Méribel và Vandermerch, La sagesse chinoise, Flammarion, 1997, tr.115).

Á Châu, nhất là Đông Á, đang ở trong tình trạng bất ổn vì đang đi trên đường tư bản hóa, nhưng không có một hệ thống giá trị đặc thù để nhệp nhàng hóa đã phát triển, điều hòa hóa các biến đổi xã hội, hậu quả không tránh được của mọi cuộc phát triển. Chỉ cần nhìn Singapore, hoàn toàn tây phương hóa, trên mọi lãnh vực, từ giáo dục đến kiến trúc. Chỉ cần nhìn Trung

Quốc, đất nước của truyền thống chơi cây cảnh, đã bị một thứ gọi là kiến trúc phong cảnh với cứu cánh hoàn toàn thương mại xâm chiếm. Tại thành phố Shenzhen, thuộc tỉnh Quảng Đông, gần Hồng Kông, một công viên có tên là Splendid China Park với một tiểu Vạn Lý trường thành cùng các làng mạc thu nhỏ (của người Hán cũng như không Hán) đã bị cạnh tranh bởi công viên Window of the World Park, cách đó không xa, với hàng 10 ngàn khách thăm viếng một ngày để xem tháp Eiffel, Kim Tự Tháp, thác nước Niagara...

Chỉ có nước Nhật ý thức được nguy cơ này và đang kiếm lối thoát. Sakakibara, giám đốc quốc tế sự vụ của bộ tài chính Nhật Bản, người đã được báo New York Times tặng biệt danh là "ông Yen" vào mùa thu năm 1995, vì vai trò quan trọng của ông ta trong thị trường quốc tế hối đoái, người đã có uy tín như bộ trưởng tài chính Mỹ, Robert Rubin hoặc chủ tịch Ngân Hàng Trung Ương Đức (Bundesbank), Hans Tietmeyer. Sakakibara là người đã đóng góp rất nhiều vào việc đồng tiền Yen của Nhật lên giá gần đây, là tác giả nhiều sách về nền tư bản Nhật và biết rất rõ lịch sử tây phương. Trong một bài phỏng vấn trên nhật báo Le Monde phát hành tại Paris, ngày 24-05-1997, Sakakibara đã nói lên những nét đặc thù của nền tư bản Nhật "Chúng tôi không muốn ba chủ thuyết toàn nguyên (fondamentalisme) là Cộng Sản, Hồi Giáo và Thị Trường. Chúng tôi đã thu nhập nhiều văn hóa và bắt chước văn minh tây phương. Đã đến lúc dân Nhật giải thích cho thế giới biết những đặc thù của hệ thống Nhật bản. Chúng tôi là Nhật Bản, chúng tôi yêu văn hóa Nhật, chúng tôi kính nể lịch sử Nhật. Chúng tôi đã Mỹ hóa đủ rồi... bây giờ chúng tôi muốn là Nhật".

Việt Nam bị đắt hơn. Đi vào con đường tư bản hóa mà không có vốn liếng văn hóa nào cả thì mối nguy còn lớn hơn nữa. "Không có triết học Việt Nam", đó là nhận xét của một họa sĩ trong nước được ba nhà báo Francis Deron, Jean Claude Pomonti và Philippe Pons thuật lại trong bài báo với cái tit lớn trên trang nhất: Á Châu chiến thắng, Á Châu bất an (Asie du triomphe, Asie du malaise) đăng trên báo Le Monde ngày 9-5-97.

Trong khi đó, cộng đồng Việt Nam hải ngoại có ở trong tình trạng vừa chiến

thắng vừa bất an không?

Trên tuần báo Paris Match, tuần báo nổi tiếng tại Paris với khẩu hiệu: "Sức nặng của ngôn từ, cú sốc của hình ảnh" (Le poids des mots, le choc des photos), trong một cuộc phỏng vấn ông Jérôme Monod, chủ tịch-tổng giám đốc công ty Lyonnaise des Eaux, và sẽ là chủ tịch Hội Đồng Giám Sát đại công ty Suez-Lyonnaise des Eaux với 200 tỉ doanh vụ và 190.000 nhân viên, khi được hỏi ý kiến làm thế nào để có một giải pháp cho nền kinh tế và tình trạng thất nghiệp tại nước Pháp, cho biết cần phải đào tạo các "thiên thần kinh doanh" (business angels), nghĩa là những nhà kinh doanh trẻ, dám lấy hiểm nguy, mở cơ sở làm ăn để tạo công ăn việc làm mới. Các trường nổi tiếng của Pháp, như trường Quốc Gia Hành Chánh (ENA) đào tạo công chức cao cấp, nếu không đổi mới sẽ không đào tạo được những cán bộ có tầm vóc quốc tế. Một giai thoại mới nhất về trường ENA: Madelin, một nhân vật thuộc cánh hữu tự do tại Pháp, trong các diễn văn tranh cử Quốc Hội, đã chỉ trích ENA với một cách chơi chữ độc đáo: "Nước Ireland có Ira, Espagne có Eta, Italie có Mafia và nước Pháp có Ena". Ira và Eta là hai tổ chức đòi tự trị với chủ trương đấu tranh bạo động, Mafia thì mọi người đều biết là tổ chức giết người, làm tiền, buôn lậu, buôn nha phiến... nổi tiếng thế giới.

Theo Jérôme Monod, người ta có thể kiếm được ở Singapore hay đại học Bombay những nhà kinh tế, tài chính, những luật gia có phẩm chất bằng, nhiều khi hơn hẳn, các phần tử ưu tú của Pháp tốt nghiệp ENA. Trong khu vực kỹ thuật và khoa học, vẫn theo Jérôme Monod, các sinh viên của trường Bách Khoa (Polytechnique) nổi tiếng của Pháp còn kém một số sinh viên người Mỹ gốc Việt Nam tại Hoa Kỳ, đã qua mặt các sinh viên Mỹ sáng giá nhất.

Lời khen ngợi của ông Jérôme Monod - theo một vài nguồn tin là người thân cận của Tổng Thống Pháp, Jacques Chirac, và có thể được mời làm thủ tướng, như là một nhân vật của xã hội dân sự, trong trường hợp không có đa số tại Quốc Hội tương lai - phải được xem là một chiến thắng của cộng đồng Việt Nam hải ngoại, nhất là của những người trẻ của thế hệ thứ hai. Nhưng cộng đồng ấy cũng mang một niềm bất an lớn: niềm bất an của sự đánh mất hằng tính. Đó là mối lo tâm phúc của những người Việt Nam còn ưu tư đến việc xây dựng một cộng đồng không biên giới, không quốc gia, không cờ quạt, nhưng luôn luôn gắn bó để giữ gìn Việt tính.

Huyñh Hùng

Thay đổi chính quyền tại Pháp

Ngày 1-6-1997, dân chúng Pháp đã bỏ phiếu đưa liên minh cánh tả trở lại chính quyền với một đa số áp đảo. Liên minh cánh tả đã giành được 319 ghế trên tổng số 577 ghế dân biểu tại quốc hội. Liên minh cánh hữu trước đây chiếm 80% quốc hội đã thất bại thảm. Cuộc bầu cử này là một cuộc bỏ phiếu trừng phạt đối với cánh hữu. Nó cũng là một thất bại nặng nề đối với tổng thống Jacques Chirac.

Sai lầm về cơ bản của phe Chirac là đã không nhận thức được rằng, một cách âm thầm nhưng mãnh liệt, dân chủ đã thay đổi bản chất. Dân chủ cổ điển đã dần nhường chỗ cho dân chủ đa nguyên, một thứ dân chủ êm dịu trong đó sự chính đáng của chính quyền không những dựa trên kết quả cuộc bầu cử cuối cùng mà còn nằm trong sự thành khẩn tìm đồng thuận rộng rãi, trước hết trong nội bộ phe cầm quyền và sau đó giữa chính quyền và đối lập. Không ý thức được như vậy, tổng thống Chirac đã dựa vào thể chính thức của ông, chỉ cai trị với những người đã trung thành với ông trong cuộc vận động bầu cử tổng thống cách đây hai năm. Ngay cả khi lấy quyết định giải tán và bầu lại quốc hội, Chirac cũng đã chỉ thảo luận với những cộng sự viên thân cận nhất. Kết quả là ngay chính nội bộ cánh hữu cũng bị chia rẽ. Các nhân vật lớn trong cánh hữu trao đổi với nhau những lời lẽ cay đắng. Cánh hữu đã ra quân trong thế rời rạc. Trước mặt họ là một liên minh cánh tả tuy khác lập trường trên nhiều điểm quan trọng nhưng thảo luận thân thiện với nhau. Dân chúng Pháp đã ủng hộ tinh thần đối thoại và hợp tác đó.

Sai lầm chiến thuật không tha thứ được của tổng thống Chirac là đã ngoan cố giữ nguyên một thủ tướng rất mất lòng dân là Alain Juppé trong khi uy tín của vị thủ tướng giữ một vai trò quyết định trong bầu cử quốc hội. Ông Chirac đã làm một sai lầm tương tự như ông Bush trước đây cố giữ Dan Quale làm phó tổng thống, nhưng sai lầm của Chirac còn trầm trọng hơn nhiều vì bầu cử quốc hội cũng là gián tiếp bầu một thủ tướng. Sau vòng bầu cử đầu, ngày 25-5, khi thấy nguy cơ thua nặng, ông mới vội và thay đổi Alain Juppé. Kết quả là trong vòng hai, vòng quyết định, phe hữu không có thủ lãnh và cuộc tranh cử của phe ông thiếu hẳn khí thế. Một nhà đạo diễn không thể chọn một tài tử chính tồi, nhưng lại càng không được thay đổi diễn viên chính vào màn chót của vở kịch.

Nhưng thất bại của cánh hữu và thắng lợi của cánh tả còn có những nguyên nhân khác.

Trước hết, nước Pháp đang trải qua một cuộc chuyển hóa lớn đòi hỏi nhiều hy sinh để đi đến một sinh hoạt kinh tế thị trường thực sự có khả năng cạnh tranh được với thế giới. Nhưng dân Pháp có vẻ không sẵn sàng chấp nhận những hy sinh đó. Không thực hiện nổi cuộc chuyển hóa khó khăn này dân Pháp đã bối rối và bực bội. Họ có thể sa thải một cách phũ phàng một đa số áp đảo mà họ chọn lựa không bao lâu trước đó và họ cũng có thể đem trở lại chính quyền những người mà họ vừa mới vứt bỏ. Muốn họ chấp nhận những hy sinh không có không được đó, nước Pháp cần một lãnh tụ có uy tín, có tầm nhìn và có sức thuyết phục. Tổng thống Chirac không có sức hấp dẫn đó, đã thế các nhân vật quan trọng nhất chung quanh ông, kể cả thủ tướng Alain Juppé và ông Jean Tiberi, người kế vị ông trong chức vụ thị trưởng Paris, lại đang dính líu vào nhiều vụ tai tiếng về tiền bạc. Một yếu tố khác cũng rất quan trọng trong bối cảnh chính trị Pháp là sự ly dị ngày càng rõ rệt giữa quần chúng và giai cấp chính trị, chủ yếu gồm những thành phần ưu tú xuất thân từ trường ENA (Quốc Gia Hành Chánh) hầu như không chia sẻ những ưu tư hằng ngày của một người Pháp trung bình trong một giai đoạn kinh tế khó khăn. Đây là khuyết điểm của cả hai phe tả cũng như hữu, nhưng ít ra lần này cánh tả cũng tỏ ra đổi mới về nhân sự hơn, các ứng viên của họ tương đối bình dân hơn, phụ nữ cũng hiện diện một cách đồng đều hơn.

Sau đó, thể chế chính trị của Pháp cũng đã lỗi thời. Nó là một thể chế nửa tổng thống, nửa đại nghị với hậu quả kỳ cục là trong nhiều trường hợp tổng thống, nhân vật nhiều quyền lực nhất, lại thuộc phe đối lập. Tổng thống và chính phủ kinh địch nhau, không ai muốn đối thủ mình thành công. Khi soạn thảo ra hiến pháp nền Đệ Ngũ Cộng Hòa, các tác giả của nó có lẽ đã chỉ nghĩ đến trường hợp sống chung giữa một tổng thống và một chính phủ đối lập với nhau như một ngoại lệ nhất thời, lâu lâu mới có. Kinh nghiệm cho thấy sự chung sống này là một thông lệ hơn là một ngoại lệ. Sự trục trặc này khiến cho chính trị nước Pháp trở thành rất khó quản trị và dễ lâm vào bế tắc, và người dân thường có khuynh hướng trừng phạt đảng cầm quyền vì sự bế tắc thực ra xuất phát từ thể chế. Trong 16 năm qua đã

có 5 cuộc bầu cử quốc hội và lần nào phe đa số đang cầm quyền cũng thất bại. Sau gần 40 năm được thử nghiệm và đã đem lại một số kết quả khả quan, thể chế này không còn hợp thời nữa. Trước đây mỗi thủ tướng mới nhận chức thường được một giai đoạn ân huệ lúc đầu, ít nhất một năm. Thời gian này càng ngày càng bị rút ngắn lại, các vị thủ tướng mới nhận chức hầu như không còn một thời gian ân huệ nào cả. Họ rất khó hành động. Đã đến lúc nước Pháp cần xét lại chế độ chính trị, chọn lựa dứt khoát giữa hai chế độ tổng thống hoặc đại nghị. Nước Pháp cũng phải thay đổi cách bầu cử quốc hội hai vòng. Lỗi đầu phiếu này dựa trên sự phân cực giữa hai phe tả hữu đối kháng nhau mãnh liệt về mặt ý thức hệ. Nhưng ngày nay, với sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác và sự tan rã của phong trào cộng sản, sự phân cực tả hữu gần như mất hết nội dung. Vòng hai chỉ tạo ra những liên minh quyền lợi giữa bộ tham mưu các chính đảng và đưa tới một quốc hội không phản ánh trung thực nguyện vọng của dân chúng.

Những hậu quả có thể nhìn thấy được là:

. Tổng thống Chirac bị suy giảm nặng nề, ông sẽ phải im lặng trong một thời gian khá lâu. Nước Pháp bị tê liệt ở cơ quan cao nhất.

. Liên minh cánh hữu và nhất là đảng Tập Hợp Vì Nền Cộng Hòa (RPR) của tổng thống Chirac sẽ phải trải qua một thời gian hỗn loạn, có nguy cơ tan rã, tạo một vùng đất màu mỡ cho đảng cực hữu của Le Pen.

. Chính phủ cánh tả sẽ lập tức bị đặt trước những khó khăn rất lớn. Họ đã hứa hẹn nhiều điều rất khó thực hiện như giảm thuế, giảm giờ làm việc mà vẫn giữ nguyên mức lương bổng, tạo nhiều công ăn việc làm trong khu vực công, thương thuyết lại những tiêu chuẩn hội tụ của Liên Hiệp Châu Âu, nới lỏng chính sách di dân, v.v... Họ cũng sẽ phải chịu rất nhiều áp lực chống những cố gắng và hy sinh mà nền kinh tế Pháp đang đòi hỏi.

Người ta có thể nghĩ tương lai nước Pháp sẽ rất bấp bênh và quả thực nước Pháp sẽ trải qua một giai đoạn khó khăn. Tuy nhiên như thế không có nghĩa là Pháp sẽ suy sụp. Pháp là một trong những nền dân chủ lớn trên thế giới và như mọi nền dân chủ, nó vẫn có lối thoát. Các chế độ dân chủ luôn luôn gặp khó khăn nhưng vẫn không ngừng tiến tới.

Nguyễn Văn Huy

Thương mại và nhân quyền trong quan hệ Pháp-Trung

Nguyễn Phi Phụng

Chuyến công du của tổng thống Pháp Jacques Chirac ở Trung Quốc trong 4 ngày từ 14 đến 18 tháng 5 vừa qua đã đánh dấu một kỷ nguyên mới trong sự bang giao giữa hai nước. Đường lối ngoại giao của Pháp đã chuyển hướng và nghiêng hẳn về phía Bắc Kinh từ năm 1993 trở đi. Cũng nên nhắc lại Pháp là quốc gia Tây Phương đầu tiên công nhận Bắc Kinh năm 1964, sau khi Mao nắm chính quyền từ năm 1949. Trừ Anh Quốc không đoạn giao với Bắc Kinh và trong nhiều năm vẫn giữ quan hệ ở mức lãnh sự, các quốc gia Tây Phương khác và Mỹ chuyển sang công nhận chính quyền Đài Loan của Tưởng Giới Thạch.

Hành động của tướng de Gaulle trong việc công nhận chính quyền Bắc Kinh được xem là một hành động can đảm trong bối cảnh lịch sử lúc đó. Thực ra, chính sách ngoại giao của cố tổng thống de Gaulle đã được vạch sẵn trong đường lối độc lập với Mỹ. Một năm trước đó, Pháp đã rút ra khỏi khối Bắc Đại Tây Dương (OTAN). Diễn văn ở Phnom Penh trong năm 1966 kêu gọi Mỹ phải rút khỏi chiến trường Việt Nam cũng nằm trong đường lối nói trên. Các chính quyền nối tiếp của các tổng thống Georges Pompidou, Valéry Giscard d'Estaing, François Mitterrand không mấy quan tâm đến tầm quan trọng của Bắc Kinh, thậm chí quan hệ giữa hai nước lại căng thẳng trong thời kỳ Mitterrand (1981-1995).

Bắc Kinh trong nhiều thập niên theo đường lối tự lực cánh sinh và bế quan tỏa cảng, lại thêm 10 năm "Đại cách mạng văn hóa" nên phát triển bang giao, thương mại giữa hai nước dậm chân tại chỗ. Hơn nửa sức mua hàng của Bắc Kinh thời đó rất hạn chế. Phải đợi tới năm 1978 với đường lối mở cửa kinh tế của Đặng Tiểu Bình, thị trường Trung Quốc trở nên "hấp dẫn" và vấn đề nhân quyền lại được đặt ra. Tổng thống Mitterrand không những chỉ trích những vi phạm nhân quyền của Bắc Kinh mà còn có những hành động bất thiện cảm làm cho Bắc Kinh bất mãn. Pháp đã cho 500 sinh viên Trung Quốc tiếp tục cư trú ở Pháp sau biến cố Thiên An Môn năm 1989. Tiếp theo đó, Pháp bán vũ khí và phi cơ chiến đấu cho Đài Loan cũng như "treo giò" thủ tướng Lý Bằng, không cho chính thức viếng thăm Pháp. Tổng thống Mitterrand còn tuyên bố: "Một chế độ đã cho bắn sinh viên và học

sinh là một chế độ không có tương lai". Bắc Kinh trả đũa bằng cách không cho Pháp cạnh tranh trong các hợp đồng đầu tư và cho đóng cửa hai lãnh sự quán của Pháp ở Thượng Hải và Quảng Châu.

Paris chuyển hướng

Khi phái hữu RPR-UDF của Pháp có đa số ghế trong quốc hội năm 1993, chính phủ của ông Balladur đã chuyển hướng chính sách ngoại giao thành thân thiện với Bắc Kinh. Paris không những ngưng buôn bán với Đài Loan mà lại còn bị Bắc Kinh bắt buộc phải khẳng định "Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc". Sau đó, chuyến công du của thủ tướng Balladur, tháng 4-1994, ở Bắc Kinh đã bình thường hóa quan hệ giữa hai nước mặc dù Bắc Kinh gài nhiều bẫy về vấn đề nhân quyền cho Pháp. Ký giả Jacques Almaric của báo "Libération" (Giải Phóng), số ra ngày 12-4-1994, đã viết: "Một trong những quy luật cơ bản của ngoại giao là không bao giờ ở cương vị xin xỏ. Vì không tôn trọng quy luật đó, ông Balladur vừa làm một hành trình du thừa". Để tránh làm Bắc Kinh mất mặt, Paris phải mời Giang Trạch Dân, chủ tịch nước, sang thăm viếng Pháp trong tháng 9-1994 thay vì thủ tướng Lý Bằng.

Từ khi tổng thống Chirac đắc cử năm 1995, Paris hoàn toàn chuyển hướng ngoại giao về Á Châu và đặc biệt với Bắc Kinh. Chính quyền Pháp đã có nhiều nhượng bộ rõ rệt. Trong năm 1996, Paris đã không cho một bác sĩ Trung Quốc vào Pháp tị nạn vì bà này đã tố cáo việc đối xử tàn tệ với trẻ em từ lâu trong một viện mồ côi ở Thượng Hải. Ở Genève, người đại diện của Pháp không đồng ý về văn kiện của Liên Hiệp Á Châu lên án chế độ vi phạm nhân quyền của Bắc Kinh. Trong cuộc họp thượng đỉnh Âu-Á ở Bangkok đầu năm 1996, Pháp cũng chấp nhận không đề cập chính thức đến vấn đề nhân quyền. Trước việc biểu dương lực lượng của Bắc Kinh ở vịnh Đài Loan tháng 3-1996, thái độ của Pháp quá mập mờ trong khi Hoa Kỳ đã ra lệnh cho Hạm đội 7 trở lại eo biển Đài Loan.

Kết quả của các sự kiện trên là Paris đã chính thức mời Lý Bằng sang viếng thăm Pháp trong tháng 4-1996. Lý Bằng được báo chí thế giới cho là người trách nhiệm trực tiếp trong việc thảm sát Thiên An Môn năm 1989. Do đó chuyến viếng

thăm của Lý Bằng ở Pháp đã bị báo chí lên án nghiêm khắc. Bài xã luận trên nhật báo "Le Monde" (Thế Giới) của Pháp ngày 10-4-1996 với đề tựa "Nhân quyền đang làm nguy" đã viết: "Áu Châu và Mỹ đã tấn thành bản tuyên ngôn về nhân quyền ở Á Châu, theo đó sự khác biệt về văn hóa biện minh cho quan điểm khác nhau, nhưng thực tế là Âu-Mỹ đã từ bỏ, không nói đến nhân quyền nữa". Dĩ nhiên bài báo đó chỉ trích thái độ của các nhà cầm quyền Âu Mỹ và trách cứ tổng thống Chirac đã có thái độ mập mờ khi ông tuyên bố trước đó trong chuyến công du tại Ai Cập: "Sự trung thành với nhân quyền như một giá trị phổ thông không cấm chúng tôi thừa nhận giá trị đó có thể được diễn tả qua nhiều hình thức khác nhau". Cũng trong tờ báo nói trên, một số quan chức cao cấp trong Á Châu vụ của bộ ngoại giao Pháp, dưới bí danh Pancrace Berville đã viết: "Việc tiếp đón ông Lý Bằng là một sai lầm về chính trị và một lỗi lầm về đạo đức [...]. Ông Lý Bằng đã tìm lại được danh dự đã mất. Những người đang cầm quyền có biết chăng họ đã hy sinh danh dự của họ và cả danh dự của chúng ta".

Trong khi đó, giới kinh tài và chính quyền Pháp đã trải thảm đỏ để đón tiếp nồng hậu Lý Bằng với hy vọng có nhiều hợp đồng về thương mại. Họ đã được những gì? Nhiều hợp đồng trị giá tổng cộng là 2,4 tỉ USD đã được ký kết, nhưng trong đó chỉ có 10 máy bay dân sự Airbus A320 được mua chính thức, số còn lại chỉ là những ý định thư, nghĩa là chỉ có ý định mua. Cũng nên nhắc lại là các hợp đồng ký với ông Giang Trạch Dân trong năm 1994, trị giá 3,5 tỉ USD, cho đến nay chỉ khoảng 10 % được thực hiện.

Thực sự Bắc Kinh đã dùng thị trường Trung Quốc làm công cụ ngoại giao đối với các quốc gia Tây Phương để buộc các nước này không được đá động đến vấn đề nhân quyền nữa. Thông điệp của Lý Bằng gửi tổng thống Clinton lúc đó là Bắc Kinh có nhiều bạn bè ở Á Châu để dài hơn Mỹ về vấn đề nhân quyền để trả đũa Mỹ cho Hạm đội 7 trở lại eo biển Đài Loan tháng 3-1996.

Chuyến công du của tổng thống Chirac lần này ở Bắc Kinh cũng mang lại cho Pháp nhiều hợp đồng, chủ yếu là một hợp đồng về việc bán 30 máy bay Airbus A320 với tổng trị giá 1,5 tỷ USD. Nhưng giá phải trả là Pháp đã chống nghị quyết

lên án Trung Quốc vi phạm nhân quyền trước đó ở Hội Đồng Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève, trong khi nhiều nước nhỏ hơn như Đan Mạch, Hòa Lan, Bỉ, v.v... ủng hộ. Bắc Kinh qua tiếng nói của Kiều Thạch, chủ tịch quốc hội, đã chính thức cảm ơn thái độ mới của Paris trong chuyến công du ở Pháp hồi cuối tháng 3. Phát ngôn viên Thẩm Quốc Phóng gương gạ tuyên bố: "Thương mại và nhân quyền không có quan hệ". Ngoài ra, tổng thống Chirac không ngừng ca ngợi "nền văn minh sáng chói của Trung Quốc". Paris chỉ đưa ra một danh sách 17 người, trong đó có người tù nổi tiếng Ngụy Kinh Sinh, sinh viên Vương Đan, nữ ký giả Cao Du, v.v... xin Bắc Kinh khoan hồng. Thái độ làm chùi lòng của ông Chirac đối với Bắc Kinh đã bị thủ lĩnh Đảng Xã Hội Pháp, ông Lionel Jospin (nay là tân thủ tướng) cho là thiếu can đảm.

Các lãnh tụ Âu Mỹ đi tìm thị trường mới để gia tăng xuất khẩu đem lại công ăn việc làm cho dân chúng là điều chánh đáng, bình thường. Trong trường hợp nước Pháp, một nước Tây Phương đầu tiên công nhận chính quyền Bắc Kinh, Pháp vẫn còn ở một địa vị quá khiêm tốn. Paris chỉ chiếm dưới 2% nền thương mại của Trung Quốc với cán cân thâm hụt 18,4 tỷ FF (khoảng 3,2 tỷ USD). Ông Chirac đã làm một công việc mà bất cứ một lãnh tụ quốc gia nào cũng phải làm, tiếc rằng ông đã quên Pháp là quốc gia sáng lập về nhân quyền. Ông cũng đã quên lời khuyên nhủ của đại văn hào Montesquieu (1698-1755): "Các cường quốc được xây dựng bằng thương mại có thể tồn tại lâu dài trong sự nhỏ nhen tâm thường, nhưng sự vĩ đại của họ thì chẳng bao giờ trường tồn".

Nguyễn Phi Phụng

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Sự tồn tại của Nguyệt san Thông Luận không bị đe dọa nhưng khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập

Nghị định 31/CP

Ranh giới nhà tù mở rộng tới nhà dân

Hai Cà Rèm

LTS: Hai Cà Rèm là bí danh của một trí thức rất quen thuộc với trí thức trong nước không muốn ký tên thật vì sợ điện thoại sẽ bị "sự cố kỹ thuật".

Ngày 16-4-1997, tờ Quân Đội Nhân Dân loan tin: chánh phủ ông Võ Văn Kiệt vừa ra lò một nghị định mang số 36/CP. Nghị định này cho phép các ông bạn dân (công an là bạn dân mà) được quyền quản chế các ông chủ (dân là chủ mà) bị coi là có "nguy hại cho an ninh xã hội". Thời hạn quản chế có thể kéo dài từ 6 tháng tới 2 năm (không báo nào đăng chi tiết nghị định này, hoặc Hai Cà Rèm không tìm thấy nó ở đâu trong các báo bán qua phương Tây).

Từ lâu những người chăm chú theo dõi thời cuộc đều biết cái gọi là "mở cửa" kinh tế cho tư bản ngoại quốc vô Việt Nam của mấy ông bự ở khu Ba Đình Hà Nội chỉ nhằm để "tu bản đồ" của mấy ông hợp tác chặt chẽ với họ đang bóc lột nhiều hơn nữa giá trị thặng dư do giai cấp công nhân, đội tiền phong của cách mạng, làm ra. Tên chủ của cái quái thai này kêu bằng "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Cái này ông Mác không hề biết tới, đừng đổ oan cho ông tội nghiệp. Còn lại, trong các lãnh vực khác thời ông Kiệt này kiệt lắm - cho dù giữa các ông bự với nhau tới nay không còn tình đầu gối tay ấp mà trái lại thiệt sự đã đầu húc tay quánh nhau rồi, mấy ông vẫn cùng khoác tay đồng ca bài "kết đoàn chúng ta là lưu manh" (chớ hông phải như bọn con nít thường hát trật lác: kết đoàn chúng ta là sức mạnh" đâu nghen). Trong sự khẹp chặt của lại mấy ông đồng tình với nhau lắm. Tui nói bậy, phải cải chính liền: hông phải khẹp mọi cửa. Có mở chớ, mở to nữa là khác, mở nhiều nữa là khác, mở đủ mọi thứ cửa. Thí dụ: cửa các nhà hàng sang thiết là sang, các ô-ten ba bốn năm sao, sáu bảy tám sao, các quán bia ôm, thậm chí cả cửa biên giới của Môi cho lù Răng vô bán hàng ế cùng mở toát hoát. Chỉ có một cửa không thể mở - ấy là cửa dân chủ. Cánh cửa này coi nhỏ vậy mà nguy hiểm lắm lắm. Nó như cái lỗ hà, mà dân chúng là nước, nước ùa vô là mấy ông chìm xuống tấp lự.

Chỉ tội nghiệp cho mấy người vốn lạc quan, lại là thân hữu của những người

ngưỡng mộ ông thủ tướng họ Võ. Từ xa gương mặt đổng tai hướng về tổ quốc, nghe ông cao giọng ca bài "mại dzô mại dzô, mua một tặng một", họ tưởng bỏ, mới hô ầm lên rằng ở quốc nội có Võ đại nhân cầm đầu một phe kêu bằng cấp tiến đang đấu tranh chống lại phe bên kia kêu bằng bảo thủ. Phen này ông đập tan phe bảo thủ cho coi. Nước mình rồi dù dù tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc, trở thành con rồng ngay đó cho coi. Phần còn lại của thế giới đứng nhìn đàn con Rồng cháu Tiên phóng như bay trên đường làm giàu tha hồ mà chóng mặt.

Thời gian trôi. Hóa ra Võ đại nhân "nói dặng mà hông phải dặng". Không hổ tiếng con cháu Tắc Thiên nữ hoàng đế, cũng họ Võ. Ông nói dặng là để biến cái đường dây điện 500 kilô-vôn Bắc Nam trở thành cái xe tải chở đồ về các chân gỗ của ông, rồi các chân gỗ của ông mới chở tiếp về cái chốn hang hùm nhà ông. Đồng bào chớ có tiếc, "vua nước Sở mất cung, người nước Sở bắt được", lột cái sàng của đồng bào thời xướng nia ông thủ tướng, mất đi đâu mà buồn!

Mấy ông sĩ phu trong nước cũng bé cái làm tuốt. Tờ quảng cáo thuốc lậu của Võ đại nhân mà các vị vô tình truyền cho nhau coi chánh là lá bùa sặc sỡ mà mấy ông tung ra cho các vị mắc, để các vị ngồi trong nhà giam bóc lịch, khỏi ồn ào nói chuyện dân chủ làm mấy ông ngứa con ráy. Chớ có chi kỳ lạ trong tờ quảng cáo đó đâu mà kêu mật với không tới mật! Các ông Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu bóc lịch xong rồi, mấy ông còn chưa yên trong lòng, bèn sai lâu la cắt bếng điện thoại của các vị, để các vị khỏi bóc mẽ mấy ông trước lân bang hàng xóm rằng thuốc ho của mấy ông không phải chánh hiệu bà lang Trọc, dầu cũng là đồ dỏm, chẳng phải của bản hiệu Đại Quang được phòng...

Cùng vẫn chưa thấy yên. Bộ tham mưu của mấy ông bèn loay hoay điều chế ra cái 31/CP. Võ đại nhân coi qua, ký cái rết. Ông thủ tướng của chúng ta bảnh

hôn?! Còn thằng dân chủ nào nữa ló cái mặt ra coi, ông cho quản chế liền. Vừa nhân đạo, vừa rẻ tiền, nhất cử mà lưỡng tiện. Không được tung tăng đi lại, bọn dân chủ sẽ đói. Chỉ có môn đánh bốc dở hơi mới cấm thoi vô bụng, chớ đảng cộng sản của ông trước nay cứ nhằm cái bao tử của dân mà thoi, dân ngoan đảo để. Cả thế giới bây giờ mới té ngửa ra rằng mình lầm, một thời tội nghiệp ông bị phe bảo thủ chèn ép.

Với cái 31/CP, ông thủ tướng họ Võ bắn một phát tên mà trúng mấy đích. Thứ nhất, ông không phải xin Quốc Hội duyệt chi kinh phí mở thêm các nhà tù vốn đã nhiều. Bây giờ nhà tù ở ngay trong nhà dân, tiện quá xá. Thứ hai, biết đâu đó, ông lại chẳng ghi thêm vô cái 31/CP này một điều bổ sung: cho bọn quản chế lên tuốt luốt tận dải Trường Sơn làm đường cho mau tiến bộ. Cái đường Trường Sơn này, nói nhỏ nghen, trúng lắm đó. Hồng biết ông thủ tướng nghĩ ra hay sáng kiến này được soạn từ trong hang hùm (nhớ nữ sĩ Xuân Hương không: "Áy chốn hang hùm chớ mó tay!"). Nghe nói ông thủ tướng Nga Chernenok định chuẩn bị về vườn đã giắt lưng chòm chèm bốn năm tỉ đô, ông thủ tướng nhà ta mà thua người nhiều quá thời thiệt xấu hổ cho giống nòi Lạc Hồng!

Và đây mới là cái quan trọng nhứt - quản chế bọn chúng lại là chúng hết nói chuyện tào lao bằng điện thoại với bọn phản động, bọn đài báo nước ngoài, mọi chuyện làm ăn của ông mới êm nhem đi choặng. Thí dụ như chuyện cậu Cả Nam nhà ông đang bàn tính với mấy trụ tư bốn nước ngoài đặng giựt cái hợp đồng đường Bắc Nam, bở lắm lắm. Thí dụ chuyện con hùm xinh xinh của ông mới đây vừa tậu một căn nhà cũng xinh xinh bên bờ sông Seine với giá hai triệu đô. Chúng còn dọa sẽ cho xuất bản một cuốn sách về đời người đẹp của ông, với rất nhiều chi tiết giựt gân, chẳng hạn như trong cuốn sách sẽ có cả những lời phát biểu cảm tưởng của các cụ nhân tình của người đẹp, trong đó một đồng chí cột nhà cháy nói rằng con hùm dễ thương lắm, lại không hề phân biệt chủng tộc một chút nào... Rằng người đẹp của ông chỉ phân biệt cha ruột xác xơ của bà với cha dựng danh tiếng mà thôi. Cha ruột nhớ giọt máu tới thăm bà, bà tổng khỏi cửa liền.

Mấy chú công an phường nghe nói có cái 31/CP ra đời mừng hết lớn, kêu nhau tụ tập nhậu một nhĩ, hi hã ca bài "Bây giờ

không phải thời Hồ Chí Minh. Bây giờ là thời Võ Văn Kiệt!", như các bạn đồng nghiệp vung dùi cui an ủi đồng bào xã Kim Nở dấm chống lại mấy ông chủ Đại Hàn thương dân ta nghèo đang xây sân gôn ngoài Bắc. Có cái 31/CP rồi quyền của mấy chú lớn lắm. Ba thằng dân ngoe ăn nói tầm bậy tầm bạ, hoặc không tầm bậy tầm bạ nhưng không biết phải trái, mau mau biết điều nộp mạng, bằng không mấy chú báo cáo lên trên là quản chế liền, cho mà đói rã họng. Quản chế là không được đi đâu khỏi địa phương, hỏi bọn bay kiếm ăn đường nào?

Cái 31/CP của Võ đại nhân, theo lời bình của mấy ông làm nhứt trình bên này, hoàn toàn không mới. Cũng là một cái "biết rồi, khổ lắm, nói mãi". Nó đi sau Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mang số 49NQ/TVQH do cố chủ tịch Trường Chinh ký ngày 20-6-1961, vị chi là 16 năm. Theo Nghị quyết này, chánh quyền (chủ yếu cũng là công an) có quyền bắt các công dân bỏ vô tù mà không cần đến thủ tục tố tụng, mỗi hạn tập trung cải tạo được ấn định là ba năm, hạn này hết thời có hạn khác kế tiếp, nếu người tù chưa "cải tạo tốt". Ở nước anh em đã từng cho Việt Nam một bài học cũng có thứ đó, kêu là trại "lao cải" (xin coi mấy cuốn sách của Harry Wu về trại "lao cải" ở Trung Quốc), bắt đầu bằng cái tên giả là "Trường 7-5". Cho tới tháng 2-1980, trại "lao cải" mới được thể chế hóa bằng một chỉ thị của ông tổng lý quốc vụ viện Chu Ân Lai. Đáng tự hào đó chớ: trong chuyện này Trung Hoa vĩ đại coi vậy mà còn kém nước Việt Nam nhỏ xíu. Nếu bỏ tù công dân không cần xét xử là hành động phát-xít thời ông trùm phát-xít ở nước ta là cố tổng bí thư Trường Chinh kia, chớ không phải của Võ đại nhân đâu. Đương kim thủ tướng chỉ đáng đệ tử ông mà thôi. Đừng có kên!

Lật lại sử cũ mới thấy mấy ông lãnh đạo này cừ thiệt. Coi dân như gà trong chuồng nhà mình, gần gụi hết sức! Lúc nào bắt thời bắt, lúc nào giết thời giết, khỏi cần bày đặt xử án lồi thoi. Năm thế kỷ trước ông cha ta lạc hậu quá xá, ai có tội lại cứ phải đem ra xử, thiệt mất thời giờ! Nghe nè, trong Quốc triều hình luật, điều 63 viết: "*Ngày quyết tụng (xử án) quan đại thần và các quan xét án đều phải hội đồng lại xét lại hỏi kỹ càng cho rõ sự phải trái, cốt để mọi người đặng yên lòng. Nếu có điều chưa rõ phải thẩm xét lại, không được cố chấp ý riêng mình, bắt mọi người*

phải theo, bày ra lý này lý khác để có người mắc oan...". Hoặc như trong điều 64: "*Sau khi quan đại thần định rõ tội danh, quan hình ngục phải đem lễ đúng sai cùng tội danh đã định báo cho kẻ bị tội biết để người đó phục tội, nếu chưa phục tội thì xét hỏi nữa. Nếu lễ thiệt chưa xét ra và lý lẽ chưa rõ ràng mà cố khép vào tội thì quan hình ngục bị xử theo luật cố ý khép tội người tùy việc nặng nhẹ...*".

Quốc triều hình luật, còn được kêu bằng Luật Hồng Đức, là do bậc đại trí thức thời đó là cụ Nguyễn Trãi khởi viết từ năm 1440 đến năm 1442, rồi sau được liên tục bổ sung, không phải do các luật gia thuộc thành phần cơ bản (công, nông, binh) soạn, cho nên mới bị mấy ông lãnh tụ Hà Nội coi khinh.

Con hơn cha là nhà có phúc.

Ngược lại, ắt vô phúc vậy!

Hai Cà Ràm

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)
Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:

Ông Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048 Fax: 069-443913
và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Bắc Mỹ có thể liên lạc
với đại diện Thông Luận tại Bắc Mỹ:

Ông Phạm Ngọc Lân
4345 Calypso Terrace
Fremont CA 94555
Ngân phiếu xin đề:
Mr. Phạm Ngọc Lân

Thư gửi Quốc Hội

Nguyễn Thanh Giang

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 1997

Kính gửi Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam

Các cơ quan Đảng và Chính phủ
Các cơ quan Thông tấn và Báo chí

Ngày 20 tháng 4 năm 1997, tôi đã viết bức thư sau đây:

"Tôi là Nguyễn Thanh Giang, 61 tuổi, ủy viên ban Thường vụ Hội Địa Vật Lý Việt Nam, xin khẩn thiết tấu trình với các đồng chí một việc như sau:

Hội các nhà Địa học và Kỹ sư Châu Âu tổ chức Hội nghị quốc tế về Địa Vật Lý tại Genève - Thụy Sĩ - vào tháng 5-1997. Tôi được mời tham dự hội nghị này. Hội Địa Vật Lý Việt Nam đã đề nghị và Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam đã đồng ý cử tôi đi dự hội nghị.

Vì đã nghỉ hưu từ tháng 12-1996, tôi phải tự chạy thủ tục xin hộ chiếu phổ thông. Gần một tháng qua, kể từ lúc đệ trình giấy mời, tôi đã phải đi lại rất nhiều, đứng ngồi chầu chực vạ vật hết Công an phường Thanh Xuân Bắc đến Công an xã Trung Hòa, huyện Từ Liêm, vv... một cách rất tủi nhục. Cuối cùng tôi đã phải báo cáo với trung tá Hà, trưởng phòng 2 và thiếu tá Hồ Việt Lê ở cục A17 - Bộ Nội vụ nhưng công việc vẫn không tiến triển được.

Năm 1982, khi được mời dự một hội nghị khoa học quốc tế ở Kuala Lumpur, tôi cũng đã từng gặp nhiều khó khăn tưởng không thể nào vượt qua nổi. May sao ngày ấy có giáo sư Tạ Quang Bửu tận tình trực tiếp báo cáo với Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nhờ sự can thiệp của không chỉ của Thủ tướng mà cả đồng chí Tố Hữu - thường trực Ban Bí thư - tôi mới được lên đường. Từ bấy, tôi đã được mời dự hội nghị hoặc trao đổi khoa học ở nhiều nước. Thật tình thì lần nào cuối cùng tôi cũng được đi nhưng lần nào làm thủ tục tôi cũng (phải nói đúng chữ là) bị hành hạ ghê gớm. Nhiều lần đi muộn. Thậm chí năm ngoái, trường đại học tổng hợp UCLA ở Los Angeles đã gửi giấy mời tôi sang đọc mấy bài giảng về Cổ từ học vào học kỳ Mùa Xuân, nhưng vì thủ tục chậm trễ, bạn bị lỡ hẹn đành chuyển chương trình và lại

phải mời tôi sang vào học kỳ Mùa Thu.

Điều hết sức kỳ lạ là lần đi nước ngoài nào tôi cũng cố gắng thực hiện nhiệm vụ của mình rất tốt đẹp. Không hề có bất cứ sai sót gì trong bất cứ lĩnh vực nào. Vậy mà tôi vẫn gặp muôn ngàn rắc rối khi làm thủ tục cho những chuyến đi sau đó!

Tôi tham gia cách mạng từ kháng chiến chống Pháp, từng làm giám tô, sửa sai cải cách ruộng đất, giáo viên phổ thông, ngũ rưng lợi suất khảo sát địa chất - địa vật lý... Hơn 40 năm qua lúc nào tôi cũng công tác rất nhiệt tình, hoàn thành nhiệm vụ có thể xem là khá xuất sắc. Tôi là người đầu tiên khẳng định khả năng chứa Uran trong vùng mỏ Nông Sơn, là người tự thiết kế lắp ráp các thiết bị để xây dựng phòng nghiên cứu Cổ từ đầu tiên ở Đông Nam Á., là người Địa Vật Lý Việt Nam đầu tiên được mời đọc báo cáo khoa học tại một hội nghị quốc tế lớn ở Washington... Có thời tôi được bầu chiến sĩ thi đua nhiều năm liền và đã từng được cơ sở (cấp cục) đề nghị trên xét tặng danh hiệu anh hùng lao động. Tôi vốn sống trung thực, nhân ái. Cho đến ngày này không những tôi chưa bao giờ vi phạm pháp luật mà thời trước cũng chưa hề bị bất cứ hình thức kỷ luật nhỏ nào, kể cả việc đưa ra kiểm thảo.

Vậy mà sao cả đời theo cách mạng tôi cứ mãi bị phân biệt đối xử, bị bạc đãi. Trước đây do phải cảnh giác lý lịch, gốc gác cha ông đã đành. Ngày nay đã đổi mới và yêu cầu hiện đại hóa công nghiệp hóa một cách sống còn đòi hỏi chúng ta phải thực sự mở rộng đại đoàn kết, hòa giải hòa hợp để không chỉ giảm thiểu chống đối mà còn tranh thủ được mọi tài năng trí tuệ trong và ngoài nước, nhưng sao lại vẫn cứ như thế này!!!

Tôi không chỉ "cay cú" về một chuyến đi họp ở nước ngoài. (Sự thật thì cũng đáng "cay cú", bởi vì ai cũng đã biết còn được mời mọc như thế này chính là nhờ dư hưởng của suốt bao nhiêu năm "dùi mài kinh sử", của nhiều đêm xưa hầu như thức trắng. Nay tuy sức khỏe còn tốt, trí lực vẫn dồi dào, nhưng vì đã nghỉ hưu nên chắc gì còn sẽ được "mua chuộc đón mời" nữa). Sau mấy năm tiến hành cải cách hành chính, nghị quyết 2 lại vừa ghi rõ ràng: "Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi

cho cán bộ khoa học và công nghệ... được đi bồi dưỡng và trao đổi khoa học ở nước ngoài", ai cũng nghĩ việc làm thủ tục như tôi phải dễ dàng, nhanh chóng lắm chứ.

Mỗi khi tự hỏi vì sao mình lại bị đối xử tệ bạc một cách hết sức phi lý như vậy, tệ bạc đến mức như là rất dâm man, tôi càng không thể kìm lòng. Tệ bạc đày đọa suốt thời trẻ của tôi chưa đủ hay sao? Nay, tôi đã già! Phải chăng người ta muốn hành hạ tôi cho đến chết? Sự phân uất hoàn toàn có lý nhiều lúc tưởng như đẩy tôi đến tình trạng không còn chế ngự nổi mình!

Đầu sao tôi vẫn cứ cố nuôi dưỡng lòng tin cho mình và quyết định gửi bức thư này đến các đồng chí. Tha thiết mong được các đồng chí lưu tâm xem xét và cho ý kiến chỉ đạo giải quyết".

Bức thư trên đây đã được gửi tới các cơ quan hữu trách và một số đồng chí lãnh đạo cao cấp. Vậy mà, cho đến nay tôi vẫn không hề nhận được một văn bản phúc đáp, một lời chỉ dẫn...! Phải chăng ở xã hội ta con người nói chung, người trí thức nói riêng, ngày càng bị coi rẻ, những khiêu tố của nhân dân ngày càng không thể lọt tai các vị lãnh đạo trong khi ta cứ tuyên bố chế độ chính trị ưu việt, chính quyền thực sự do dân, vì dân.

Mười lăm năm trước một tiếng kêu nhỏ nhoi của một trí thức trẻ, bề dày cống hiến còn mỏng như tôi lúc bấy giờ còn lọt được vào tâm trí của một vị Thủ tướng và được Thủ tướng chỉ thị giải quyết rất cụ thể, rất đúng đắn. Vậy mà, bây giờ!

Có người trả lời dưới hình thức "khẩu thiệt vô bằng" với tôi rằng tôi không được đi Hội nghị Quốc tế này vì vừa qua đã viết bài "Nhân quyền - Khát vọng ngàn đời". Tôi hoàn toàn không tin rằng đây là điều đúng đắn. Một là, hội nghị này là hội nghị khoa học tự nhiên chuyên ngành của tôi, không có gì dính dáng đến chính trị. Hai là, bài viết "Nhân quyền - Khát vọng ngàn đời" của tôi về cơ bản không có gì sai trái. Bài viết đã được tôi đem đến tận 1a Hùng Vương gửi cho tổng bí thư Đỗ Mười và một số đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, gửi Ban Văn hóa - Tư tưởng Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Thông tin Lý luận, Hội đồng Trung ương Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam, các khoa Luật ở một số trường Đại học.

Trong khi người ta lao ra thị trường xoay sở làm giàu hoặc "quân mạt vấn" đối với thế sự để được hưởng lạc trong nhàn tản thì tôi cặm cụi đọc, tra cứu, viết, rất công phu với bao nhiêu lao lung khi

phải vận dụng không chỉ trí lực mà cả tinh thần trách nhiệm và lòng dũng cảm. Bởi vì, tôi hoàn toàn tin rằng việc làm của tôi thật sự cần thiết và nhất định sẽ có ích cho nhân dân tôi, cho đất nước tôi. Ngày hôm nay nếu ai đó vì lý do này khác cố tình chối bỏ hoặc trù dập thì ngày mai lịch sử sẽ phán quyết công minh. Đó là điều chắc chắn.

Không đồng ý với một số luận điểm trong bài, các đồng chí trong Ban Văn hóa - Tư tưởng Trung ương Đảng đã mời tôi đến trao đổi. Không khí buổi gặp có lúc gay gắt nhưng nói chung trên cơ sở đấu tranh lý luận. Tôi sẵn sàng chấp nhận và quý trọng sự căng thẳng, quyết liệt xuất phát từ tinh thần khoa học.

Đáng tiếc rằng, ngày 25 tháng 3 năm 1997, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc xã Trung Hòa lại triệu tôi ra hội trường với lời tuyên bố khai mạc của chủ tọa nặng mùi đầu tố. Buổi họp gồm hầu hết là Cựu chiến binh, trong đó có hai vị tướng, khoảng một nửa là đại tá, đại diện Ban Văn hóa - Tư tưởng thành ủy Hà Nội, công an... Năm người được phân công đọc trước và được chỉ định phát biểu ý kiến. Các ý kiến có đôi phần gay gắt không đáng có, tuy nhiên nói chung là chân tình, đặc biệt là ý kiến của hai vị tướng. Hầu hết các ý kiến được viết sẵn. Mặc dầu vậy, ở đây ít thấy đề cập đến nội dung chủ yếu của bài viết là về vấn đề nhân quyền.

Sẽ không có gì thật quá đáng nếu chủ tọa cuộc họp không tự ý dựng lên kết luận rằng tôi bị hội nghị quy kết có tư tưởng phản động và bị mọi người căm phẫn.

Tệ hại hơn là sau đó người ta úp úp mở mở truyền tin cho xóm giềng rằng tôi là phần tử nguy hiểm đang bị cơ quan an ninh theo dõi chặt chẽ. Một số bạn đồng niên, chủ yếu là đại tá về hưu, bàn định tổ chức chung bữa cơm mừng tuổi 60 với tôi cũng bị cắt vấn. Lạ lùng hơn là, hai ngày sau buổi họp, bỗng nhiên trẻ con ầm ầm ném gạch đá vào nhà tôi, nhiều hòn to hơn nắm tay. Hiện tượng này chưa bao giờ xảy ra với gia đình tôi tại bất cứ khu tập thể nào mà chúng tôi từng ở.

Cấm không cho đọc bài viết của tôi nhưng bà con được nghe phở biến lời mờ rằng tôi bôi nhọ quá khứ và phỉ báng lãnh tụ một cách độc địa.

Sự thật thì trong bài "Nhân quyền - Khát vọng ngàn đời" dài 14 trang đánh máy của tôi có đoạn viết:

"Thật ghê sợ khi vị thủ lĩnh từ một hòn đảo nhỏ bé gào thét lên: Kẻ thù mà đặt chân lên đất nước này thì chúng chỉ có thể

bước đi trên hoang tàn của máu và tro bụi!

Hàng chục, hàng trăm triệu người sao lại chỉ có thể được sống, tổ quốc sao lại chỉ có thể được phép tồn tại khi nó chịu "nhuộm màu" bởi một hệ tư tưởng ABC, chịu tuân theo sự lãnh đạo của một đảng OPQ, chịu thừa nhận một lãnh tụ XYZ?... Sao lại phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn đi nếu đất nước không thuộc về chúng ta?!"...

Phải chăng ở đây tôi muốn cố tình bôi xấu lãnh tụ?

Trong buổi tọa đàm ở Ban Văn hóa - Tư tưởng Trung ương, tôi đã nêu nhận xét phê phán cách tuyên truyền giáo dục suy tôn lãnh tụ của ta là rất khiên cưỡng, chiếu lệ. Không nên nói ào ào cho xong rằng chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta là thần thánh. Nói như vậy ít sức thuyết phục và không kích thích được sự thật rằng Cụ là một con người mang những yếu tố thánh nhân. Đã là con người thì tất nhiên có đúng, có sai, có xấu, có tốt. Nếu ta nói được một cách chân thành cái sai, cái chưa hoàn hảo của Người thì thế hệ trẻ mới tin khi ta biểu dương các yếu tố thánh nhân trong con người đó. Nói cái sai của Cụ càng hết sức cần thiết, bởi vì yếu tố thánh nhân trong con người Cụ càng có sức cảm hóa mãnh liệt bao nhiêu thì cái sai của Cụ càng có sức lung lạc ghê gớm bấy nhiêu.

Đáng thông thái, siêu việt nào cũng có lúc nhầm lẫn, có lời nói sai. Đó là điều bình thường. Điều đáng bất bình là ở chỗ ai đó cứ vô tình hay cố ý nhại lại và tô đậm lên để lung đoạn xã hội.

Ai cũng biết tư tưởng Nho giáo với "tam cương, ngũ thường" đã thấm sâu vào xã hội ta đến mức nào. Vậy nhưng đạo lý của tinh thần Mạnh Tử còn được dân tộc ta suy tôn cao hơn? Đạo lý Mạnh Tử dạy rằng: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (Dân phải được quý nhất, đất nước là thứ yếu, vua có thể xem nhẹ). Còn dân thì còn tất cả. Còn đất nước thì còn hoa trái để từ đấy sinh ra lãnh tụ, sinh ra đảng và các chế độ chính trị ưu việt hơn nhất định lại được thiết lập nên.

Không thấm nhuần đạo lý đó thì khi nắm được quyền bính trong tay, ngồi trên ngai vàng chễm chệ người ta rất dễ trở nên tàn bạo. Không phải chỉ đám dân đen mà ngay cả những bậc chí sỹ, những đồng chí đã từng nằm gai nếm mật, rơi xương đổ máu thiết lập nên ngai vàng đó, chỉ cần trái ý liền bị quy ngay là nghịch phản để trừ khử không gớm tay. Làm sao tưởng tượng nổi ở nước ta cũng có người muốn học tập chủ trương, khi cần sẵn sàng đem

xe tăng càn lên tất cả biển người đồng bào mình rồi sau đó cứ đem gàu xúc hiện đại phi tang tất cả đồng thịt xương tan nát cho thật nhanh là xong! Không. Không chính quyền nào, không chủ thuyết nào được xem là thiêng liêng hơn xương máu đồng bào. Nhân loại còn muốn đòi nguyên rủa những tên đồ tể gây tội diệt chủng ở Buchewald, ở Lydieser, những kẻ chỉ huy đàn áp đẫm máu ở Kwanzu, ở Thiên An Môn. An tử hình vẫn còn khả năng treo lơ lửng trên đầu mấy vị cựu thủ tướng Hàn Quốc. Những tên tội phạm chiến tranh sau hơn nửa thế kỷ vẫn tiếp tục bị săn lùng...

Tin rằng người Việt Nam trọng nghĩa thường, biết lấy chữ "nhân" làm đầu sẽ không người chiến sĩ trẻ nào chịu phục tùng những lệnh đàn áp vô luân của bất cứ ai. Vụ Uy Nỗ vừa qua đã chứng tỏ điều đó. Cảm ơn ý kiến chỉ đạo xuất phát từ tình đồng chí, nghĩa đồng bào của vị "quân sư" nhân ái đã kịp thời dẹp bỏ được một chủ trương hành động tàn bạo. Hoan nghênh đồng chí Tổng bí thư đã biết sáng suốt chọn ý "quân sư" đúng trong trường hợp này.

Thấm nhuần đạo lý Mạnh Tử còn giúp chúng ta tiết chế được bệnh công thần và thói kiêu ngạo cộng sản. Chính bệnh công thần và thói kiêu ngạo cũng là một trong những nguyên nhân phát triển tràn lan quốc nạn tham-ô-và-lãng-phí rất tệ hại ở nước ta. Có ngôi vị lãnh đạo là người ta tự cho mình cái quyền ăn trên ngồi chốc, bòn rút tiền của nhân dân xây công sở thật sang trọng, đi loại xe ô-tô đắt tiền hơn cả quan chức tư bản!

Trong tiểu luận về nhân quyền, khi đặt bút viết mấy dòng phê phán một cách trần trụi với tất cả ý thức trách nhiệm của mình về một câu nói không chính, tôi thận trọng và tế nhị đến mức không gắn tên Cụ Hồ với câu nói đó. Vậy mà sao người ta vẫn cố tình tìm mọi cách xuyên tạc tâm huyết của tôi để dễ bề hãm hại.

Những năm gần đây, khi muốn vận động bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, một số người thường kêu gọi hãy quên quá khứ. Đây là lời kêu gọi hết sức phi lý. Con người làm sao quên được quá khứ. Và chẳng, hơn thế nữa, con người không bao giờ được quên quá khứ. Bởi vì, có ôn cố thì mới tri tân được. Không quên quá khứ nhưng cần nhận thức rõ lại quá khứ bằng nhân quan nhân bản ngày hôm nay với tinh thần hướng về tương lai. Từ đấy thực tâm xóa bỏ hận thù, cùng nhau hàn gắn tất cả những gì đã đổ

vỡ, mất mát do những sai lầm trong quá khứ. Dầu sao, xóa bỏ hận thù, hàn gắn sai lầm quá khứ chỉ là điều kiện cần chứ không phải là điều kiện đủ để có thể bảo đảm phát triển lành mạnh và bền vững mối bang giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Việt Nam không những chỉ cần xây đắp mối bang giao hữu hảo với Hoa Kỳ, mà còn cần hội nhập một cách hòa hợp với cộng đồng quốc tế. Muốn vậy, một trong những điều kiện tiên quyết là chúng ta phải chia sẻ được với cộng đồng quốc tế những nhận thức về những giá trị chung thiêng liêng của nhân loại như tự do, dân chủ, nhân quyền.

Do những hoàn cảnh lịch sử éo le, chúng ta đã tách biệt khá lâu với thế giới nói chung nên đồng thời cũng trở nên xa lạ và, thậm chí, đối nghịch với những nhận thức về các giá trị chung thiêng liêng đó. Tình trạng đã trở thành thâm căn cố đế và là ý chí lãnh đạo xã hội nên không dễ gì lay chuyển được. Đặc biệt là trong hoàn cảnh không có tự do tư tưởng, tự do ngôn luận.

Không ít người nhận thấy được sự bức súc phải cải tạo nhân quan của chúng ta về các vấn đề nêu trên. Trong nỗi bức súc đó, bài viết "Nhân quyền - Khát vọng ngàn đời" của tôi là sự biểu hiện trách nhiệm hết sức tích cực của một công dân đối với đất nước.

Tôi gửi bức thư này tới các đồng chí với niềm hy vọng rằng những điều trình bày của tôi sẽ được xem xét tường tận, những chủ trương đối xử tôi tề một cách rất sai trái đối với tôi phải được uốn nắn và ngăn chặn.

Bản báo cáo khoa học của tôi đã được ban tổ chức Hội nghị Địa Vật Lý Quốc tế lần thứ 59 của Hội các nhà Địa học và Kỹ sư Châu Âu đưa vào chương trình và sắp xếp trình bày từ 14h50 đến 15h15 ngày 28 tháng 5 năm 1997 tại Hội trường 1, Khu hội nghị Palais Sport, Genève, Thụy Sĩ. Tôi rất bối rối về những câu trả lời mà tôi sẽ phải gửi tới đồng nghiệp của mình ở hội nghị quốc tế này nếu tôi không thực hiện đúng bản đăng ký mà tôi đã gửi tới ban tổ chức hội nghị.

Tôi hy vọng sẽ được thực hiện trách nhiệm của mình nếu có sự quan tâm can thiệp kịp thời của các đồng chí.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng.

Nguyễn Thanh Giang

Địa chỉ: Nhà A13P9

Tập thể Phòng không Hòa mục
Trung Hòa - Từ Liêm, Hà Nội

Thêm một người vợ cho ông Hồ Chí Minh

LTS: Sau bài báo nói về cái chết của một trong những bà vợ không chính thức của ông Hồ Chí Minh, nhiều độc giả đã gửi thư đến tòa soạn cung cấp thêm một số sự kiện ít người biết đến đời tư của nhà lãnh tụ cộng sản Việt Nam. Một trong những bức thư đã được chuyển tới chúng tôi qua mạng Internet, dường như để chứng minh thêm một lần không thừa rằng các nhà lãnh đạo Việt Nam hiện nay đang giơ những bàn tay quá nhỏ bé hòng che mặt trời.

Cuối năm 1921, Nguyễn Ái Quốc tới Trung Quốc để nhận công tác trong Bộ Phương Đông của Quốc Tế Cộng Sản bên cạnh phái viên của chính phủ Liên Xô Borodine với vỏ bọc "phiên dịch" (ông không đủ giỏi tiếng Nga để hiểu Borodine, cũng không đủ giỏi tiếng Tàu để hiểu người Tàu), họ Nguyễn được nhà cách mạng Việt Nam nổi tiếng Lâm Đức Thụ đón về ở chung trong ngôi nhà của gia đình vợ Lâm Đức Thụ là Lý Huệ Quân. Gia đình bà Lý Huệ Quân là một gia đình giàu có tại Quảng Châu. Ngôi nhà của gia đình bà về sau trở thành Huệ Quân Y Quán, tại đường Văn Minh, Quảng Châu, nơi thế hệ cách mạng đầu tiên của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội lấy làm nơi cư ngụ và huấn luyện lý thuyết cách mạng và công tác vận động quần chúng từ năm 1925 đến năm 1927. Gia đình bà Lý Huệ Quân không những đã cho ở mà còn nuôi ăn các chiến sĩ cách mạng Việt Nam.

Số Nguyễn Ái Quốc cũng nhiều may mắn, đi đâu cũng gặp quý nhân phù trợ. Bà Lý Huệ Quân có cô em gái tên là Lý Huệ Khanh. Chàng thanh niên Việt Nam Nguyễn Ái Quốc đem lòng yêu mến cô gái Trung Quốc này và giữa hai người một mối tình đã nảy nở dưới sự bảo trợ của cả Lâm Đức Thụ lẫn Lý Huệ Quân. Hai người yêu nhau say đắm và họ có với nhau một đứa con gái. Lý Huệ Khanh về sau gia nhập Đảng Cộng Sản Trung Quốc, rồi bị Quốc Dân Đảng Trung Hoa giết hại trong vụ biến Quảng Châu Công Xã (12-12-1927). Theo lời kể của những nhà cách mạng cộng sản thuộc thế hệ đầu tiên thì từ đó Nguyễn Ái Quốc mới có bí danh Lý Thụy. Từ bí danh này các thanh niên cộng sản Việt Nam được Lý Thụy huấn luyện mới mang họ Lý của đàn anh như Lý Quý, Lý Tự Trọng, Lý Phương Thuận, Lý Phương Đức...

Một cuộc tình lãng mạn thật đẹp!

Nhưng tiếc thay, bên cạnh mối tình đẹp này lại có cái không đẹp. Đó là tình bạn giữa Lý Thụy và Lâm Đức Thụ. Họ Lâm đã đón họ Nguyễn về ở với gia đình vợ mình, để rồi trở thành hai anh em đồng hao, cơm bưng nước rót, cái nghĩa cái tình phải nói rằng rất sâu nặng. Hơn nữa, Lâm Đức Thụ đã giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc rất nhiều không những về công tác mà cả về mặt nhận thức. Cụ Nguyễn Hải Thần đánh giá Lâm Đức Thụ rất cao: "Thụ giỏi hơn Vương (Nguyễn Ái Quốc) nhiều lắm". Tiếc rằng nhân chứng này không để lại những ghi chép cho hậu thế. Ở đây kẻ viết bài này chỉ ghi lại lời nói của cụ mà một hậu sinh nghe được để gợi ý cho các nhà nghiên cứu tìm hiểu thêm. Chẳng thế mà trong tổng bộ Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, Lâm Đức Thụ được anh em tín nhiệm bầu làm thư ký thường trực, điều hành mọi công việc. Ông đầu xứ Viên (Lâm Đức Thụ tên thật là Nguyễn Công Viên, thi đỗ đầu xứ) con trai cụ tú tài Nguyễn Hữu Dân, cháu nội nhà nho yêu nước Nguyễn Mậu Kiến, là một trong mấy người sáng lập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội (1925), tổ chức cách mạng thoát thai từ tổ chức Tâm Tâm Xã (1923). Trong tập sách không chắc có được đầy đủ (ngghi ngờ có sự cắt xén) "Các văn kiện về lịch sử các tổ chức tiền thân của Đảng" do Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng Trung Ương xuất bản tại Hà Nội trong thập niên 60 và 70 có nhiều chỗ còn tên Lâm Đức Thụ. Đọc thì thấy Lâm Đức Thụ là người tài ba thế nào. Thế mà sau khi Đảng Cộng Sản Đông Dương được thành lập thì người sáng lập và rèn luyện là "đồng chí Vương" đã đang tâm gạt ngay người anh em chí cốt ra ngoài để độc chiếm ngôi bá chủ trong tổ chức. Tệ hơn nữa, Lâm còn bị Nguyễn vu cho là chỉ điểm, mặt thám, tay sai thực dân đế quốc... để rồi kết thúc cuộc đời trước họng súng.

Nhật Quang

Ước mơ và sự thật

Võ Long Triều

Thông qua bài phỏng vấn đăng trên tờ nguyệt san Nhân Bản phát hành tại Paris, số đặc biệt ngày 30-4-1997, cựu đại tướng Dương Văn Minh xác nhận: "Chuyện đi về Việt Nam của tôi nó gần đây thôi!".

Dương Văn Minh là một nhân vật, dù muốn dù không, đã đi vào lịch sử với một hào quang sáng chói hay như bản đen tối cũng do chính ông tự tạo cho mình. Dĩ nhiên cái hào quang đó lịch sử sẽ đánh giá về sau. Còn dư luận quần chúng hiện thời, nhứt là trong giới người Việt tị nạn cộng sản, đương nhiên bị chi phối bởi cảm tình, nông nổi, uất ức hay căm hờn, tùy trường hợp.

Trong bài phỏng vấn, có đoạn ông tự đặt cho mình câu hỏi và cũng tự mình trả lời "tại sao phải về?": "Tôi muốn sống những ngày cuối cùng trên đất nước với dân tộc của mình. Về để làm gì? Tôi muốn thấy tự do và hòa bình dân tộc trên đất nước Việt Nam...". Rồi ông khẳng định: "Tôi còn trách nhiệm... và muốn có sự phối hợp của tuổi trẻ ở trong và ở ngoài để xây dựng đất nước... Xây dựng những gì người dân thiếu... Tôi không hợp tác nhưng tôi sẽ đem tiếng nói của tôi để thuyết phục bên kia tại quê nhà... Phải có một nền tảng dân chủ và tự do vững chắc mới xây dựng được đất nước. Chỉ giản dị như vậy. Hồi nào tới giờ, những mong muốn của người mình ở hải ngoại tóm tắt chỉ bao nhiêu đó thôi. Mình có đòi hỏi gì hơn!... Nếu toàn dân đòi hỏi hòa giải thì họ cũng phải hòa giải chứ!... Làm sao cho cộng sản thấy họ phải sống với dân thì họ mới tồn tại"... (trích nguyên văn).

Chỉ là ước mơ

Những lời tuyên bố đầy thiện chí của ông Dương Văn Minh đáng được hoan nghênh, có thể tạo cho người đọc nhiều hy vọng về viễn ảnh tốt đẹp của đất nước, nếu người đọc có thể tin được ông Minh đủ khả năng thực hiện những gì ông tuyên bố. Bằng không đó chỉ là ước mơ và ảo tưởng, bởi vì ông nói rằng sẽ thuyết phục cộng sản, phải đặt nền tảng dân chủ và tự do vững chắc. Một là đảng cộng sản không để cho ông về, hai là ông sẽ nói

chuyện với đầu gối nếu không tạo được áp lực buộc họ phải nghe.

Làm sao cho có tự do dân chủ? Đó là câu hỏi muôn đời! Lịch sử đã trả lời: Tự do không ai cho mình cả, muốn có tự do phải trả giá bằng nước mắt hay máu! Liệu ông Dương Văn Minh có sẵn sàng trả cái giá đó không?

Ở đây tôi xin miễn bàn về quá khứ của cựu đại tướng Dương Văn Minh, mặc dù có người sẽ nói phải nhìn quá khứ để đánh giá hiện tại và dự đoán tương lai. Thực tế đôi khi có những người tầm thường làm được những việc phi thường nhờ hoàn cảnh và vận hội đưa đẩy.

Trước khi nhận định về ảnh hưởng chính trị do lời tuyên bố và việc hồi hương của cựu đại tướng Dương Văn Minh, chúng ta hãy điểm qua hiện tình đất nước. Cộng sản Việt Nam sau hơn hai mươi năm cai trị đã đưa đất nước đến chỗ phá sản toàn diện. Ai cũng biết: Về kinh tế, Việt Nam là một trong những nước nghèo nhứt thế giới, đã vậy còn đang kêu gọi dân chúng mua công trái phiếu để giúp nhà nước trả nợ quốc tế. Về xã hội thì chính tổng bí thư Đỗ Mười than trên báo "Tuổi Trẻ TP HCM" rằng Việt Nam đang mất hết giá trị luân lý, đạo đức, truyền thống của ông cha để lại. Về chính trị thì đảng cộng sản mất hướng đi, quờ quạng vay mượn kinh tế thị trường, sáng chế, bịa đặt tư tưởng Hồ Chí Minh, dân mất niềm tin nơi đảng đã lâu, nội bộ xâu xé từ cấp lãnh đạo trở xuống đảng viên, cách mạng và phản động, nghĩa là cộng sản và không cộng sản trường kỳ tranh đấu, mâu thuẫn Nam Bắc ngày càng lan rộng khó hàn gắn. Những điều này nhà cầm quyền Hà Nội thấy rất rõ nhưng không biết làm sao giải quyết bởi vì trong mọi cách giải quyết, lúc nào Hà Nội cũng chủ trương lưỡng gạt, dùng thủ đoạn gian ác, nhằm bảo vệ quyền thống trị của đảng. Chuyện đất nước và dân tộc chỉ nằm đầu môi chót lưỡi mà thôi.

Bằng có, năm 1993 đảng cộng sản cần chứng minh cho thế giới thấy tình hình chính trị Việt Nam tương đối ổn định để lôi cuốn đầu tư ngoại quốc thì họ tổ chức "đại hội người Việt Nam định cư ở nước

ngoài", dụ dỗ được ông Phó Bá Long, cựu tổng trưởng lao động chính phủ VNCH cũ làm một thứ cò mồi sáng giá, đọc bài tham luận ca tụng rằng: "Việt Nam đang được đảng cộng sản lãnh đạo là điều quý, rất quý vì việc làm đi đôi với lời nói" và ông xin chính quyền Hà Nội ban hành luật "đại xá hay hòa giải" trong khi đó Đỗ Mười nói rõ: "Chúng ta chủ trương hòa hợp đoàn kết dân tộc" không hề dả động đến hai chữ hòa giải. Ông Đỗ Mười không dám nói thẳng thừng là hòa hợp để cho đảng cộng sản dễ cai trị, đoàn kết để xây dựng giùm cho đảng cộng sản hưởng. Mánh khéo lưu manh cũ, giống như khi họ mới chiếm miền Nam chính quyền cộng sản ra thông cáo buộc công chức, quân nhân đi học tập chỉ đem theo tiền bạc, đồ dùng đủ trong một tháng. Ai cũng làm tướng đi học một tháng rồi về, nào ngờ chính quyền cộng sản quên viết tiếp rằng hàng chục năm tù còn lại nhà nước cộng sản đãi thọ theo tiêu chuẩn mỗi ngày nửa củ khoai mì. Đó là nói về hòa giải.

Còn nói về tuổi trẻ hợp tác thì cũng trong tinh thần chủ trương lưỡng gạt, gian dối đó, Hà Nội đã phái ông Nguyễn Ngọc Trân, trưởng ban Việt kiều trung ương, sang Pháp và nhiều nước Âu Châu để dụ dỗ, mời mọc chuyên gia trẻ về nước phục vụ, nhưng tránh né không minh định rõ trong tinh thần và điều kiện nào chuyên viên trẻ có thể về nước phục vụ. Vì vậy mà cho đến ngày nay ông Trân không thuyết phục được ai, chỉ dụ dỗ được vài người thân cận về nước ném mùi bánh vẽ mà thôi.

Tại sao cộng sản cần chuyên viên, kỹ thuật gia mọi ngành, mọi lãnh vực? Bởi vì đảng viên cộng sản đốt nát không quản lý được quốc gia nên hậu quả đã đưa Việt Nam đến chỗ phá sản. Cựu thủ tướng Tân Gia Ba, ông Lý Quang Diệu có vấn bản chính thức của ông Võ Văn Kiệt, cũng đã công khai nói thẳng vào mặt giới lãnh đạo cộng sản trong một cuộc họp báo nhân chuyến viếng thăm Hà Nội của ông.

Tóm lại ông Dương Văn Minh tuyên bố về nước trong bối cảnh đảng cộng sản đang cần một vài nhân vật cao cấp của chế độ cũ và một số chuyên viên trẻ ở nước

ngoài để làm bông hoa dàn cảnh. Như vậy sự hồi hương của ông Minh có thể làm thay đổi môi trường chính trị không?

Hiện tình đất nước bên trong không ổn định, bên ngoài không ai tin tưởng chế độ này. Người ta có quyền nghi ngờ sự trở về của cựu đại tướng Dương Văn Minh sẽ làm lợi cho cộng sản nhiều hơn là cho cá nhân ông hay cho đại cuộc, bởi vì đảng cộng sản sẽ lợi dụng tên tuổi của ông để tuyên truyền củng cố chế độ. Nhưng ngược lại, nếu ông Minh công khai đòi hỏi phải hòa giải ngay tình, bình đẳng, đúng đắn và phải trả lại tự do dân chủ cho dân tộc, trong điều kiện đó ông có thể góp phần cho đại cuộc vì ông sẽ tranh đấu tại chỗ, ở bên trong. Nếu ông biết vận dụng khôn ngoan khéo léo, nếu ông can đảm chấp nhận nguy hiểm khó khăn, nếu ông hy sinh tiện nghi và tính mạng khi cần thì ông có thể buộc cộng sản ở vào thế "chẳng đặng đừng" phải chấp nhận đi lần đến tự do dân chủ.

Tình hình Việt Nam chỉ có thể biến đổi do ảnh hưởng của hoạt động trong xứ. Ông Minh được cái lợi thế là hồi hương đúng ở bên trong mà tranh đấu. Ông là người đã từng chủ trương "hòa giải hòa hợp dân tộc", điều mà cộng sản rêu rao để lừa đảo chớ không bao giờ ngay tình thực hiện, nếu ông Minh lớn tiếng đòi thực hiện hòa giải và tự do dân chủ thì đảng cộng sản cũng khó ăn khó nói với dân chúng và quốc tế. Ông Dương Văn Minh còn là cựu tổng thống VNCH và là dân miền Nam. Với tư cách đó, trong giai đoạn này đảng cộng sản muốn sử dụng ông hơn là bắt bớ, giam cầm hoặc thủ tiêu ông vì còn sợ dư luận quốc tế.

Nếu ông Minh chỉ tuyên bố xuống muốn thấy tự do trên đất nước Việt Nam rồi trở về sống an nhàn những ngày còn lại thì không có gì vô vị, phi nghĩa cho bằng! Bởi vì toàn dân Việt Nam, kể cả đảng viên cộng sản, ai cũng nói được điều đó và họ đã nói từ lâu. Xin lặp lại một lần nữa: tự do không ai cho, muốn có tự do phải trả giá bằng nước mắt hay máu. Chắc ông Minh sẵn sàng trả cái giá đó, nếu không thì ông chỉ nói rằng "tuổi già muốn sống những ngày cuối trên đất nước" thôi, tội gì nói thêm chi nhiều, tổn thương đến danh dự.

Chính quyền cộng sản đã manh nha chủ trương hòa hợp năm 1995 không thành. Bây giờ họ có thể nhân cơ hội cựu đại tướng Dương Văn Minh tuyên bố vận động cho hòa giải và xóa bỏ hận thù, Hà Nội sẽ ủng hộ ông miễn sao hoạt động của

ông đem lợi cho chế độ. Trước mắt, đảng cộng sản có thể tự hào đã bắt tay được với kẻ cựu thù để ổn định tình hình chính trị.

Tuy nhiên người ta cũng có thể tin rằng ông Dương Văn Minh đã có sẵn một chương trình hành động nhằm thực hiện "tự do và hòa bình dân tộc" mà ông "muốn thấy trên đất nước Việt Nam". Mặt khác, ông còn phải đề phòng không cho Hà Nội biến ông thành con cờ cộng sản. Xin nhắc lại rằng, ông chưa đưa đơn xin về nước mà phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Hà Nội đã tuyên bố chính phủ đã chấp thuận đơn xin của ông rồi và báo chí cộng sản gán cho ông là người được cục phản gián móc nối, chiêu hồi, giao trách nhiệm chiếm quyền miền Nam để bàn giao cho cộng sản. Nói cách khác, họ muốn nhuộm đỏ ông trước khi ông về Sài Gòn, rồi để mặc ai muốn hiểu sao thì hiểu.

Trả lời báo Nhân Bản: Ông chủ trương xây dựng tự do dân chủ hay xây dựng nhà thương, trường học? Tướng Minh nói: "xây dựng những gì người dân thiếu và sẽ làm sao cho cộng sản thấy họ phải sống với dân thì mới tồn tại!". Thật là chí lý. Nhưng giữa chủ trương, hành động và thành công, đoạn đường quá dài và vô cùng gian nan khổ nhọc. Liệu ông Minh và những người thân cận ông có quyết tâm hành động không? Liệu cộng sản có còn cho phép ông trở về, sau những lời tuyên bố này không? Liệu những toan tính của ông có vượt qua sự đề phòng của cộng sản không?

Chúng ta chỉ cầu mong cho những lời nói của cựu đại tướng Dương Văn Minh biến thành sự thật. Đó là đại phúc cho dân tộc mình.

Sẽ là sự thật nếu...

Sự kiện chính quyền Hà Nội muốn nhuộm đỏ ông Dương Văn Minh liền chúng tỏ họ cố tình giành thắng lợi trong ván bài Dương Văn Minh về nước. Tôi không tin ông Minh là người của cộng sản, bởi vì trong trường hợp đó họ sẽ không bạc đãi ông đến như vậy, mà trái lại phải tỏ son trát phấn cho ông, để có uy thế, rồi dùng ông trong việc củng cố thế lực lúc ban đầu khi cộng sản mới chiếm miền Nam, như họ đã sử dụng bao nhiêu người khác: Lý Chánh Trung, tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Nguyễn Xuân Oánh, v.v... Người ta có thể đặt giả thuyết con cờ Dương Văn Minh được lệnh nằm chờ tới đúng nước mới đi. Cái đó tùy cử chỉ và hành động của ông Minh trong tương lai, tự ông sẽ xác nhận hay phủ nhận điều đó

bằng hành động. Hiện tại, ông chỉ tuyên bố về nước để thuyết phục cộng sản thực hiện tự do dân chủ, hòa giải dân tộc, xây dựng những gì dân thiếu, có nghĩa là ông trực tiếp tố cáo cộng sản không có tự do dân chủ và người dân đang thiếu mọi bề. Rõ ràng điều đó rất bất lợi cho chế độ cộng sản, ở một chừng mực nào đó, ông không phải là người của họ. Bởi vì bất cứ ai, kể cả đảng viên cộng sản, không được quyền tuyên bố điều gì bất lợi cho đảng. Bằng có là cựu tổng bí thư đảng cộng sản, ông Nguyễn Văn Linh, mới viết mấy bài ký tên NVL phanh phui những vụ tham nhũng trên báo Sài Gòn Giải Phóng liền bị mất chức cho về vườn ngay và im hơi lặng tiếng cho tới ngày nay.

Người ta có thể hình dung bốn trường hợp sẽ xảy ra:

Giả thuyết thứ nhất: chính quyền cộng sản sẽ ngăn cản không cho phép ông Minh về, không để cho ông trở thành một cái gai ở trong nước vì chắc chắn ông sẽ lợi dụng mọi cơ hội để tuyên bố những gì ông thấy cần thiết cho việc xây dựng dân chủ, hay sẽ nói bất cứ thứ gì người dân thường không được nói. Ông đã khẳng định: "Tôi dám nói!". Chừng đó những lời nói của ông sẽ được truyền thông báo chí dùng để đánh phá chế độ cộng sản thì tai hại cho họ vô cùng. Đã vậy, ông còn xác nhận: "Tôi không theo cộng sản. Cái chủ nghĩa cộng sản tôi phản đối từ khi tôi mới biết khôn". Liệu cộng sản có đại dột để cho ông về nước không?

Giả thuyết thứ hai: chính quyền cộng sản chấp nhận sự "thách thức", cho phép Dương Văn Minh về vì họ tin chắc ông không đủ khả năng hoạt động để tạo sự bất lợi hay lúng túng cho "đảng và nhà nước". Cứ cho phép ông về rồi cô lập ông hoàn toàn như cô lập Thượng tọa Thích Huyền Quang, sự im hơi lặng tiếng của ông sau khi đã tuyên bố cứng rắn đủ nói lên sự thất bại của ông và sự thành công của chế độ trong việc lợi dụng chuyển hồi hương này. Liệu cộng sản có dám chấp nhận sự rủi ro đó không?

Giả thuyết thứ ba: giới lãnh đạo cộng sản thật lòng muốn thay đổi, muốn thực hiện dân chủ, muốn xây dựng và phát triển đất nước vì quyền lợi dân tộc nhưng vì họ bị kẹt trong cái thế dẫn co với phe bảo thủ trong nội bộ, nên mượn lá bài Dương Văn Minh để làm một cuộc thay đổi ôn hòa, bảo tồn được danh dự, an ninh và tài sản của toàn thể đảng viên. Liệu lãnh đạo cộng sản có khôn ngoan đến mức độ đó không?

Giả thuyết thứ tư: ông Dương Văn Minh đã thỏa hiệp ngầm với cộng sản, giả vờ tuyên bố mạnh dạn trước khi về nước rằng chế độ này độc tài, không dân chủ nhưng sau khi về sống trong nước, ông Minh cứ chỉ trích một lần, ca tụng ba bốn lần cũng đủ làm cho chính quyền cộng sản tha hồ khoe khoang đã có sinh hoạt dân chủ tại Việt Nam. Liệu ông Minh có dám chịu mang tiếng phản bội, chôn vùi danh dự của mình một lần nữa không và để lại tai tiếng cho con cháu đời sau không? Cử chỉ và hành động của ông sẽ trả lời trong những ngày sắp tới.

Tôi muốn lạc quan tin tưởng cựu đại tướng Dương Văn Minh không phải là hạng người vô liêm sỉ. Tôi muốn tin ông là người yêu nước, thương dân tộc, có nhiệt tình muốn đóng góp đoạn cuối cuộc đời mình để xây dựng lại quê hương. Trong viễn ảnh đó và bối cảnh hiện tại, tôi hình dung một khi về sống trong nước ông Minh phải công khai thuyết phục chính quyền cộng sản trả tự do cho Thượng tọa Thích Huyền Quang và toàn bộ tu sĩ các tôn giáo khác để chứng minh tinh thần hòa giải dân tộc, đồng thời thi hành hiến pháp của họ, áp dụng tự do tín ngưỡng. Và ông cũng phải thuyết phục cho bằng được chính quyền cộng sản trả tự do cho Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt và tất cả những tù nhân lương tâm bị giam cầm vì không đồng tư tưởng với đảng cộng sản. Nếu đảng cộng sản cứ một mực ngoan cố thì ông phải liên tục và kiên trì đấu tranh bằng mọi cách, kể cả tình nguyện xin vào tù sống như Thích Huyền Quang, Nguyễn Đan Quế và Đoàn Viết Hoạt cho đến chết. Nếu do hành động của cựu đại tướng Dương Văn Minh mà có được hòa giải dân tộc, tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng thì đủ chứng minh ông là người con xứng đáng của đất nước đã giải thoát được ách độc tài cộng sản cho dân tộc Việt Nam.

Võ Long Triều



Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp mọi ủng hộ tài chánh và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương. Ngân phiếu xin đề VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)

Đọc ĐÊM GIỮA BAN NGÀY của Vũ Thư Hiên

Biên bản một giai đoạn lịch sử

Nguyễn Gia Kiểng

Nếu có ai hỏi Dị Pún Mẫn vào tù về tội gì, hẳn trả lời một cách rất tự nhiên là "dẫn tệp cocaine". Thế nhưng tên gián điệp quốc tế này lại được hưởng một quy chế "tự giác" rất đặc biệt trong tù mà hẳn muốn đi đâu thì đi: vào rừng kiếm thuốc, thả lờ bắt cá, bắt lươn đem về bán lại hoặc kho rồi bán lại cho các bạn tù. Chính quyền Bắc Việt bắt cần đến thế là cùng, nhất là vào giai đoạn đó cuộc chiến tranh "chống Mỹ cứu nước" đang bước vào thời kỳ quyết liệt.

Trong đám tù "số lẻ", tức tù chính trị, khoảng 200 người trong mỗi trại mà Vũ Thư Hiên đã trải qua, có những người "rất mực hiền lành, chất phác thực thà đến nỗi không thể tưởng tượng họ có thể mắc tội gì, đừng nói tội chính trị". Nhưng họ vẫn ở tù, và ở tù dài dài vì cái "tính cẩn thận của chính quyền". Cùng cái tính cẩn thận đó đã khiến nhiều người được gọi là "ngụy" vì có một thời là công chức quân nhân của chính quyền quốc gia bị bắt "tập trung cải tạo". Khốn nạn, nào họ có làm chuyện gì ghê gớm cho cam, thậm chí còn có cảm tình với "cách mạng" nữa kia, không hề bị bắt buộc mà tự nguyện ở lại miền Bắc chứ không vào Nam sau Hiệp định Genève năm 1954. Thế mà họ bị bắt, mới lạ! Thì ra chính quyền cộng sản bắt họ chỉ vì muốn được yên tâm, rằng nếu chiến tranh có lan ra miền Bắc thì họ đã ở bên trong những hàng rào nhà tù rồi.

Cái phương châm có từ thời ông tổng bí thư Trường Chinh: "Làm mười (người vô tội) còn hơn sót một (kẻ thù)" nghe đã thấy rợn người. Nhưng không phải chỉ có thế. Vấn đề là *tất cả* đám tù chính trị đều vô tội. Trong bọn họ, Cố Thủ Châu có lẽ là người có tội duy nhất. Hẳn ta quả là một tay buôn thuốc phiện lậu có hạng, là người của Khun Sa, mãi tận Tam Giác Vàng. Nhưng không phải vì tội đó mà hẳn vào tù. Hẳn đi ăn cưới con bạn tại Lào, uống say khướt, tình dậy thấy mình bị trói. Không biết hẳn là ai, chắc hẳn thấy tướng hẳn không lương thiện người ta bèn ghép hẳn vào tội thổ phỉ rồi giải về Việt Nam. Lý lịch của hẳn chỉ có mình Marinét đã từng bắt hẳn ở Quảng Châu biết, ban quản giáo

không biết, Bộ Nội Vụ không biết. Hẳn mãi mãi là thổ phỉ. Hẳn ở tù là được rồi, biết thêm làm gì. Ban giám thị cũng chẳng coi cái tội thổ phỉ của hẳn là gì, cho hẳn "tự giác" trông trại thủy điện. Tôn Thất Tần chỉ vì có ý định in truyền đơn đòi phản đối Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 mà đời tù kéo dài cả ba chục năm, đến nỗi được tù nhân vinh danh là "Jean Valjean gọi bằng cụ". Nguyễn Chí Thiện vào tù vì làm thơ chủ đảng mặc dù thơ không xuất bản. Anh thanh niên Thái Bình tên Phong vào tù vì dám viết thư cảnh báo Trung Ương Đảng Cộng Sản trước họa bành trướng của Trung Quốc, vào tù rồi cũng không ngừng viết những bức thư không bao giờ đến tay người nhận để bị ở tù lâu hơn nữa. Ông nông dân Bát, từng đi cướp chính quyền năm 1945, uống rượu vào rồi chửi cái đám đảng viên mèo mả gà đồng, rú con gái ông đi họp đêm rồi làm nó phên bụng ra, thế là đi tù rồi chết trong tù. Anh lính trinh sát Cao bị quân đội miền Nam bắt sống, nhưng được đối xử tử tế, được huấn luyện làm biệt kích rồi gởi ra miền Bắc làm công tác phá hoại, anh ta vẫn trung thành với đảng, giết trưởng toán biệt kích rồi về báo cáo với Bộ Tổng Tham Mưu. Họ nghe báo cáo, khen ngợi Cao rồi... tống vào tù. Cho tiện. Khỏi suy nghĩ, khỏi thẩm tra.

Trong nhà tù miền Bắc Việt Nam có cả những người ngoại quốc. Những người cộng sản Trung Quốc chạy sang Hồng Kông rồi trở thành biệt kích Đài Loan, trên đường trở về Hoa lục bị lạc sang Việt Nam. Những người Hoa (hay còn gọi là người Việt gốc Hoa) không thích Mao Trạch Đông, hoặc không thích Hồ Chí Minh. Lại còn một anh sinh viên Bắc Hàn quá yêu chủ nghĩa xã hội, trốn qua Việt Nam để "kháng Mỹ viện Việt" để rồi bị nước anh em bỏ tù. Một anh chàng Hòa Lan đã theo cha đi Vạn lý Trường chinh cùng với Mao Trạch Đông, trở thành công an cao cấp của Trung Cộng, gặp tam phần ngũ phản hoặc thất bát phần chi chi đó phải trốn ra biển, lênh đênh giạt vào Việt Nam. Sợ bị trả về Hoa Lục anh ta khai man là thương gia Hòa Lan say rượu bị rớt

xuống biển. Chính quyền của ông Hồ không cần kiểm chứng, không có thời giờ hoặc không muốn mất tiền liên lạc, thế là anh ta bỏ xác trong tù.

Các tù nhân chính trị ở Việt Nam là thế. Họ hiền lành, họ vô tội. Các ban giám thị, các "ông cán bộ", tức cai tù, biết họ là thế, giam họ đấy nhưng chẳng cần canh chừng, lại còn cho họ hưởng chế độ "tự giác", tức thả rông trong rừng, tới đến phải trở về trại. Đọc Đêm Giữa Ban Ngày mà buồn cười cho cái anh Dịp Pún Mẫn, trở thành gián điệp quốc tế chỉ vì nhận lời mua giùm một thủy thủ Hồng Kông báo chí của nhà nước Việt Nam để gửi cho anh bạn thủy thủ nọ theo đường... bưu điện. Gián điệp quốc tế không trốn, anh ta chẳng còn đâu để đi, khi được thả anh ta ở lại trại, để cho các "nhà báo" xã hội chủ nghĩa có thêm một bài về tính chất ưu việt của các nhà tù cộng sản.

Trong cái xã hội tù của Vũ Thư Hiên, các cai tù cũng không phải là những người độc ác. Họ chỉ ngu dốt và thiển cận. Có nhiều người còn hiền lành, đối xử tử tế với tù. Được giao trách nhiệm coi tù thì họ coi, không thù hằn mà cũng chẳng yêu mến, dửng dưng phạt tù khi tù phạm kỷ luật. Tóm lại, họ làm công việc của họ.

Cái thế giới lao tù này giống như một chuyện bịa đặt, nhưng nó lại có thật. Hàng ngàn cuộc đời tan nát, hàng ngàn người bỏ mạng trong vòng lao lý. Một trò đùa chết người.

Cái sự vào tù của Vũ Thư Hiên cũng như một trò đùa. Ông ta bị bắt cóc trên đường phố, đẩy lên một chiếc com-măng-ca chở thẳng vào Hỏa Lò, trại giam của Hà Nội. Tất cả diễn ra theo một kịch bản tinh vi, đến nỗi người qua đường không biết ngay bên cạnh họ có người vừa bị bắt. Nhưng vào đến Hỏa Lò rồi thì toán bắt cóc thả ông xuống sân và dửng dưng bỏ đi. Cũng dửng dưng như thế hai công an viên tiếp tục đánh bóng bàn. Vũ Thư Hiên đi dạo nhón nhơ trong sân nhà tù như đi dạo mát.

Vũ Thư Hiên đã bị giam trong Hỏa Lò bảy tháng, trước khi trải qua các trại khác: quân pháp Bất Bạt, Tân Lập, cuối cùng là Phong Quang. Tổng cộng chín năm tù, trong đó một nửa thời gian là ở trong xà lim.

Vũ Thư Hiên dành hai phần ba quyển sách dày gần 800 trang cho thời gian ở Hỏa Lò. Sự không cân bằng về bố cục có hai nguyên nhân. Một là thời gian ở Hỏa Lò là thời gian căng thẳng nhất vì đó là giai đoạn lấy cung; hai là cũng trong giai

đoạn căng thẳng này Vũ Thư Hiên bị bắt buộc phải suy ngẫm về mô hình xã hội mà đảng cộng sản áp đặt lên miền Bắc và về những nhân vật chính của chế độ. Đây là phần tài liệu phong phú nhất của cuốn sách, một thứ phòng triển lãm đầy đủ về chế độ cộng sản và các cấp lãnh đạo cộng sản.

Vũ Thư Hiên bị bắt vì dính líu vào trào lưu phản kháng dâng cao trong nhiều nước cộng sản chống lại chế độ chuyên chế vào thời gian đó. Ở Việt Nam, người ta gọi nó là "xét lại chống Đảng", chụp cho nó cái mũ "âm mưu đảo chính", làm gián điệp cho Liên Xô, còn dân gian thì gọi bằng cái tên "vụ Hoàng Minh Chính". Hai tội danh tự chúng đã rất khác nhau. Đảo chính là tội rất lớn, còn làm gián điệp dù trầm trọng tới đâu cũng chỉ là một chuyện nhỏ. Nhưng chưa hết, sau cùng người ta lại kết luận đây là một vụ mâu thuẫn nội bộ, tức chỉ có sự khác biệt về quan điểm chứ không có tội, chỉ cần xử lý nội bộ là đủ. Trong khi nhà cầm quyền loay hoay với chữ nghĩa trong sự lộn tộn thì những người "trong cuộc" vẫn cứ tiếp tục ở tù dài dài. Con gió chướng của số mệnh cuốn Vũ Thư Hiên đi qua một loạt ngục thất để ông có cơ hội kể lại cho chúng ta những sự tình, những khúc nhòe của đời tù Việt Nam trong Đêm Giữa Ban Ngày.

Trường hợp Vũ Thư Hiên là đặc biệt. Nếu vụ án được coi như chuyện nội bộ, chỉ xử xử lý nội bộ thì ông thì ông không có liên can, ông chưa bao giờ là đảng viên cộng sản. Thế nhưng, khi những người tù khác đã ra về ông vẫn phải ở lại trại. Ông là người ở tù lâu nhất trong "nhóm xét lại chống Đảng".

Vũ Thư Hiên mắc nạn chỉ vì ông biết nhiều quá.

Ông là con trai cả của cụ Vũ Đình Huỳnh, một trong những đảng viên sáng lập của Đảng Cộng Sản Việt Nam, hoạt động chống Pháp từ trước khi là thành viên của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, từng là bí thư của Hồ Chí Minh từ Cách Mạng Tháng Tám cho tới hết cuộc kháng chiến chống Pháp, sau 1954 làm vụ trưởng Vụ Lễ Tân tại Bộ Ngoại Giao, rồi kết thúc cuộc đời cách mạng bằng chức ủy viên Ban Thanh Tra của chính phủ. Sống trong lòng đảng một thời gian dài, cụ Huỳnh biết nhiều chuyện thâm cung bí sử mà đảng cộng sản không muốn ai được biết. Vũ Thư Hiên là nhà báo, nhà điện ảnh, di nhiều, biết rộng. Không loại trừ, cụ Huỳnh đã trao lại cho con mình những

điều bí mật mà cụ biết nhưng ăm ức không nói ra được. Người ta ngờ điều đó. Người ta muốn biết Vũ Thư Hiên biết những gì. Họ ngờ là phải. Vũ Thư Hiên chắc chắn phải biết nhiều chuyện do quan hệ với thế hệ cộng sản đầu tiên, đồng chí của cha mẹ ông. Trong giới trí thức Hà Nội, ông nổi tiếng là người rất thông minh và ngang bướng. Lẽ ra, là con gia đình cộng sản ông phải là đảng viên cộng sản thì ông không chịu vào đảng. Đảng ngờ lắm chứ.

Bắt Vũ Thư Hiên, người ta đòi ông phải khai báo về tất cả những nhân vật trong bộ máy đảng và chính quyền. Không ai thoát khỏi vòng nghi ngờ của con mắt "cảnh giác cách mạng". Biết cũng phải khai, nghe nói lơ mơ cũng phải khai, nghi gì về nhân vật A hay nhân vật B cũng phải khai, v.v... Cái sự hỏi tới cùng kỳ lý như thế khiến Vũ Thư Hiên phải lục lọi trí nhớ. Và ông nhớ lại hết. Nhớ lại và suy ngẫm.

Họ hỏi thế làm gì? Để điều tra về một vụ hoàn toàn không có. Hoặc làm ra về điều tra về một vụ mà họ nói là có.

Ở đây Vũ Thư Hiên, trong cuốn hồi ký của ông, đã làm một chọn lựa lương thiện. Nhiều người chống cộng đã dành cho các ông Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, v.v... và cả Vũ Thư Hiên nữa, một một sự kính trọng đặc biệt là vì các ông ấy đã dám chống lại đảng cộng sản. Nếu không thì vụ này, dù có là thảm kịch đối với những người trong cuộc, cũng chỉ là chuyện xâu xé nội bộ giữa những người cộng sản với nhau. Đối với nhiều người "chúng nó" càng hành hạ nhau dã man chừng nào càng hay chừng ấy. Vũ Thư Hiên đã thẳng thắn gạt bỏ cái vinh quang không đúng đó. Ông quả quyết không làm gì có âm mưu đảo chính, cũng chẳng có chuyện chống đảng, và sau hết cũng chẳng hề có "nhóm xét lại chống Đảng".

Nhân cách của Vũ Thư Hiên chính là ở chỗ này. Nhân cách đó làm tăng giá trị của bản cáo trạng mà ông đưa ra. Vì Đêm Giữa Ban Ngày chính là một bản cáo trạng đối với chế độ cộng sản. Nó vạch trần sự dối trá nguy trang cho sự khinh miệt tuyệt đối của chế độ cộng sản đối với con người, ngay cả với những công thần của chế độ. Con người có tội hay không có tội, bị hành hạ dã man tới đâu, sống hay chết, hoàn toàn không có một tầm quan trọng nào đối với nhà cầm quyền. Cái gì đảng thích làm thì đảng làm. Mọi cá nhân được xếp đặt hay bị vứt bỏ chỉ như những con cờ bởi một sức mạnh vô hình vượt lên trên tất cả. Người đi bắt cũng như người

bị bắt, ai cũng thấy cái cực kỳ phi lý của nó nhưng không ai dám cưỡng lại nó. "Ý thức tổ chức", cái không có hình thù rõ rệt nợ buộc mọi người phải chấp nhận cái phi lý như một định mệnh. "Ý thức tổ chức", có khả năng ghê gớm làm người tốt phải hành động đều cáng, người bất khuất trở thành hèn.

Tại sao mọi người sợ đến thế? Ông Vũ Đình Huỳnh chỉ dám nói bóng gió với con mình về một chuyện thương luân bại lý. Ông Trường Chinh ngoảnh mặt làm ngơ trước những tai họa xảy tới cho những người thân của mình mà ông biết họ vô tội. Ông Nguyễn Lương Bằng không những bỏ rơi người bạn chí thiết trong cơn hoạn nạn, mặc dầu có lời cầu cứu của bà Huỳnh, lại còn muối mặt nhận đi đàn áp bạn mình. Chỉ đến lúc hấp hối ông mới dám ngỏ lời xin bạn tha lỗi cho hành động đốn mặt của mình. Ông Phạm Văn Đồng sống dai nhất trong chức vụ thủ tướng chỉ vì ông là người vô tích sự nhất trong ban lãnh đạo đảng. Ngay cả ông Hồ Chí Minh dù kêu lên "Tại sao lại bắt chú Huỳnh?", mà rồi cũng khoanh tay thúc thủ. Tại sao? Có thể là vì "Cái đít nó có trí nhớ, nó nhớ cái ghê" (Trần Văn Giàu). Nhưng cái ghê không phải là tất cả. Nguyên nhân sâu xa hơn là dù có chấp nhận mất cái ghê cũng chẳng thay đổi được gì.

Một tâm lý bất lực hoàn toàn đã ngự trị trong lòng mọi người.

Tổ chức trên hết, nhưng nó là cái gì mà ghê gớm thế? Thoạt trông nó có vẻ như một công cụ đàn áp khổng lồ trong tay Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn. Lê Duẩn, một người làm nghề bê ghi hỏa xa vô học, mắc bệnh vi nhân cuồng, muốn trở thành nhà tư tưởng của chủ nghĩa Mác. Một gia sư đào mỏ Lê Đức Thọ thâm hiểm, gian ác, chuyên đâm bị thóc thọc bị gạo mà làm nên nghiệp bá, bị toàn dân nguyện rửa, đã nắm mọi quyền hành trong tay mà còn nuôi mộng ước bá chủ Đông Dương. Còn Trần Quốc Hoàn? Một tên ăn cắp vặt, cầm cờ đám ma, khi thành đạt là một con quỷ dâm dục. Bức tranh thượng tầng xã hội mới gồm ghieác làm sao. Thì ra cái tổ chức ghê gớm nợ chỉ là dao búa, súng lục của những tên mafia hạng bét trong xã hội hiện đại.

Ở một cấp thấp hơn, những công bộc của nền chuyên chính vô sản như Huỳnh Ngự, Hoàng xét cho cùng chỉ là những công cụ vô hồn. Về mặt nào đó, họ cũng là nạn nhân. Vũ Thư Hiên đã rất thành công trong hai bức chân dung này. Cả hai cố gắng ép cung những người tù trong

nhóm "xét lại chống đảng", cố gắng bắt họ nhận những tội có thể đưa họ ra trường bắn mặc dầu thừa biết họ không có tội. Cả hai không phải là người xấu, bình thường có thể họ là những con người tốt nữa là khác. Nghề của họ là lấy cung và ép cung, họ làm với tinh thần trách nhiệm, thế thôi. Nhưng họ là công chức trong một guồng máy kỳ cực. Họ thường thành công bởi cuộc đấu trí não và cân não giữa họ và tù nhân là cuộc đấu vốn dĩ không cân bằng. Đó là cuộc đấu mà một bên có quyền ra đòn, bên kia chỉ được phép tránh. Tránh được đòn đối với người tù là thắng, nhưng có thắng cả trăm lần họ cũng không gây thiệt hại gì cho đối phương. Đối phương chỉ cần kiên trì tấn công và thu phần thắng cuối cùng. Đa số tù nhân đã nhận tội chỉ vì không chịu đựng được sự mệt mỏi. Lão tù nhân họ Trần nhận định rằng "không có tội là tội nặng nhất". Vũ Thư Hiên không may vì ông không thua trận nào cả, vì thế mà tội ông nặng nhất, được "đi cung" nhiều nhất, được ở tù lâu nhất để được làm bạn với con cóc cho đỡ cô đơn, được dịp căm thù con chuột cống già với bộ lông bạc phếch tinh khôn, quí quái, lúc nào cũng tránh được những kế hoạch nhằm tiêu diệt nó.

Đó là ở trong guồng máy. Còn ở ngoài, tại sao người ta cũng sợ? Tại sao Nguyễn Hồng, tác giả Bỉ Vỏ, khi biết Vũ Thư Hiên "có vấn đề" lại không dám dùng lại bất tay mà chỉ dám đứng xa vài dài rồi bỏ đi? Người khác thì sợ mất địa vị, mất một số đặc quyền đặc lợi. Nhưng Nguyễn Hồng thì mất cái gì? Mất cái gia tài gồm bộ quần áo pyjama màu nước lòng và cái xà cọt bắn thủ đưng bản thảo chẳng? Chẳng cứ gì văn nghệ sĩ, ngay các nhà chuyên môn như bác sĩ Trần Hữu Tước, anh hùng lao động của nước Việt Nam cộng sản, cũng thế. Hoàn cảnh buộc họ phải hèn.

Cái gì đã xảy ra cho xã hội Việt Nam? Toàn bộ cuốn Đêm Giữa Ban Ngày là sự suy ngẫm để trả lời câu hỏi đó. Vũ Thư Hiên không đưa ra một câu trả lời nào, nhưng những chân dung mà ông phác họa, những sự việc mà ông kể lại cho người đọc dễ dàng tìm thấy câu trả lời: chế độ cộng sản không giống những chế độ đã có từ trước và có lẽ cả những chế độ sẽ có về sau này. Nó nhằm tiêu diệt cá tính, biến cá nhân thành bộ phận vô ý thức của một guồng máy; trong hoàn cảnh đó những con người vô nhân tính nhất là những kẻ dễ thành công nhất, nhất là khi chúng vừa vô lại vừa lưu manh. Trong cái xã hội

không còn không gian cá nhân mỗi con người đều cảm thấy bơ vơ và bất lực. Cả xã hội chỉ còn là một đám đông cô đơn. Mọi giá trị đều bị đảo ngược. Người tốt thay vì vươn tới kiến thức lại vênh mặt tự hào thuộc "thành phần cơ bản", tên chỉ điểm không hổ thẹn với hành động đê tiện của mình mà hãnh diện vì có "ý thức tổ chức". Sự lương thiện, lòng dũng cảm trở thành thừa và vô ích. Con người tự đánh mất chính mình, từng chút một, hoặc ngay lập tức.

Vũ Thư Hiên đã chọn cho mình một góc nhìn thuận tiện. Thay vì tìm hiểu hiện tượng trên bình diện chính trị hay triết học, đặt nó trong phạm trù đúng sai, ông đặt nó trong cái xã hội mà trong đó ông phải sống dưới ánh sáng của các cặp phạm trù đối nghịch: lương thiện - bất lương, quân tử - tiểu nhân, đúng đắn - đều cáng, thủy chung - phản phúc. Gấp cuốn sách của ông lại, người đọc giữ lại một ấn tượng giản dị nhưng rõ ràng: chế độ cộng sản là một chế độ đều, rất đều.

Vũ Thư Hiên không có ý định minh oan cho những người vô tội, trong đó có ông, trong một vụ án bày đặt. Ông vẽ, và vẽ rất đạt, một xã hội phi lý. Và vì phi lý, nó không có quyền tồn tại.

Vũ Thư Hiên không phải chỉ viết cuốn sách này cho mình. Ông mang trên vai sứ mạng mà rất nhiều người trao cho ông: thân phụ ông, các ông Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Kỳ Vân, Trần Minh Việt, Phạm Viết, Nguyễn Lộc, v.v... Và những tù nhân khác: Marinét, lão Trần, ông Bát, "Jean Valjean gọi bằng cụ", những người bị gọi là ngục quân ngục quyền đã chết và còn sống, v.v... Họ trông đợi ở ngòi bút của ông để đưa số phận oan ức của họ ra ánh sáng. Sứ mạng nặng nề, và Vũ Thư Hiên đã bối rối. Sự bối rối thể hiện qua thời gian ông dành để viết cuốn sách: gần hai chục năm. Sự bối rối cũng thể hiện qua tựa đề của chính quyển sách: ĐÊM GIỮA BAN NGÀY, và tựa đề phụ HỒI KÝ CHÍNH TRỊ CỦA MỘT NGƯỜI KHÔNG LÀM CHÍNH TRỊ. Cuốn sách muốn nói quá nhiều - và quả nhiên nó đã nói được rất nhiều - để xứng đáng với tựa đề của nó. Nó vừa là hồi ký của một tù nhân chính trị, vừa là một tuyển tập chân dung những nhân vật điển hình của một giai đoạn lịch sử, vừa là một bức tranh xã hội, vừa là những suy tư và nhận định của một trí thức tình cờ có được một góc quan sát tốt. Nó là bản tự khai của Vũ Thư Hiên về một giai đoạn lịch sử mà ông ném trái. Ông đã khai

Di dân và kinh tế Hoa Kỳ

Trần Bình Nam

Di dân là một vấn đề xã hội nặng nề màu sắc chính trị, nhất là di dân từ các nước Á Châu đến các quốc gia Tây phương được bàn thảo nhiều tại Úc Châu, Âu Châu và đặc biệt là Hoa Kỳ trong hay năm qua.

Tại Hoa Kỳ, áp lực chống di dân càng ngày càng mạnh và cao điểm là luật cải tổ trợ cấp xã hội do tổng thống Clinton ban hành tháng 8-1996, ba tháng trước ngày bầu cử tổng thống, mặc dầu trước đó ông đã hai lần phủ quyết một dự luật có nội dung tương tự. Ngoài các điều khoản khác, luật này dự liệu cắt trợ cấp của di dân hợp pháp chưa có quốc tịch Hoa Kỳ.

Về mặt lý, trong lời mở đầu của đạo luật, Quốc Hội Hoa Kỳ cẩn thận ghi rằng từ thời lập quốc, người di dân đến Hoa Kỳ là để có cơ hội tự lập chứ không phải để

hưởng trợ cấp, hàm ý rằng nếu cắt trợ cấp của một số thành phần di dân cũng chỉ để làm sáng tỏ và khuyến khích tinh thần tự lập. Nhưng về mặt tâm lý, bộ luật phản ánh lối nhìn của đa số người dân Mỹ trung lưu và đang làm việc rằng người di dân là một gánh nặng cho quốc gia. Trong khi ngân sách thâm thủng, không có lý do gì cứ chi tiền trợ cấp cho một số người không đóng thuế vì không làm việc, không chịu học tiếng Mỹ và không có một nỗ lực hội nhập.

Những trách cứ đó có đúng không, hay chỉ là cái cớ?

Mới đây một bản báo cáo kết quả nghiên cứu về vấn đề di dân của một ủy ban thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học Quốc Gia Hoa Kỳ (National Academy of Sciences) gián tiếp kết luận đó chỉ là một cái cớ. Bản báo cáo viết: "Bằng chứng khoa học cho thấy người di dân đã và sẽ đóng góp rất nhiều cho nền kinh tế Hoa Kỳ".

Trong một bài báo đăng trên nhật báo New York Times, số ra ngày chủ nhật 18-5-1997 do Robert Pear viết về kết quả nghiên cứu nói trên, cho biết người di dân dù mọi chủng tộc đã đóng góp cho nền kinh tế Hoa Kỳ mỗi năm ít nhất 10 tỷ mỹ kim. Những ai dùng sản phẩm và dịch vụ do người di dân sản xuất hay cung cấp đều hưởng lợi vì giá thấp.

Ủy ban xác nhận rằng có một ảnh hưởng bất lợi cho những người Mỹ sinh đẻ tại đây không có nghề trong tay vì việc làm không cần chuyên môn bị người di dân chiếm. Nhưng ảnh hưởng này không trở thành một vấn đề xã hội vì không tập trung tại một địa phương nào, và nếu có cũng rất nhẹ. Nơi nào người di dân tập trung đông đảo, dân Mỹ không có nghề thường đi qua địa phương khác và dễ dàng kiếm ra những công ăn việc làm.

Ủy ban nghiên cứu thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học Hoa Kỳ gồm 12 chuyên viên thuộc các ngành kinh tế, dân số, xã hội do kinh tế gia James P. Smith của viện nghiên cứu tư Rand Corporation tại California cầm đầu, và là cuộc nghiên cứu qui mô và khoa học nhất từ trước đến nay về ảnh hưởng kinh tế và tài chánh của vấn đề di dân.

Sáng kiến nghiên cứu do Ủy Ban Cải Tổ Chính Sách Di Dân của chính phủ Hoa

Kỳ, một ủy ban có nhiệm vụ cố vấn Quốc Hội về di dân đưa ra.

Ngoài các sự kiện đã nêu, ủy ban tỏ ra ngạc nhiên không thấy có dữ kiện gì chứng minh người da đen bị người di dân cạnh tranh công ăn việc làm một cách gay gắt trên toàn quốc như nhiều người tưởng, ngoại trừ một vài địa phương như New York và Los Angeles.

Hàn Lâm Viện Khoa Học Hoa Kỳ kết luận rằng người di dân có tạo ra chi phí tại cấp địa phương hay tiểu bang nhưng lại đóng góp cho sự phồn thịnh của Hoa Kỳ trong dài hạn. Chẳng hạn lúc đầu tiểu bang phải chi tiêu cho việc học hành của người di dân, nhưng trong vòng 15 hay 20 năm những người này đi làm sẽ đóng thuế góp bội.

Một vài con số thuộc hai tiểu bang New Jersey và California, một ở miền Đông và một ở miền Tây Hoa Kỳ, được đưa ra dẫn chứng. Cả hai tiểu bang đều có nhiều di dân nhưng ảnh hưởng khác nhau.

Dân số New Jersey có 13% di dân (thống kê 1990), mỗi năm một gia đình cư dân trả khoảng 232 mỹ kim để trang trải chi phí do người di dân mới đến, và một gia đình di dân hưởng trung bình 1.484 mỹ kim nhiều hơn thuế họ đóng cho tiểu bang. Tại California các con số này là 22%, 1.178 mỹ kim và 3.463 mỹ kim.

Nhưng ủy ban kết luận, vốn chi ra sẽ được lời to vì khối di dân trên toàn quốc sẽ là những người đóng thuế cho Quỹ An Sinh Xã Hội (Social Security) và Quỹ Bảo Hiểm Sức Khỏe (Medicare) để có tiền trả cho thế hệ "baby boomers" về hưu trong vài chục năm nữa.

Bằng ngôn ngữ kinh tế, ủy ban kết luận: Sức lao động của người di dân làm ra phẩm vật và dịch vụ. Nhưng vì họ được thù lao ít hơn giá trị thành tiền họ tạo ra, người thợ bản xứ là người được hưởng giá trị của sự khác biệt.

Và bản nghiên cứu kết luận một cách khẳng định rằng nếu di dân không phải là phương thuốc cứu vãn kinh tế Hoa Kỳ như nhiều người nghĩ, di dân cũng không phải là nguyên nhân của chi phí quốc gia quá mức như một số người than phiền.

Bản báo cáo của Hàn Lâm Viện Khoa Học Quốc Gia Hoa Kỳ sẽ có sức thuyết phục mạnh để Quốc Hội tu chính các điều khoản quá khắt khe của luật cải tổ trợ cấp xã hội đối với người di dân hợp pháp chưa có quốc tịch, hay ít nhất cũng làm căn bản để Hành Pháp áp dụng sự cắt giảm trợ cấp một cách có tình có lý.

Trần Bình Nam

thật, khai hết, khai đầy đủ những gì ông đã không khai trong nhà tù. Ông khai chân thực, bởi lẽ ông là người khoáng đạt trong suy nghĩ, không bị sự ngưỡng mộ hoặc lòng căm thù làm cho mê hoặc. Vũ Thư Hiên không viết hồi ký để thanh toán ân oán giang hồ với ai. Ông thuật lại những sự kiện với giọng ôn hòa, bình tĩnh như của kẻ qua đường. Ông hiểu rằng khi sự nhảm nhí và ác độc của một chế độ đã đạt tới một mức độ nào đó thì những lời buộc tội hãn học chỉ làm mờ đi chứ không làm nổi bật lên bản chất đích thực của nó. Ngoài ra ông còn là người có tài nắm bắt để rồi khắc họa nhân vật hay sự kiện bằng những nét điển hình nhất, gây ấn tượng nhất. Các nhà văn đều hiểu rằng có nhiều trường hợp không nên viết văn mà nên dùng những chữ, những câu thật giản dị để nói lên sự thực và để sự thực đến với độc giả trong tất cả sự trần trụi của nó.

Tôi không muốn đưa ra một sự đánh giá đối với Đêm Giữa Ban Ngày. Tôi chỉ muốn nói một cách giản dị là tôi rất thích cuốn sách này. Tôi thích nó vì kho tàng tài liệu nó chứa đựng, vì những mẩu đời bi đát mà cộng đồng dân tộc không có quyền quên. Tôi đã đọc nó ba lần, lần chót tôi đã dành cho nó trọn vẹn hai ngày liền. Cuốn sách này cần đọc đi đọc lại, và đọc chậm, bởi vì nó là cả một viện bảo tàng mà mỗi món trưng bày đều xứng đáng một trạm dừng chân.

Nguyễn Gia Kiểng

Lộ trình dân chủ của Nhật Bản

Diệp Tường Báo

Thế giới đã không chú ý nhiều đến kỷ niệm 50 năm hiến pháp Nhật Bản, ngày 3-5 vừa qua. Nguyên do có lẽ là quan điểm cho rằng nền dân chủ Nhật Bản chủ yếu là một sản phẩm ngoại lai do Huê Kỳ áp đặt sau Đệ nhị Thế chiến. Đối với người Tây phương, một số đặc điểm trong đời sống tập thể Nhật Bản - nguyên tắc kẻ dưới người trên (*oyabun-kobun*) chỉ phối mọi quan hệ xã hội, vai tuồng chánh trị của những phe nhóm (*habatsu*) đằng sau các đảng phái, v.v. - là những bằng chứng rằng nền dân chủ Nhật Bản chỉ là hình thức, một vỏ trống không nội dung. Mặt khác, có người Á châu viện dẫn sự phát triển của Nhật Bản dưới thời Minh Trị (Meiji) để kết luận rằng dân chủ không là một điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của một quốc gia. Những lập luận này quả thực xuất phát từ những nhận định phiến diện bỏ qua nhiều dữ kiện lịch sử chứng minh rằng nền dân chủ Nhật Bản nằm trong khuôn khổ của một quá trình dài hạn, nội sinh và còn diễn tiến.

Nước Nhật tiền tân tiến (1568-1868)

Dù rằng trong kỷ ức đại chúng, thời Minh Trị là giai đoạn lịch sử sanh ra nước Nhật hiện đại, con đường hiện đại hóa của quần đảo thiết ra đã được lát gạch từ ba thế kỷ trước đó. Cũng như bao nhiêu nước khác, sự vươn lên của Nhật Bản đã căn cứ trên ba yếu tố chánh yếu là hòa bình, thống nhất quốc gia và sự hình thành của giai cấp tư sản. Những người đã tạo dựng các đảo lộn chánh trị sửa soạn thời Minh Trị là các lãnh chúa Oda Nobugana, Toyotomi Hideyoshi và Tokugawa Ieyasu]. Công trình của hai lãnh tụ thứ nhất là thống nhất Nhật Bản. Công hiến của nhân vật thứ ba là xây dựng hòa bình và tạo lập những điều kiện thuận lợi cho sự hình thành của giai cấp tư sản.

Công cuộc thống nhất Nhật Bản bắt đầu với kỹ thuật hỏa khí cho phép Nobugana đánh bại các lãnh chúa khác, tiêu diệt những lực lượng võ trang tôn phái và áp đảo những vùng tự trị nông dân, trong khoảng thời gian 1568-1582. Ở những địa hạt rơi vào chủ quyền của ông, Nobugana thiết lập thị trường tự do nhằm giảm thiểu sức mạnh của các phường hội. Để kiểm soát đảng cấp võ sĩ và tách

nó khỏi nền tảng nông thôn, ông ban hành một sắc lệnh bắt buộc họ phải cư ngụ tại những đô thị nằm dưới chân các lâu đài của những đại danh (*daimyō*). Nếu biện pháp này không đủ động đến quy chế võ sĩ, nó thay đổi rất nhiều vai trò xã hội của đẳng cấp này : từ vai tuồng "phụng sự" các đại danh (ý nghĩa nguyên văn của danh từ *samurai*), họ trở thành những vị quan hành chánh quản trị lãnh thổ từ xa. Song song, Nobugana tạo lập giai cấp tiểu địa chủ có quyền khai thác ruộng đất đổi lại bổn phận bảo đảm lợi tức đều đặn cho chánh quyền trung ương. Vào năm 1582, Nobugana kiểm soát hơn một phần ba quần đảo Nhật Bản nhưng bị một chư hầu, phản bội và ám sát.

Người kế vị Nobugana, Toyotomi Hideyoshi tiếp tục chánh sách được khởi công, nhưng với một khác biệt quan trọng là thái độ khoan dung của ông đối với kẻ thua trận. Kinh nghiệm Nobugana đưa Hideyoshi đến kết luận là thái độ rộng lượng là phương pháp tốt nhất để bảo đảm sự trung thành của những chư hầu. Sau khi hoàn thành công cuộc thống nhất Nhật Bản vào năm 1590, ông kết thúc chánh sách giải trừ võ trang ở thôn quê qua một pháp lệnh cấm người nông dân có khí giới. Theo Hideyoshi, từ khi miền quê được chánh phủ giải tỏa nạn xú quân, người nông dân không còn lý do để trang bị võ trang nữa ; một lập luận khó có thể chối cãi ! Trên bình diện kinh tế, ông tiếp tục công cuộc cải tiến xã hội Nhật Bản bằng cách phổ cập hóa dụng cụ tiền tệ. Để tăng trưởng nguồn huê lợi đến từ nông nghiệp, ông mở rộng cơ sở thuế khóa sau khi cho người đo lại ruộng đất. Công nghiệp và thương mại được khuyến khích để cung cấp sản phẩm cho những đô thị ngày càng lớn : thời đại Hideyoshi đã sanh ra một vài thành phố lớn nhất của Nhật Bản như Tôkyô (1590), Ôsaka (1583), v.v. Song song, chánh quyền Nhật Bản ủng hộ những giao thương với nước ngoài, từ trong vùng Đông Nam Á tới phương Tây. Đáng tiếc là những năm cuối của triều đại Hideyoshi đánh dấu sự suy thoái sức khỏe và trí lực của nhà lãnh đạo. Sau khi phát động hai cuộc xâm chiếm Cao Ly thất bại một cách thảm thương (1592, 1596), Hideyoshi chết vào năm 1598.

Vào lúc Hideyoshi chết, Tokugawa Ieyasu xuất hiện như phần tử trọng yếu của Hội đồng Nhiếp chánh. Ông đã không cần quá hai năm để thực hiện tham vọng làm bá chủ nước Nhật : sau khi đê bẹp các đối thủ vào năm 1600, Ieyasu lợi dụng tư cách quý tộc của mình (tiêu chuẩn mà hai vị lãnh tụ kia không có) để tự xưng tướng quân (*shōgun*) vào năm 1603. Nhà Tokugawa thành lập từ đó, sẽ cai trị liên tiếp Nhật Bản trong vòng 268 năm và đem lại quần đảo một thời kỳ hòa bình lâu dài chưa từng có trong lịch sử. Để bảo đảm nền thống trị của mình, Ieyasu lấy lại đường lối mềm dẻo của Hideyoshi : thay vì tìm cách tiêu diệt những chúa lãnh đã chống ông, Ieyasu lựa chọn phương pháp thừa nhận chức vị của những người này những vô hiệu hóa họ bằng cách chuyển dời họ xa khỏi trung tâm. Nhờ chánh sách khôn ngoan này, Nhật Bản thoát khỏi vòng phục thù luẩn quẩn chắc chắn sẽ xảy ra nếu Ieyasu đã lựa chọn một đường lối khắt khe hơn.

Nhờ hòa bình, trong khoảng thời gian thế kỷ XVII và XVIII, Nhật Bản ngày càng phồn thịnh. Từ rất lâu, đẳng cấp võ sĩ nắm giữ những chức vụ dân sự và trở thành nền tảng cơ cấu nhà nước. Dưới thời đại Tokugawa, nhân số *samurai* lên tới 6% dân số, năm lần hơn giai cấp kẻ sĩ Trung Hoa vào thời kỳ đó. Bực thứ đông đảo của đẳng cấp *samurai* cho phép họ có mặt ở mỗi nấc của mỗi cơ quan của bộ máy quyền hành. Thêm nữa, khác với quy chế kẻ sĩ của nền văn minh Trung Hoa, tâm tánh thực tế người *samurai* khiến họ không ngần ngại tham gia đời sống kinh tế trong địa hạt sản xuất cũng như mậu dịch. Đổi lại, thành phần bình dân có khả năng đạt tới địa vị *samurai* bằng cách mua lại quy chế này. Cuối cùng thì đẳng cấp *samurai* trở thành một quy chế được rất nhiều thành phần xã hội chia sẻ, khiến tinh thần võ sĩ đạo (*bushidō*) thấm nhuần mọi tầng lớp.

Triều đại Tokugawa cũng là thời kỳ mà nông nghiệp Nhật Bản đạt hiệu suất cao độ và phát triển những hoa màu chuyên môn như bông gòn, cải dầu, v.v., một dấu hiệu chứng tỏ sự biến đổi của nền kinh tế sinh kế sang nền kinh tế trao đổi, tiền thân của chế độ tư bản. Ở các đô thị, thành phần thương nhân phát đạt dưới bóng những đại danh thịnh vượng. Giới kinh doanh lợi dụng thời cơ thuận lợi để khai sinh một số tập quán thương mại mới như nhà hàng, siêu thị, v.v. : điều đó cho thấy rằng khả năng tiêu thụ không còn là của riêng của thành phần lãnh đạo mà đã trở thành lối

sống của những tầng lớp khác. Sự hình thành của giai cấp tư sản kích thích mạnh mẽ đời sống trí thức và nghệ thuật. Ngay từ thuở ban đầu, giai cấp trường giả Nhật Bản là một tinh hoa có học thức. Tổng nho với trọng lượng của nhà hiền triết Trung Hoa Chu Hy là học thuyết được chính quyền ưu đãi nhưng khác với Trung Quốc và Việt Nam, các nhà tư tưởng Nhật Bản đã không để một khuôn khổ chính thống gò bó. Ngược lại, họ đã chia ra thành nhiều trào lưu tư duy khác nhau, trong đó có những trường phái phê phán gay gắt chế độ. Chẳng hạn, nhà ngữ nghĩa học đứng đầu phong trào "quốc học" (*kuogaku*), Motoori Norinaga không sợ xét lại các niên biểu của hoàng tộc. Thực trạng đa nguyên đó là sự kiện của thành phần tư sản có ý muốn khẳng định vai trò và những giá trị của mình cùng như đẳng cấp vô si bắt buộc phải suy nghĩ đến những đảo lộn xã hội xáo trộn đời sống của họ.

Sự hiện hữu của những thị dân đông đảo và khá giả tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển văn hóa. Một số nghệ thuật nổi tiếng của Nhật Bản như kịch ca nhạc *kabuki*, kịch múa rối *bunraku* được sáng chế dưới triều đại Tokugawa. Đáng được lưu ý là các môn giải trí này có tầm ảnh hưởng trên tâm lý chính trị của người Nhật vì chúng giúp họ làm quen với quyền chỉ trích chính quyền: chẳng hạn, các nhà phê bình đồng ý nhận định rằng sự hiện diện của tài tử Hojo Tokimasa trong một cuộc trình diễn tượng trưng cho tướng quân Tokugawa Ieyasu và bài kịch "*Thầy tu Lai và ngàn con chó*" ám chỉ tướng quân Tokugawa Tsunayoshi! Thiết ra, sự tự do ngôn luận này bắt nguồn từ chính nguyên tắc phân biệt cương vị tinh thần của vị hoàng đế với vai trò hành sự thế tục của tướng quân. Lạ lùng hơn, mặc dù chính sách biệt lập được áp dụng từ 1633, người Nhật có phương tiện biết đến thế giới bên ngoài qua sách vở ngoại quốc: dân chúng yêu chuộng và coi trọng những tác phẩm đến từ Hòa Lan đến nỗi toàn bộ những kiến thức kỹ thuật được hấp thụ dưới thời đại Tokugawa mang tên "Lan học" (*rangaku*). Sở dĩ chính quyền Tokugawa luôn luôn ham biết thế giới bên ngoài, là vì chính sách biệt lập của họ không xuất phát từ nỗi sợ hãi ngoại quốc mà đúng hơn là do ý muốn giữ gìn độc quyền trên nền ngoại thương: bằng chứng là trong một số trường hợp, chính phủ không ngần ngại vận dụng kỹ năng ngoại quốc, chẳng hạn như khi họ cần đến các chuyên gia Hòa Lan để xây những xưởng đúc ở Hizen (1850) và Nagasaki

(1857) hoặc khi họ đặt các kỹ sư Pháp một lò cao ở Yokohama cùng với một công xưởng đóng tàu ở Yokosuka (1865).

Nước Nhật hiện đại (1868-1945)

Tuy có một vài nét tương đối sáng suốt của dòng dõi Tokugawa (nhất là so với các nhà vua Trung Hoa và Việt Nam thời đó), đường lối chuyên quyền và bảo thủ của chế độ này trở nên lỗi thời vào đầu thế kỷ XIX. Năm 1853 đánh dấu một bước ngoặt của chế độ tướng quân: một hạm đội Mỹ do đô đốc Matthew Perry chỉ huy, thả neo ở vịnh Tōkyō với một lá thư của tổng thống Huê Kỳ đòi hỏi Nhật Bản mở cửa. Sự nhượng bộ của chính quyền Nhật Bản được các cường quốc Âu châu coi như dấu hiệu để đổ xô lên quần đảo: trong khoảng thời gian 1854-1858, các nước Mỹ, Anh, Pháp, Nga và Hòa Lan bắt buộc Nhật Bản ký kết hàng chục hiệp ước bất công. Khoảng thời gian kế tiếp thấy nước Nhật bị chia xé giữa phe bài ngoại cực đoan và cánh ôn hòa. Vụ ám sát thủ tướng Ii Naosuke vào năm 1860 khởi đầu phong trào khủng bố chống những nhà chính trị ủng hộ chính sách mở cửa lần người ngoại quốc nhưng những cuộc tấn công người ngoại quốc tiếp là cơ hội để các cường quốc Tây phương đòi thêm ưu thế: nước Nhật đang lâm vào tình trạng nguy kịch của bao nhiêu quốc gia Á châu khác.

Một cách nghịch thường, cuộc canh tân Nhật Bản bắt nguồn từ một nhóm người xuất phát từ hàng ngũ bài ngoại cực đoan. Nhưng khác với các dân anh, họ ý thức được tình trạng yếu kém của Nhật Bản đối với các nước Tây phương. Do đó đường lối mà họ chủ trương là tiến lại gần các nước này để học hỏi kỹ thuật của họ: theo những người này, chỉ sau khi làm chủ được khoa học Tây phương, Nhật Bản mới có hy vọng phục hồi danh dự. Đa số là những võ sĩ đến từ những vùng xa cách trung ương: họ là hậu duệ của những đại danh đã bị Ieyasu di chuyển, do đó mức độ trung thành của họ đối với nhà Tokugawa không có gì là tuyệt đối. Nền tảng tư tưởng của những người này là sự tổng hợp của Tống nho và Thần đạo (*shintō*). Chủ nghĩa Thần đạo lưu hành quan niệm cho rằng lãnh thổ Nhật Bản "thiên liêng" phải do thiên hoàng cai trị; Tống nho giảng dạy tánh ưu việt của bốn phạm tội cao (đối với tổ quốc) so với lòng trung thành (đối với tướng quân). Một đặc điểm khác của các võ sĩ cấp tiến này là sự trẻ trung của họ, nhất là theo tiêu chuẩn Khổng giáo. Tất cả đều dưới 40 tuổi; một trong những lãnh tụ nòng cốt, Itō Hirobumi chỉ có 26 tuổi. Đó là những yếu tố giải

thích cách nhìn mới mẻ và đường lối mạnh dạn của các nhà duy tân cũng như tách cách triệt để của những biện pháp mà họ chủ trương. Vào năm 1867, dựa vào cuộc khủng hoảng kinh tế do sự cạnh tranh của những sản phẩm đến từ Tây phương, một liên minh gồm các thái ấp Chōshū và Satsuma gây đủ áp lực trên tướng quân Tokugawa Keiki để ông giao quyền lại cho hoàng gia.

Nói đến cuộc "Phục hưng hoàng gia Minh Trị" (*Meiji isshin*), chúng ta cần phải phá vỡ ý nghĩ rằng cuộc cách mạng này đã thay đổi một nền chuyên chế bởi một nền chuyên chế khác. Thiết vậy, cuộc đảo chính 1867 không có nghĩa là hoàng đế sẽ thay thế tướng quân để thống trị Nhật Bản vì trên thực tế vai tưởng chính trị của nhân vật này không thay đổi gì nhiều (nhờ thế mà hoàng đế Hirohito lần thế chế hoàng gia mới thoát khỏi cơn giận đồng minh). Ngược lại, nó đã là việc thừa nhận khả năng cho những đội ngũ khác nhau có quyền cai trị đất nước nhân danh hoàng đế. Thiết ra, Nhật Bản chỉ tiếp tục quá trình phân quyền bắt đầu từ gần 900 năm trước đó: cuộc phục hưng Minh Trị đã là cơ hội để người Nhật bồi bổ phương pháp phân biệt quyền tinh thần và quyền thế tục bằng nguyên lý phân biệt chức năng cai trị với căn cước của đội ngũ cầm quyền.

Nền dân chủ đế quốc của nước Nhật trước 1945 là kết quả của một diễn tiến mà hai hằng số quy định là cuộc xung đột không thương tiếc với thế giới bên ngoài và việc gia nhập dân chúng vào bộ máy nhà nước. Ngay từ lúc đầu, cuộc cách mạng Minh Trị được đặt dưới tấm bảng tranh đua với các cường quốc Âu châu theo khẩu hiệu "phù quốc cường quân" (*fukoku kyōhei*). Để đạt tới mục tiêu này, chính phủ của thủ tướng Okuba Toshimichi không ngần ngại thi hành nhiều cải cách triệt để trong một khoảng thời gian rất ngắn. Cuối năm 1873, họ đã giải thể toàn bộ hệ thống đẳng cấp: các đại danh được "khuyến khích" trao trả đất đai lại nhà nước để trở thành tỉnh trưởng trong lúc những đặc quyền của đẳng cấp vô si bị bãi bỏ qua một đạo luật thành lập chế độ tòng quân. Lê dĩ nhiên những biện pháp cách mạng này không thể nào không gặp phải một số chống đối. Trong khi thành phần cựu đại danh được dành những chỗ đứng thỏa đáng trong xã hội mới, chính quyền đã không tìm được một giải pháp xứng đáng cho những võ sĩ cũ. Song song, giai cấp bình dân cũng không mấy hài lòng cái "thuế máu" mà họ

sẽ phải trả đổi lại sự biến mất của chế độ kỳ thị đẳng cấp. Cuộc khởi nghĩa trầm trọng nhất xảy ra vào năm 1877 khi một đạo quân gồm hơn 7000 *samurai* thách thức chính quyền trung ương nhưng kết quả của trận đánh chỉ là chứng minh hiệu lực của đội binh tòng quân đối với các "vô sĩ dòng". Tuy thế, người ta có thể đánh giá là cuộc cách mạng Minh Trị đã xảy ra một cách tương đối êm thấm so với những xáo trộn lớn lao mà nó gây ra : chúng ta hãy nghĩ đến hai cuộc nội chiến lâu dài và đẫm máu ở Việt Nam và Trung Quốc, mà kết quả chỉ là thiết lập những chế độ mà thiếu tánh cách vẫn là phong kiến.

Nguyên nhân thứ nhất của sự hưởng ứng của quần chúng là những cơ hội tiến thân mà đại bộ phận dân tộc có thể tìm trong xã hội mới. Sau một khoảng thời gian quen thuộc với luật chơi, thành phần vô sĩ cũ tìm được những chỗ đứng tương xứng với quy chế xưa : tâm tánh thực tế của giai cấp này, gia tài kiến thức mà họ đã không ngừng tích lũy qua các thế kỷ, cho phép những người này trở thành quản trị viên, thẩm phán, giáo sư, doanh nhân, v.v. Mặt khác nền giáo dục cưỡng bách được thiết lập từ 1872 cung cấp phương tiện để thành phần bình dân đạt tới địa vị cao. Trong tương lai, nền giáo dục Nhật Bản sẽ không bao giờ tạo được sự tăng tiến xã hội hơn là trong hai thập niên cuối của thế kỷ XIX. Khả năng sanh lợi của giáo dục là yếu tố chủ yếu làm cho phe chống đối cải tiến không có nền tảng tồn tại. Chiến lược kinh tế của chế độ Minh Trị là lấy khu vực tư doanh làm nền tảng cho sự phát triển quốc gia. Chánh sách khôn ngoan của Bộ Kỹ nghệ thành lập vào năm 1870 (tiền thân của cái MITI nổi tiếng trên thế giới) là kích thích, hướng dẫn và phối hợp những lực lượng và sáng kiến mà không là kinh doanh : nếu trong trường hợp những kỹ nghệ vượt khỏi tầm vóc tư doanh, nhà nước không ngần ngại khởi công, thành phần quốc doanh lập tức rút ra sau khi các xí nghiệp đã cất cánh (phong trào giải tư 1880). Dựa trên nền liên minh giữa tư bản và nhà nước, Nhật Bản nhanh chóng trở nên một cường quốc. Từ 1885 đến 1905, sản lượng nội địa của Nhật Bản hơn gấp bốn, vốn liếng của các công ty gấp tám và nền xuất khẩu gấp mười. Vào năm 1894, toàn bộ những hiệp ước bất công ký với các cường quốc Tây phương được hủy bỏ và Nhật Bản khởi đầu chánh sách bành trướng. Những cuộc chiến Trung-Nhật (1894-1895), Nga-Nhật (1904-1905) là những cơ hội để Nhật Bản đặt chủ quyền trên các

quần đảo Ryûkyû và Chishima (Kouriles), thôn tính Đài Loan, Cao Ly và một phần nửa cù lao Sakhaline (Karafuto) và chiếm đóng miền Quan Đông trên Hoa lục.

Cuộc canh tân Minh Trị gặp được thắng lợi cùng vì nhà nước pháp trị cho phép giải quyết những xung đột quyền lợi trong khuôn khổ luật pháp. Ngược với những gì người ta thường nghĩ, nền dân chủ Nhật Bản không do ngoại quốc du nhập mà đã là kết quả của sự phấn đấu từ lúc ban đầu của chính người Nhật. Ngay từ 1880, tức 12 năm sau việc bãi bỏ chế độ tòng quân, có nhiều tổ chức như Phong trào vì Tự do và Dân quyền hoặc Đảng Tự do (*Jiyûtô*) đòi hỏi chế độ lập hiến và đại nghị. Kết quả của những cuộc tranh đấu là hiến pháp 1889, thiết lập thể chế lưỡng viện với một hạ nghị viện gồm có 300 dân biểu và một thượng nghị viện gồm có 176 thành viên trong đó 100 là những nhà quý tộc do vị hoàng đế bổ nhiệm : cũng như các hạ nghị sĩ, các thượng nghị sĩ còn lại được bầu theo phương thức tuyển cử theo mức thuế (*régime censitaire*). Triều đại Đại Chánh (Taishô, 1912-1925) kế tiếp triều đại Minh Trị đẩy xã hội Nhật Bản tiến một thêm bước trên con đường dân chủ với việc thành lập chế độ phổ thông đầu phiếu (1926) và sự ra đời của những tổ chức khuynh tả như Đảng Xã hội (*Shakaitô*) hay Hội Bình quân (*Suiheisha*), một tổ chức có mục đích bình vực quyền lợi của đẳng cấp ty tiện *burakumin*. Đảng Cộng sản (*Kyôsantô*) được thành lập cùng lúc với Hội Bình quân (1922) nhưng lập tức bị cấm không vì lý tưởng của nó nhưng vì phương thức hành động mà nó chủ trương. Tuy những thành quả quan trọng này, nền dân chủ của nước Nhật trên Đệ nhị Thế chiến còn rất nhiều khuyết điểm. Một trong những trở ngại chánh là tình trạng có hai định chế quyền hành kề nhau : trong lúc lập pháp là địa hạt của các chánh đảng, hành pháp do những nhóm cầm đầu định đoạt. Vào những năm 1930, hai nhóm thế lực hung hăng nhất là Hội Hoàng Đạo (*Kodôha*) và Hội Giám sát (*Tôseiha*). Vào năm 1936, Hội Giám sát lợi dụng cơ hội cuộc đảo chánh thất bại do Hội Hoàng Đạo âm mưu để lung đoạn đời sống chánh trị. Mặc dù có sự đàn áp khắc nghiệt trên xã hội Nhật Bản sau đó, các chánh đảng đã không để chánh quyền quân phiệt chế ngự mà không kháng cự một cách mãnh liệt. Đầu năm 1937, qua một phiên họp quốc hội dự dội, họ đặt chánh quyền vào thế bất buộc phải tổ chức một cuộc bầu cử mới. Kết quả của cuộc bầu cử chứng minh một lần nữa tánh khôn

ngoan của đại chúng nhưng thắng lợi của những chánh đảng phản chiến đến quá muộn để đảo ngược chiều hướng chuyên quyền và háo chiến của chế độ Nhật Bản. Nhân vật thể hiện sự thỏa hiệp giữa phe quân đội và thành phần dân sự, tân thủ tướng Konoe Fumimaro, thiệt ra chỉ là bù nhìn của các tướng lãnh. Đầu thập niên 1940, ông bị cánh quân phiệt thay thế bằng tướng Tôjô Hideki một thời gian sau khi các chánh đảng bị cấm. Trên cơ sở này, chúng ta có thể khẳng định rằng cuộc phiêu lưu quân sự 1940-1945 đã không thuộc trách nhiệm của dân chủ mà do tình trạng nhứt nguyên hiện hữu ở cấp quyết định tối cao. Mặc dù có nhiều báo cáo bị quan về khả năng để Nhật Bản chiến thắng Huê Kỳ, không có một tướng lãnh nào đã có can đảm nhìn nhận sự thực và truyền đạt nó cho hoàng đế. Thảm họa 1945 đã là một cơ hội để Nhật Bản vứt bỏ chủ nghĩa quân phiệt để tiếp tục con đường dân chủ được vạch ra dưới thời đại Minh Trị.

Ngược với một dư luận thông thường, thành công của Nhật Bản không là công trình của một thiên tài mà là thành quả của nhiều can đảm : thái độ bao dung của Hideyoshi và Ieyasu đối với địch thủ trong lúc tập quán của nhiều triều đại Á châu là tru di tam tộc, tâm lý hiếu kỳ của tinh hoa thời đại Tokugawa trong khi nhà nho Việt Nam hài lòng với việc áp ủ các kinh điển Khổng giáo, lòng yêu nước sáng suốt của một nhóm vô sĩ trong lúc các triều đình Bắc Kinh và Huê cai trị đất nước bằng phản ứng ấu trĩ. Trên đại cương, diễn tiến của nước Nhật đã đi theo con đường một chiều là giải phóng con người và xã hội khỏi mọi áp bức cho dù nó đến từ một đẳng cấp hay từ nhà nước. Đảng sau những đặc điểm, qua những diễn biến lịch sử, sự vươn lên của Nhật Bản nằm trong mô hình phát triển của những quốc gia khác : đó là sự kết hợp đồng thuận ngày càng rộng lớn giữa các thành phần xã hội, lấy tự do, dân chủ và đa nguyên làm nền tảng. Nghĩ đến tương lai nước ta, người ái quốc Việt Nam nhìn thấy một lý do để không tuyệt vọng và một lý do để hờn tức. Niềm an ủi là công thức phát triển một quốc gia không có gì là huyền bí ; phần nọ là vào cuối thế kỷ XX, còn quá nhiều người Việt Nam, đặc biệt là chánh quyền hiện hữu, không muốn chấp nhận thực tế này.

Diệp Tường Bào

Tạp ghi

Nhờ Phạm Phú Minh tới Paris, tôi được đọc cuốn "Hà Nội Trong Mắt Tôi", một tuyển tập những tùy bút anh đã viết trước và sau khi tới Mỹ năm 1992. Tôi vốn không ưa loại văn tùy bút. Nó có thể là một truyện không có cốt truyện, một cảm nghĩ thoáng qua, hay một mẫu tư tưởng cô lập. Nó không có định nghĩa chính xác. Chính vì thế mà nhiều người cho rằng tùy bút là thể loại "muốn viết gì thì viết, viết thế nào cũng được". Và tôi đã đọc phải những tùy bút viết một cách rất tùy tiện. "Hà Nội Trong Mắt Tôi" đã hòa giải tôi với loại văn tùy bút. Phạm Phú Minh cho hay anh đang chuẩn bị một cuốn sách khác. Tôi không tin nó có thể bằng được "Hà Nội Trong Mắt Tôi".

Cách đây chưa lâu lắm, Thế Kỷ 21 có tổ chức một cuộc tọa đàm về đề tài "tại sao viết?" và nhiều cây bút đã trả lời. Tôi chưa thấy một câu trả lời thỏa đáng. Đối với tôi, viết là để chụp bắt những chốc lát mà bỗng nhiên mình thấy vượt lên khỏi chính mình, bỗng nhiên tìm được một ý mới hay một cách diễn đạt mới cho một ý đã chín muồi từ lâu nhưng chưa phát biểu nổi một cách vừa ý. Viết chính là để lập biên bản cho những giây phút vượt thoát hiểm họa và quý báu đó. Tôi càng tin như vậy khi đọc "Hà Nội Trong Mắt Tôi". Những ai yêu văn học mà không đọc được cuốn sách này quả là rất thiệt thòi.

Hoàng Minh Chính thuật lại rằng tướng Lê Khả Phiêu đã có thái độ trọng thị đối với ông khi tiếp ông và nghe ông trình bày đề nghị một hội nghị "Tiểu Diễn Hồng" để dân chủ hóa đất nước. Nội bộ đảng cộng sản lúc này hơi khó hiểu. Trong khi ông Lê Khả Phiêu, được coi là đại biểu của phe cứng rắn thủ cựu, tỏ ra cởi mở với đối lập thì ông Võ Văn Kiệt, vẫn được coi là cởi mở và tiến bộ, lại liên tục đưa ra những biện pháp cứng rắn: nghị định 31/CP, nghị định tăng cường lại chế độ kiểm soát hộ khẩu, và dự án đường Trường Sơn trong đó có cường bách lao động. Ông Phiêu có vẻ muốn qua mặt ông Kiệt về cởi mở và ông Kiệt muốn qua mặt ông Phiêu về mặt cứng rắn. Người nọ muốn chơi trò chơi của người kia. Có thể họ không

khác nhau.

Một thân hữu đặt câu hỏi: nếu phe quân đội sau lưng ông Lê Khả Phiêu nắm được chính quyền và thiết lập một chế độ quân phiệt thì thái độ của chúng ta phải như thế nào? Một thân hữu khác trả lời: tất cả mọi thay đổi đều tốt, quân phiệt cũng còn hơn chế độ hiện tại. Câu hỏi và câu trả lời đều có lý do của chúng. Tôi thì nghĩ chúng ta đã quá chậm trễ để có thể hài lòng với một bước tiến quá ngắn, nếu có thể nói đó là một bước tiến một điều còn cần phải xét lại. Tranh chấp phe phái trong nội bộ đảng cộng sản là có thực, nhưng tôi không muốn phân biệt phe cái cách với phe bảo thủ, phe quân phiệt với phe đảng quyền, v.v... Có thể đó chỉ là những phân biệt rất hời hợt. Tôi chỉ quan sát xem ai chấp nhận dân chủ hơn ai. Dĩ nhiên tất cả các vị lãnh đạo đảng và nhà nước hiện nay đều chống dân chủ, chống vì quyền lợi và chống vì bản chất của họ. Tất cả vấn đề là ai đủ sáng suốt để hiểu rằng dân chủ là chuyển hóa bắt buộc và khẩn cấp. Tôi không thấy ai. Họa hiem lắm mới chỉ thấy những bước thăm dò rất rụt rè.

Cái gì đã xảy ra cho Đoàn Viết Hoạt? Người nhà tới thăm nuôi không được gặp, trái lại còn bị lấy cung trong vòng bảy giờ liền. Trong 22 năm dưới chế độ cộng sản Đoàn Viết Hoạt đã ở tù 19 năm. Thời gian ở tù của anh chỉ kém Nguyễn Đình Huy ở tù 20 năm. Nhưng điều kiện giam cầm của anh khắc nghiệt hơn.

Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy và những người dân chủ đang gian lao khác, Bảo Cự, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc... có chiến đấu một cách tuyệt vọng không? Họ có hy sinh vô ích không? Thực trạng đất nước quả tình là bi đát. Một nửa thanh niên thất học; một phần ba dân chúng thiếu dinh dưỡng, ba phần tư rừng bị tàn phá; các thành phố, bờ biển, sông ngòi ô nhiễm nặng nề; Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo đói nhất và một trong bốn nước trên thế giới hổ thẹn vì còn phải chịu đựng một chế độ mà cả thế giới coi là nhảm nhí. Tất cả những sự kiện đó đều kinh khủng. Nhưng sao

vẫn chỉ thấy một sự thờ ơ dày đặc? Nước ta giống như một bệnh nhân thiếu cả sức lực để bưng chén thuốc.

Tôn Thất Thiện điện thoại từ Úc cho hay chuyến du thuyết của ông có kết quả mỹ mãn. Từ ba năm nay Tôn Thất Thiện chống gây hành hương đi khắp nơi vận động cho một mặt trận dân chủ. Trong nước Hoàng Minh Chính cũng lên đường đi miền Trung và miền Nam với cùng mục đích. Hoàng Minh Chính đã 77 tuổi, Tôn Thất Thiện 73. Có những trường hợp mà chúng ta chúc sức khỏe một cách rất xúc động.

Chế độ Mobutu tại Zaire sụp đổ sau tám tháng tiến công của một đạo quân ô hợp và ít ỏi của Laurent-Désiré Kabila. Đã không có một trận đánh nào, bởi vì nếu có giao tranh quân đội của Kabila đã thua bại nhanh chóng. Quân đội của Mobutu đã rã hàng bỏ chạy khi địch quân còn cách cả trăm cây số. Quốc gia Zaire từ lâu đã chỉ còn là một hư cấu. Nó vẫn bỏ tù và vẫn xử bắn đối lập, nó không thiếu những tờ báo chính thức và những bồi bút ca tụng chế độ, nhưng nó không còn là quốc gia nữa. Nó chỉ là một cái vỏ rỗng. Chính quyền của nó chỉ là một đảng cướp trong tay Mobutu và đám thân cận. Người ta chờ đợi băng đảng Mobutu sẽ chiến đấu bảo vệ chế độ vì quyền lợi của chúng, nhưng điều này đã không xảy ra. Bọn tham ô không bao giờ dám chết vì quyền lợi bất chính. Hà Nội nên suy nghĩ về bài học Kinshasa. Đừng hy vọng bọn tư sản đỏ sẽ bảo vệ chế độ. Bọn này đã có sẵn các trương mục trong các ngân hàng Thụy Sĩ và Luxembourg.

Mỹ và Việt Nam trao đổi đại sứ, kiện toàn giai đoạn bình thường hóa quan hệ. Hà Nội chào đón biến cố này như một thắng lợi lớn. Thật là khó khăn để đem Mỹ trở lại, sau khi đã hy sinh hàng triệu người để đuổi Mỹ đi. Cùng trong tháng 5, Hà Nội vừa kỷ niệm chiến thắng 30-4-1975. Có những chiến thắng trông thật thiếu nào.

Nguyễn Gia Kiểng

Báo động về hiện tình của giáo dục ở Việt Nam

Ban nghiên cứu giáo dục Thông Luận

Nếu có một vấn đề cần được bàn luận ngay trong dự án xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Tự do thì đó là hệ thống giáo dục. Tương lai của mọi xã hội tùy thuộc vào sự sửa soạn tinh thần và kiến thức kỹ thuật cho tuổi trẻ để họ dần dần nắm lấy vận mệnh của đất nước và thay thế các thế hệ trước.

Sau gia đình, giáo dục có mục đích giúp mỗi thành viên trong xã hội hiểu cuộc sống, học hỏi kinh nghiệm, của dân tộc cũng như của thế giới, thấu hiểu những nguyên tắc và giá trị đạo đức căn bản phù hợp với sự sinh tồn chung của đồng loại, hấp thụ những kiến thức căn bản về khoa học kỹ thuật cần thiết trước khi đi vào cuộc sống xã hội. Nói một cách cụ thể hơn nữa, giáo dục phải giúp cá nhân một khả năng nhận thức và một chỗ đứng trong xã hội, giáo dục phải nhằm phục vụ mọi thành phần xã hội. Hệ thống giáo dục do đảng cộng sản chủ trương ở Việt Nam chỉ nhằm đào tạo một lớp người biết phục vụ một cách tuyệt đối và máy móc những mệnh lệnh của lớp người nắm quyền trong Đảng. Mọi kiến thức và tư tưởng đi ngược lại chủ trương của Đảng đều bị gạt bỏ.

Từ hơn 10 năm vừa qua, nhiều người thường tin rằng, với chính sách đổi mới, hệ thống giáo dục trong nước sẽ dần dần được giải phóng. Cũng trong chiều hướng đó, nhiều người đã tỏ ý hân hoan khi nghe tin, vào cuối năm 1996, các tòa đại sứ và lãnh sự Việt Nam ở nhiều nước đã "nhận được lệnh" triệu tập, thăm dò ý kiến của một số 'nhân sĩ, trí thức Việt kiều hải ngoại' để đóng góp ý kiến vào việc xây dựng 'định hướng chiến lược giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ Việt Nam từ nay đến năm 2020...' theo chủ đề của Hội nghị Trung Ương II. Sự thật, chi tiết các cuộc thăm dò ý kiến này đã được tổ chức ở đâu?, với sự tham gia của tầng lớp nhân sĩ, trí thức nào?, nội dung các ý kiến đã thu nhận được có những gì mới lạ?, Hội nghị Trung Ương đã chấp nhận và phê phán các ý kiến đó với mức độ nào,... cũng như các 'định hướng chiến lược giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ Việt Nam từ nay đến năm 2020'... đã cụ thể hóa được các chương trình nào... thì ít ai

biết.

Chỉ có một điều hiển nhiên, từ sau chính sách "đổi mới" của Đại hội VI, 1986, báo chí và dư luận trong và ngoài nước lại còn nhiều lần lên tiếng phản ánh tình trạng thoái hóa của nền giáo dục hiện tại ở Việt Nam, so với tình trạng trước thời kỳ 'đổi mới'. Nền giáo dục hiện tại ở Việt Nam đang đi về đâu và có còn đáp ứng cho các nhu cầu căn bản cho sự sống còn của dân tộc và quốc gia Việt Nam hay không đang là một đề tài thảo luận cấp bách cho tất cả những ai còn quan tâm tới tương lai và vận mệnh của dân tộc, nhất là khi hầu hết các dân tộc khác trên thế giới đang sửa soạn đón mừng đi vào một thiên niên kỷ mới. Không có tham vọng trả lời hoàn toàn các nghi vấn này, không muốn đặt những vấn đề quá xa vời với thực tế, đến năm 2020!!..., chúng tôi chỉ muốn nêu lại sau đây một số dữ kiện về hiện tình của hệ thống giáo dục ở Việt Nam, đã được nêu ra nhiều lần trong dư luận và báo chí trong và ngoài nước, trong khoảng thời gian 10 năm vừa qua, trong mục đích báo động dư luận về một tình trạng suy thoái tột bực, kêu gọi sự đóng góp ý kiến của độc giả, làm căn bản cho các suy tư chung về những giải pháp thích đáng trên một vấn đề trọng đại đối với mỗi gia đình và đối với vận mệnh của cả dân tộc.

Dữ kiện thứ nhất là sự thoái hóa của hệ thống giáo dục trong khía cạnh tổ chức và các phương tiện đầu tư cho nền giáo dục. Mặc dầu trong 10 năm qua đã có những tiến bộ kinh tế nhưng các tiến bộ này đã không giúp ích gì cho giáo dục. Hơn thế nữa sau Đại hội VI, với chính sách tự quản, các cơ sở học đường đều bị xem như là các xí nghiệp sản xuất, bằng mọi cách phải tìm cách tự túc về tài chính và phương tiện vật chất.

Ngành giáo dục không được dành ngân sách hợp lý. Giáo dục bị đánh giá quá thấp, tiền lương của nhà giáo còn thua xa các người lao động không có tay nghề, không còn cho phép các nhà giáo ổn định đời sống hàng ngày nếu không tìm cách xoay xở bằng các nghề lặt vặt khác. Lương của một giáo viên cấp hai trung bình chỉ vào khoảng 200.000 đồng, còn thua tiền

một người giúp việc trong các gia đình khá giả. Vì không được đãi ngộ thích đáng so với các ngành nghề khác, các giáo viên thường tự ví mình là những người ở ngoài cuộc. Trong khi xã hội dần dần thay đổi, một số lớn giáo viên phải bỏ nghề dạy học. Các số thống kê chính thức cho biết, trong các năm đầu thập niên 90, mỗi năm có chừng 10.000 giáo viên (trên số tổng cộng khoảng 500.000 giáo viên trong nước) tự ý thôi việc để tìm nghề khác sinh sống. Một mặt khác, tuy việc tuyển sinh hầu như không còn dựa vào tiêu chuẩn về kiến thức, số tuyển hàng năm vào một số các trường sư phạm bị giảm sút tột bực vì không có thí sinh. Giáo chức đã không được bảo đảm cuộc sống hàng ngày và bị xã hội bỏ rơi thì chắc chắn sẽ không thể đem hết tâm trí để làm tròn nhiệm vụ nặng nề giáo dục các thế hệ trẻ.

Một dữ kiện quan trọng khác là việc giao các trường sơ cấp tiểu học cho các địa phương cấp làng, xã, quận quản lý, các trường phổ thông cho địa phương cấp tỉnh điều hành. Trên nguyên tắc sự tản quyền này là đúng, nhưng trên thực tế nhiều khi nó đã được thực hiện một cách vô trách nhiệm. Ở các địa phương, tuy chính thức không có chế độ học phí nhưng các gia đình phải đóng góp tài chính nặng nề để góp phần điều hành các cơ sở học đường. Các gia đình nghèo khó không còn đủ phương tiện đóng góp để cho con em đi học. Ngay ở cấp sơ và tiểu học, nạn thất học của thiếu nhi đã lên đến mức cao độ vào các năm cuối thập niên 80.

Chế độ học phí nặng nề đã loại ra ngoài đại học một số sinh viên xuất sắc vì số học phí của một sinh viên nhiều khi còn vượt lên trên số thu nhập của một gia đình bình thường. Chỉ có tầng lớp cán bộ cao cấp tham nhũng mới có đầy đủ phương tiện tài chính để cho con cái theo học các trường đại học hay đi du học nước ngoài, trong khi đó có nhiều trường hợp thí sinh được sắp hạng hàng đầu trong số các thí sinh trúng tuyển các kỳ thi nhưng không được nhập học vì không có khả năng tài chính để trả học phí. Hầu như tất cả các trường đại học đều phải thả lỏng chế độ tuyển sinh, thu nhận thêm những thí sinh không đủ tiêu chuẩn về kiến thức, nhưng có phương tiện tài chính, trả cho nhà trường một số học phí đặc biệt. Các báo cáo chính thức cho biết trong các năm đầu của thập niên 90, chỉ tiêu tuyển sinh vào đại học ngày càng giảm. Mỗi năm có khoảng 200.000 học sinh tốt nghiệp tú tài nhưng chỉ còn độ 30.000 được tuyển vào

đại học, trong khi trước đó 10 năm số tuyển sinh hàng năm là trên 40.000. Cán bộ giảng dạy đại học được ước lượng vào khoảng 18.000 người nhưng đa số đều trên lứa tuổi 50, sắp sửa về hưu mà không có lớp người trẻ thay thế vì không có ngân sách tuyển dụng người mới. Các sinh viên giỏi thường lựa chọn học các ngành như ngoại ngữ, tin học, thương mại, ... có khả năng làm việc với các xí nghiệp tư ngoại quốc với lương bổng cao. Các ngành về văn hóa, khoa học xã hội, nông nghiệp, sư phạm, ... có rất ít sinh viên.

Sau Đại hội VI, chính sách tuyển chọn sinh viên theo tiêu chuẩn chính trị vẫn tiếp tục được thi hành mặc dầu đã được một phần nới lỏng. Theo quy định chính thức thì các địa phương có trách nhiệm bảo đảm "phẩm chất đạo đức và chính trị của những người sau này sẽ được đào tạo để phục vụ đất nước". Số sinh viên được tuyển chọn theo chính sách "ưu tiên", theo hệ "tại chức", "cử tuyển", "hợp đồng" vẫn tiếp tục đưa vào đại học như trước, làm giảm sút nghiêm trọng trình độ và chất lượng đào tạo ở các trường đại học. Tất cả các lớp người này, khi đã "hoàn tất" học kỳ, theo bất cứ hệ đào tạo nào, cũng đều được cấp phát bằng tốt nghiệp đại học và đều được xem như có trình độ tương đương với nhau mặc dầu trên thực tế lại rất chênh lệch rất xa nhau về trình độ chuyên môn. Các chính sách chỉ có một mục tiêu thỏa mãn nhu cầu của "thị trường bằng cấp", làm bình phong cho phép những ai đã có một chỗ đứng trong hệ thống chính quyền chia sẻ các đặc quyền khác, cũng như có một lý do "chính đáng" xác định lại vị trí của họ.

Song song với chính sách này là các biện pháp giới hạn quyền tự do lựa chọn trường đại học. Các thí sinh bị giới hạn bởi địa chỉ thường trú, chỉ được thi vào trường nào có chỉ tiêu tuyển sinh trong vùng cư ngụ. Để giới hạn hơn nữa các thành phần bất lợi đối với chế độ, sau thời gian đào tạo tại các trường, các sinh viên thuộc diện đào tạo chính qui không được cấp phát văn bằng mà phải trải qua một thời gian vài năm công tác ở các địa phương và chỉ được chính thức cấp phát văn bằng khi được các địa phương phê chuẩn về thái độ của đương sự trong việc phục vụ và thi hành các chính sách của nhà nước. Với các chính sách này, một số không ít các sinh viên có khả năng chuyên môn giỏi thường không được cấp phát bằng cấp mặc dầu đã hoàn tất học trình chuyên môn. Đó là chưa nói đến việc

tuyển chọn cán bộ vào các cơ cấu chính quyền ở các địa phương cũng như ở cấp trung ương đều không dựa vào các tiêu chuẩn về chuyên môn. Chính sách ưu tiên lý lịch, chỉ dựa trên thái độ chính trị của các ứng viên, xem nhẹ tài năng kỹ thuật vẫn được áp dụng.

Cùng với các sự kiện trên đây, các phương pháp áp dụng vào việc đào tạo hiện nay ở Việt Nam cũng là điều làm cho ta ngạc nhiên và lo sợ. Trước tiên là hiện tượng các địa phương (cấp tỉnh và các thành phố lớn) vẫn tiếp tục công khai ép buộc giáo chức địa phương làm những bản báo cáo trống rỗng về các thành quả về giáo dục ở các địa phương, thay đổi cách phê chuẩn học bạ của học sinh, đưa các kết quả lên cao để đủ các tiêu chuẩn miễn thi chuyển cấp, thay đổi điểm ở các kỳ thi tú tài để tăng gấp bội số thí sinh thi đỗ để đạt các chỉ tiêu kỷ lục về số học sinh được lên lớp, số học sinh xuất sắc, số học sinh thi đỗ, ..., với các con số trung bình 80, 90% trong địa phương của mình. Phương pháp giảng dạy, nhất là ở cấp tiểu và trung học, vẫn bị gò bó vì chỉ có các sách giáo khoa do bộ giáo dục viết mới được quyền phổ biến giảng dạy. Bộ giáo dục độc quyền giao cho một số người tin cẩn soạn thảo, ấn loát và phát hành, vừa làm nặng nề guồng máy giáo dục, vừa làm cho các nhà giáo không có cơ hội nâng cao trình độ giảng dạy và phát triển các phương pháp sư phạm. Nhiều nhà giáo đã công khai lên tiếng phản nản nội dung cũng như hình thức các sách giáo khoa từ nhiều năm nay vẫn không được cải tiến, thường chỉ in lại các sách giáo khoa cũ cách đây vài thập niên.

Từ cuối thập niên 80 đến gần đây, Bộ giáo dục và đào tạo còn đưa ra chủ trương công khai hóa các "Bộ đề thi": Bộ cho xuất bản các đề thi mẫu cho tất cả các môn học vào các trường đại học, kèm theo đáp án. Từ đó sinh ra tình trạng giảng dạy gấp rút chương trình các năm cuối ở bậc trung học để đến lớp 12 dành thì giờ cho việc học tủ, học vẹt, học luyện thi theo các bộ đề thi của bộ đã đưa ra. Các lò luyện thi mọc ra khắp nơi ở các thành phố, biến việc tuyển sinh vào các đại học thành một loại thị trường, sinh ra đủ loại tệ đoan. Ngoài ra, tuy trên thực tế chủ nghĩa cộng sản đã không còn được tôn sùng như trước, chương trình đào tạo ở các trường đại học vẫn chính thức dành một thời giờ quan trọng cho các môn học về triết lý Mác Lê, mặc dầu các môn này chẳng còn được ai tin tưởng.

Các dữ kiện trên thật ra chỉ nói lên được một vài khía cạnh hình thức của vấn đề, chưa nói lên được thực chất và các sản phẩm của nền giáo dục đó. Liệu trong tình trạng bạc đãi mà xã hội đang dành cho ngành giáo dục, các nhà giáo có còn đủ tâm hồn và tài năng để đào tạo cho đất nước một lớp người trong sạch, có đầy đủ tinh thần và nghị lực phục vụ lợi ích chung của dân tộc mai sau hay không? Liệu các nhà giáo có đủ can đảm để đề cập với các thế hệ trẻ các khái niệm về văn hóa, về đạo lý con người, về trách nhiệm của mỗi thành viên của xã hội, ... khi ngay chính trong cơ cấu của xã hội hiện tại đang chất chứa công khai các tệ đoan, các bất công? Câu trả lời hiển nhiên cho các suy tư này chắc chắn không cần phải nêu ra ở đây. Trên khía cạnh đào tạo kỹ thuật, ở bậc cao đẳng và đại học, với các phương tiện nghèo nàn và lạc hậu, với một đội ngũ cán bộ yếu kém và đã cằn cỗi, với cách tổ chức chỉ chú trọng vào các hình thức bên ngoài, đặt nặng vào lý thuyết mà không có điều kiện để đi vào thực tiễn, nền giáo dục này không thể đào tạo cho xã hội tương lai những con người có đầy đủ khả năng chuyên môn để điều hành các xí nghiệp, xây dựng một nền kinh tế hữu hiệu.

Trong một nền giáo dục như hiện nay, chỉ chú trọng vào thị hiếu của lợi nhuận vật chất trước mắt mà quên đi lợi ích lâu dài cho xã hội mai sau, chỉ nhằm đào tạo những con người cúi đầu phục tùng mà không dám phản ứng trước bất công và gian dối, chúng ta có quyền tự đặt nghi vấn: những người đang tự cho mình độc quyền lãnh đạo và những người mà họ đang chọn lựa để tiếp tay họ sẽ đưa dân tộc đi về đâu?...

Tóm tắt lại một thực tế và một viễn ảnh đen tối của nền giáo dục hiện nay, chúng tôi chỉ muốn đưa ra một lời báo động, trình bày trước dư luận một vấn đề hệ trọng hàng đầu, và mong muốn tất cả những ai đang có một hoài bão nào đó đối với dân tộc có cơ hội cùng nhau tranh luận, góp ý nhằm cải tổ hệ thống giáo dục hiện tại cũng như đặt lại các định hướng căn bản cho một nền giáo dục trong một xã hội tương lai. Chúng tôi tin và mong rằng Nguyệt san Thông Luận sẽ nhận được các đề nghị, ý kiến và phản ảnh của nhiều thành viên trong cộng đồng dân tộc.

**Ban nghiên cứu giáo dục
Thông Luận**

Các trở ngại chần bước tiến của kinh tế Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hiệp

Mười năm đổi mới của Việt Nam có đem lại một số kết quả tốt, đặc biệt về mặt kinh tế, sản xuất và thương mại. Nhưng song song, đổi mới ở Việt Nam cũng tạo nhiều tiêu cực đáng ngại. Các điều tốt mà chính quyền Việt Nam thường nhắc tới và đem ra phô bày thuộc về lãnh vực kinh tế vi mô như :

- Sản lượng nội địa (GDP) tăng nhanh (từ 8 đến 9% trong những năm gần đây)
- Tỷ giá hối đoái đứng yên (ở mức 11.000 đồng VN/ 1 USD)
- Thiếu hụt ngân sách giới hạn (tương đương khoảng từ 7 đến 9% GDP)
- Đầu tư nước ngoài tăng đều tuy năm 1996 vừa qua có chậm lại.

Những kết quả kinh tế vi mô vừa kể không có tính cách vượt bậc bởi chúng đã đạt được bằng cách rất giản dị là xóa bỏ những điều tiêu cực và nghịch lý khiến kinh tế bị thua thiệt, sa sút trong những năm trước đổi mới, chẳng hạn :

- Chỉ từ bỏ chế độ hợp tác xã nông nghiệp cũng đủ để chuyển tình trạng thiếu hụt nông sản sang sản xuất thặng dư, từ thế phải nhập khẩu lúa gạo sang thế xuất khẩu đứng hàng thứ ba trên thế giới (sau Hoa Kỳ và Thái Lan).

- Chỉ chấp nhận kinh tế tư doanh, mở cửa tiếp nhận đầu tư nước ngoài cũng đủ để khiến tỷ lệ gia tăng GDP từ 3%/năm trước đổi mới lên tới 7-8%/năm trong những năm 1993-96 gần đây.

- Tình trạng tiền tệ khá ổn định là nhờ vốn nước ngoài đầu tư thực sự vào Việt Nam (2,2 tỷ USD năm 1996) và khối tiền do hơn 2 triệu người Việt ở nước ngoài chuyển hoặc đem về Việt Nam (khoảng 1,6 tỷ USD năm 1996, tương đương với 70-75% số vốn đầu tư nước ngoài) và số ngoại tệ thu được qua các dịch vụ du lịch (ước lượng 650 triệu đô la US năm 1996).

- Thiếu hụt ngân sách ở mức thậm trọng chủ yếu là bởi xóa bỏ chế độ bao cấp qua ngân sách và tín dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên ngân sách nhà nước còn ở trong tình trạng căng thẳng bởi cơ sở sản xuất dựa vào đó để tính

thuế còn hạn hẹp và bởi chế độ thuế khóa thiếu sót, chưa thích ứng, tổ chức thu thuế hiệu quả còn thấp kém.

Trong mười năm đổi mới vừa qua, nhìn tổng quát và về lượng, kinh tế Việt Nam rõ ràng có đi lên. Như đã nêu trên, kết quả đó không phải là nhờ có một chính sách sáng tạo, không vì những nỗ lực vượt bực và cũng không phải do một sự quản lý tinh thông hoặc những phương thức tổ chức khoa học. Sở dĩ kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể, chủ yếu là bởi trước khi đi sang đổi mới mức độ phát triển của kinh tế Việt Nam ở bậc tột cùng, chỉ một số thay đổi thực tế và chuyển hướng rõ rệt cũng đủ để làm tình hình sáng sủa hơn. Thực vậy, cho dù vốn đầu tư thiếu, lao động không được đào tạo, kỹ thuật và công nghệ thấp kém, luật lệ chông chéo, tổ chức nặng nề, kinh tế Việt Nam vẫn tiến đều trong những năm vừa qua.

Nay kinh tế nước ta bước sang một thời kỳ khác. Để có thể đi vào giai đoạn cất cánh, kinh tế Việt Nam phải thể hiện những thành quả rõ rệt về mặt vi mô. Như thế sự phát triển nói chung và sự tăng trưởng sản xuất nói riêng không thể chỉ trông chờ vào việc xóa bỏ những điểm xấu và tiêu cực. Nó bắt buộc phải phụ thuộc vào việc thực hiện những điều tích cực, thiết lập những định chế có hiệu quả, xây dựng những nền tảng bền vững, tạo tác đủ nhân tố thiết yếu cho sự cất cánh. Như vậy có nghĩa là kinh tế nước ta cần hội đủ các điều kiện sau :

- Có những nhân tố cần thiết cho sự phát triển và sản xuất một cách lành mạnh và bền vững, đó là tiết kiệm và vốn đầu tư trong nước cao, nhân lực được giáo dục và đào tạo có quy hoạch, trình độ kỹ thuật và công nghệ sản xuất được bồi dưỡng để kịp với thời đại.

- Có hoàn cảnh thuận lợi để vận động, phát huy và nối kết với hiệu quả cao nhất các nhân tố cần thiết cho sự phát triển vừa nêu, tức là có luật lệ hoàn chỉnh và tiến bộ, định chế thuận lý và thích hợp, thủ tục trong sáng và thống nhất, tổ chức thông suốt và khoa học.

Xét triển vọng kinh tế Việt Nam trong những năm sắp tới theo các điều kiện ấy thì chúng ta không có lý do để lạc quan. Hiện nay còn nhiều trở ngại chần bước tiến và sự phát triển bền vững của kinh tế Việt Nam.

Những trở ngại về nhân tố sản xuất

Kinh tế phát triển, dân giàu nước mạnh, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước có thành công hay không tùy thuộc vào ba nhân tố chính không thể thiếu được là vốn đầu tư trong nước, nhân lực thành thạo, kỹ thuật và công nghệ sản xuất cao.

Về vốn đầu tư trong nước : chúng tôi đã có báo động tình trạng vốn đầu tư trong nước quá thiếu kém và nêu ra những nguyên do khiến huy động tiết kiệm không thành công. Lần này chúng tôi sẽ xem trong một hay hai năm qua, các nguồn vốn đầu tư trong có phong phú hơn trước không và việc huy động vốn và tình trạng hoạt động tín dụng có hiệu quả tới mức nào.

Ai có theo dõi vấn đề hẳn đã nhận thấy nét nổi bật của tình hình tài chính và tiền tệ Việt Nam trong năm qua là còn sự lúng túng và tính bị động. Chính quyền Việt Nam chưa thiết lập được một cơ chế khả dĩ tăng cường và phát huy, hướng dẫn và điều tiết vốn đầu tư trong nước có lợi nhất cho sự phát triển bền vững Việt Nam. Thực tế cho thấy rằng :

- Thị trường tiền gửi, hoạt động tín dụng, phát hành trái phiếu (kho bạc, chính phủ, đô thị, doanh nghiệp, công trình, ...) vẫn còn hỗn độn, không có kết nối và đồng bộ. Tình trạng tiền gửi ứ đọng, vốn ngắn hạn thì tương đối nhiều, vốn dài hạn thiếu trầm trọng ... và những hiện tượng bệnh hoạn mang tên như bãi đầu tư, vay trả chậm, ... cùng với sự lê lết của chương trình cổ phần hóa, tính bất khả thi của dự án thị trường chứng khoán ... là bằng chứng cho thấy vốn đầu tư ở Việt Nam hướng về sản xuất và phát triển kinh tế hầu còn nan giải. Về thị trường chứng khoán,

chính thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước tuyên bố rằng nếu chuẩn bị tích cực thì ít nhất vào năm 1998, thị trường chứng khoán mới có thể hình thành. Chúng tôi nghi rằng quan điểm này lạc quan vô cớ. Các phương thức cơ bản tối thiểu để huy động tiết kiệm vẫn chưa phổ thông, chuẩn mực kế toán và kiểm toán còn lạc hậu, luật thương mại còn thô sơ, thiếu chặt chẽ, ... thì nói chi tới thị trường chứng khoán, kế hoạch cổ phần hóa.

- Việc gây dựng vốn đầu tư trong nước để bớt lệ thuộc đầu tư nước ngoài không tiến xa hơn được. Các dự báo kinh tế cho tới năm 2000 gần đây nhất vẫn giả định đầu tư nước ngoài chiếm 50% tổng số đầu tư trong nước. Đầu tư trung và dài hạn hầu như trông chờ hoàn toàn vào vốn nước ngoài. Vốn trong nước chỉ dùng cho tín dụng ngắn hạn trong các nghiệp vụ kiếm tiền mau chóng, có ít nhiều tính cách cơ hội, trục lợi. Một số lớn các nghiệp vụ nhập khẩu không dùng tín dụng trong nước mà dùng tín dụng của nước ngoài vì lãi suất thấp hơn. Qua phương thức vay trả chậm, các doanh nghiệp nhập khẩu có thanh khoản tiền mặt đem gửi ngân hàng kiếm lời. Như thế là hành động tiết kiệm theo lối tư nhân chứ không đóng vai trò tài trợ sản xuất, đầu tư kinh doanh. Hiện tượng sử dụng vốn đầu tư như thế khiến các ngân hàng trở thành nơi có tên gọi là bãi đầu tư như vừa nói.

- Nhìn qua cách sử dụng vốn đầu tư trong nước và hoạt động tín dụng thương mại, thì rõ ràng toàn bộ tổ chức ngân hàng, đầu tư và tín dụng còn lạc hậu, hạn hẹp. Hiện nay các ngân hàng hầu như chỉ nhận tiền gửi ngắn hạn và chung quy dùng số tiền ấy để tài trợ bán trả góp hàng tiêu dùng ngoại nhập, mua trái phiếu kho bạc và trái phiếu chính phủ hoặc đa dạng hơn thì cũng chỉ tài trợ xây nhà bán trả góp. Tín dụng hướng về đầu tư sản xuất và phát triển trong tương lai chiếm khoảng 10% tổng số. Còn lại 90% thì tập trung vào dịch vụ thương mại ngắn hạn và hoạt động kinh tế đem lợi trước mắt trong những điều kiện như thế, kinh tế Việt Nam không thể phát triển lành mạnh bền vững được.

- Gần đây ở Việt Nam xuất hiện hoạt động tín dụng thuê mua (*leasing*) tuy trên giấy tờ có 5 doanh nghiệp tín dụng thuê mua, nhưng thực tế mới chỉ có một là Vietnam International Company, công ty liên doanh giữa Việt Nam với Đại Hàn, Nhật, Pháp và Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) với vốn 5 triệu USD. Bốn

công ty tín dụng thuê mua còn lại của các ngân hàng Ngân Hàng Ngoại Thương, Ngân Hàng Nông Nghiệp, Ngân Hàng Công Nghiệp và Thương Mại và Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển chưa đi vào hoạt động. Tựa như trường hợp thị trường chứng khoán và chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp trước đây, thị trường tín dụng thuê mua có triển vọng là đứa con yếu ớt, chậm lớn và khó nuôi của đường lối kinh tế tài chính Việt Nam. Quy chế sơ sài và thiếu sót của thị trường tín dụng thuê mua khiến hoạt động của tín dụng này không được xác định rõ ràng đặc biệt về các mặt xử lý và chế tài khi xảy ra tranh chấp. Thêm với khuôn khổ tổ chức tài chính và tiền tệ nói chung còn chấp nôi, chưa đồng bộ thì chắc chắn thị trường tín dụng thuê mua, cuối cùng, sẽ chẳng đóng góp gì nhiều để giúp hoạt động tín dụng được phong phú và đa dạng, rồi từ đó, nâng cao đầu tư mở rộng sản xuất nhanh hơn nữa.

Lao động và nhân lực : chúng tôi đã có lần nhận định rằng Việt Nam có nhiều lao động nhưng nghèo nhân lực. Nhiều lao động là bởi tỷ số người trong tuổi lao động (33 triệu) trên số người tuổi từ 15 trở lên (45 triệu) rất cao. Nghèo nhân lực vì Việt Nam thiếu đào tạo, trình độ chuyên môn rất thấp. Tình trạng này đã dẫn tới nhiều sự kiện tiêu cực, bất lợi, chẳng hạn :

- Đầu tư nước ngoài bây giờ có dấu hiệu bớt liên doanh để hướng nhiều hơn về đầu tư vốn 100% nước ngoài. Một trong những nguyên do của sự thay đổi này là đầu tư nước ngoài muốn giảm sự ràng buộc về điều kiện thu dụng lao động Việt Nam mà tới nay sau mười năm đổi mới vẫn chưa chuyển thành một khối nhân lực có tay nghề chuyên môn có trình độ.

- Nhìn chung, đầu tư nước ngoài chủ yếu tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp cần ít trình độ văn hóa và có tay nghề thấp. Như chúng ta đã biết, nước ngoài đầu tư rất nhiều vào ngành xây cất là ngành không sử dụng kỹ thuật và công nghệ cao cấp, vào ngành dịch vụ khách sạn và du lịch là ngành thu dụng những nghề rất đơn giản như tiếp viên, tạp vụ, cấp dưỡng, ...

- Sài Gòn là nơi tập trung hoạt động kinh tế và thương mại của cả nước, có 4,8 triệu dân, trong đó 2,8 triệu người trong tuổi lao động, nhưng chỉ có 1,8 triệu người có việc làm (*Tuổi Trẻ, 18-6-1996*). Như vậy tỷ số thất nghiệp và bán thất nghiệp lên tới 36%. Nếu tính chung cho cả nước thì tỷ số này khoảng 32%.

- Mặc dù tỷ số thất nghiệp cao như thế, dựa trên số liệu của Trung Tâm Cung Ứng Lao Động trực thuộc hai khu chế xuất Tân Thuận và Linh Trung, các doanh nghiệp tại đây vẫn không tuyển được đủ số người có tay nghề đúng chuẩn. Trung bình, tính trên số người xin việc qua Trung Tâm Cung Ứng Lao Động có khoảng 40% được tuyển dụng.

- Phần rất lớn công nghiệp hướng về xuất khẩu (may mặc, giày dép,...) hoặc thay thế nhập khẩu (thuốc lá, rượu bia, nước giải khát,...) hiện nay vẫn còn hoạt động gia công. Hiển nhiên thiếu vốn là một nguyên do, nhưng thiếu chuyên viên nắm vững khoa học ứng dụng, thiếu nhân viên và công nhân thạo nghề là lý do chủ yếu.

Như bất cứ một quốc gia nào, Việt Nam khi thiếu vốn thì có thể đi vay hoặc kêu gọi đầu tư nước ngoài, thiếu thiết bị máy móc thì có thể thuê mua và nhập khẩu. Nhưng nếu thiếu nhân lực có tài năng, thiếu lao động thạo nghề thì phát triển sản xuất sẽ bị hạn chế vô cùng. Ấy vậy mà tình trạng giáo dục và đào tạo ở Việt Nam vẫn không có những chuyển mình mạnh bạo, dứt khoát. Năm 1995 tại Sài Gòn có 5.200 học sinh tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp. Nhiều nhất là về các ngành tài chính, kế toán, y tế, vận tải,... gần chót là ngành kỹ thuật ứng dụng, chỉ đào tạo được 300 người cho các hoạt động công nghiệp. Không những thế, trên thực tế, các trung tâm dạy nghề chỉ đào tạo những thợ học việc. Đó là lý do tại sao chỉ có khoảng 10% những người xuất thân từ các trung tâm này tìm được việc làm thích hợp đúng nghề (*Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn, 18-4-1996*).

Kỹ thuật và công nghệ : Nhân tố quan trọng thứ ba quyết định bước tiến của kinh tế Việt Nam là kỹ thuật và công nghệ. Nhân tố này luôn luôn gắn bó với lao động và nhân lực. Thực vậy, một khi lao động được đào tạo, nhân dụng có tay nghề chuyên môn thì tất nhiên ít nhiều kỹ thuật sản xuất phải cao, khoa học công nghệ phải có chất lượng khá. Ngoài ra, kinh tế càng phát triển thì vai trò của nhân tố này càng quan trọng. Do đó căn cứ trên tình trạng lao động và nhân dụng như vừa nêu thì chúng ta không ngạc nhiên thấy thực trạng kỹ thuật sản xuất và khoa học công nghệ ở Việt Nam thua kém một cách đáng ngại. Hết hội thảo rồi kiến nghị, sau dự thảo nghị quyết tới nghị quyết thực sự, cuối cùng Việt Nam vẫn chưa có một

đường hướng nâng cao kỹ thuật và phát triển công nghệ có quy hoạch nghiêm chỉnh. Tuy kỹ thuật sản xuất và khoa học công nghệ có tính cách quyết định như thế nhưng vấn đề vẫn còn ở dạng dự kiến, phác họa, đánh giá, tìm kiếm ! Chúng tôi đã có lần phối bày vấn đề chuyển giao công nghệ trong trường hợp đầu tư liên doanh của nước ngoài. Qua vấn đề này, chúng tôi nhận thấy thiếu những điều tối thiểu sau đây trong việc quản lý kỹ thuật và công nghệ :

- Ủy ban hoặc cơ quan xác định và trách nhiệm đường hướng.
- Cơ quan đánh giá và chọn lựa kỹ thuật và công nghệ sản xuất.
- Hệ thống thông tin và cập nhật thông tin kỹ thuật và công nghệ.
- Chuyên gia thẩm định và đánh giá thiết bị, kỹ thuật và công nghệ.
- Kiến thức về luật pháp quy định quyền sở hữu và sử dụng kỹ thuật và khoa học công nghệ.
- Kiến thức về quản lý khoa học công nghệ bao gồm nội dung, đối tượng giá trị kinh tế, kết quả chờ đợi.

Hiện tại Việt Nam tiếp nhận hỗn độn kỹ thuật sản xuất và khoa học công nghệ của nước ngoài. Các kỹ thuật và công nghệ mới đưa vào Việt Nam tựa như một món hàng tiêu dùng nhằm đem lại tiện lợi trong nếp sống hàng ngày. Các trường hợp tiếp thu kỹ thuật và công nghệ du nhập từ nước ngoài đều giới hạn ở diện *show how* (chưa đạt tới chuyển giao *know how* và tất nhiên cũng không có thể có chuyển giao *know why* và xa hơn nữa *know everything*).

Để đóng góp tích cực vào chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc tiếp nhận và quản lý kỹ thuật-công nghệ cần phải bao gồm tối thiểu các khía cạnh sau đây :

- Kiến thức cần có để thông hiểu quy trình sáng chế và kỹ thuật sản xuất máy móc, thiết bị cùng với cách thức sử dụng và bảo trì máy móc thiết bị.
- Kiến thức về tổ chức và phương pháp hoạt động sản xuất phù hợp với máy móc thiết bị
- Kiến thức về cách điều động nhân lực sử dụng máy móc thiết bị ngõ hầu đạt hiệu suất cao nhất.

Theo các giới thông thạo về kỹ thuật và công nghệ, loại hình thuận lợi nhất để chuyển giao kỹ thuật sản xuất và khoa học công nghệ là liên doanh đầu tư với nước

ngoài. Trong trường hợp Việt Nam, mặt chuyển giao công nghệ hoàn toàn bị bỏ quên trong các đề án liên doanh với nước ngoài.

Những trở ngại về pháp lý hành chính và tổ chức công quyền

Không ai có thể phủ nhận rằng luật lệ, hành chính và tổ chức công quyền Việt Nam gây rất nhiều trở ngại cho sự phát triển kinh tế. Mặc dù mười năm đổi mới đã đem lại nhiều thay đổi tốt ở một số phương diện, nhưng nhiều trở ngại vẫn chưa được khắc phục. ngoài ra, song song lại xuất hiện nét tiêu cực mới. Chung quy hãy còn nhiều vướng mắc khiến công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước rất chậm trễ và thua thiệt. Nếu chính quyền Việt Nam muốn sự sôi động kinh tế và tình trạng thương mại phồn vinh trong vùng lan mạnh và lan nhanh sang Việt Nam thì cần gấp rút nỗ lực thực hiện những chuyển biến mới, sâu rộng hơn và mạnh dạn hơn trên các lãnh vực chủ yếu là pháp lý hành chính và tổ chức công quyền.

Khuôn khổ pháp lý : Nói chung, tất cả các luật Việt Nam được biên soạn để phù hợp với đường lối và chủ trương của chính quyền nhà nước, tức Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nội dung của luật cũng như vai trò của luật không ngoài mục đích tạo một khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho đảng và nhà nước thực hiện chính sách về các chương trình đề ra. Chẳng hạn Luật Đầu Tư Nước Ngoài không chú trọng tới các quy tắc quốc tế phổ biến. Bởi vậy khi đem ra thi hành, luật gợi nhiều vấn đề mà không có giải đáp, nhiều thắc mắc mà không làm sáng tỏ được. Khởi đầu, luật rất mập mờ, rồi từ từ rõ nét hơn nhờ tới 117 nghị định và thông tư ! Luật trở thành phức tạp, cách diễn và thi hành luật rắc rối, tuy nhiên luật vẫn thiếu sót, chưa hoàn chỉnh.

Một thí dụ khác là luật pháp giải quyết các vụ án hành chính. Hiện nay các hành vi hành chính trái luật của các cơ quan công quyền hoặc viên chức nhà nước được xét xử công khai, trừ trường hợp cần giữ bí mật công hoặc bí mật tư theo yêu cầu chính đáng ! Ngoài ra toà án chỉ có quyền phán quyết đúng sai đối với nội dung của các quyết định hoặc hành vi của cơ quan hay viên chức phạm lỗi. Tòa cũng chỉ có quyền đưa ra kiến nghị gửi cấp trên của cơ quan hay viên chức đã có hành vi

sai trái. Còn quyền xét xử cơ quan hoặc viên chức phạm lỗi thì thuộc về cấp trên của cơ quan hay viên chức. Hiển nhiên khuôn khổ pháp luật Việt Nam như thế thì thực tế cũng không hơn gì nhiều tình trạng không có luật.

Khuôn khổ pháp luật hiện nay kìm hãm sự tiến bước của kinh tế Việt Nam. Nó cần phải được đổi mới sớm để phù hợp với những giá trị và quy tắc phổ biến. Luật pháp phải được bảo vệ một cách công minh, áp dụng bình đẳng và phải giữ đúng vai trò trọng tài nghiêm chỉnh.

Hành chính nhà nước : Từ khi đường lối kế hoạch tập trung được thay đổi bằng kinh tế thị trường thì thành phần cán bộ trung cấp ở Việt Nam tự nhiên có cơ hội giữ vai trò quan trọng trong việc hoạch định và thực hiện các chương trình dù rằng trung ương vẫn giữ quyết định đường lối tổng quát chung. Do đổi mới và tổ chức kinh tế thị trường, đường dây hành chính chiều dọc từ trung ương xuống địa phương dần dần tan biến. Thay vào đó là những đường dây ngang dọc, mạng lưới chằng chịt do tầng lớp cán bộ trung cấp thêu dệt để vận động phương tiện, gây dựng bè thế, hoạt động kinh tế, hoạch định chương trình, lạm dụng uy quyền, kinh doanh làm giàu ... Thực tế này ngày càng rõ nét khiến xảy ra hiện tượng địa phương hóa quyền lực (nhưng không phải tản quyền hay phân quyền !) dẫn tới sự chông chéo, mâu thuẫn, tranh giành trong tổ chức hành chính nhà nước, giữa các cơ quan, giữa trung ương với địa phương. Chẳng thế mà ngôn ngữ trong giới hành chính Việt Nam có những cụm từ tiêu biểu như "vận dụng nhân danh", "vô si ngang thế", "ngang ô", "thế mạnh của đường dây nào", ... Ai đầu tư kinh doanh, sản xuất ở Việt Nam đều rất quen thuộc với một loại chi phí đặc biệt có tên gọi rất ngộ nghĩnh là "tiền quan hệ" có khi lên tới 20-30% kinh phí đầu tư của dự án !

Guồng máy hành chính như thế thì không thể nào thuận lợi cho sự phát triển kinh tế lành mạnh và bền vững được. Tất cả các cơ quan tài chính quốc tế (World Bank, International Monetary Fund, Asia Development Bank), các tập đoàn kinh tế và doanh nhân nước ngoài đều đồng ý rằng hành chính Việt Nam rắc rối, phiền hà khiến chi phí hoạt động và điều hành của họ tốn kém quá đáng và vô lý. Hành chính Việt Nam đang đè nghẹt toàn bộ khu vực kinh tế vi mô trong nước. Nó

ngăn cản các cơ sở sản xuất có cơ hội để trưởng thành, trở nên vững mạnh.

Tổ chức công quyền : Ở Việt Nam, do chủ trương đảng là nhà nước, và dù có đổi mới, công quyền hãy còn là một khái niệm mới. Và khi đi vào thực tế thì công quyền đập khuôn khổ theo một tổ chức rất lệch lạc. Việt Nam chưa có một tổ chức công quyền gồm có một đội ngũ viên chức thông suốt công việc quản lý và thi hành nhiệm vụ theo một quy chế đúng đắn. Quy chế này phải định rõ quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với người dân và trách nhiệm của viên chức chính phủ trong việc bảo vệ công ích. Vì thiếu một tổ chức công quyền hợp lý, nền kinh tế thị trường dưới chế độ xã hội chủ nghĩa đã khơi mào cho những hoạt động sản xuất và thương mại theo đuổi lợi ích cá nhân nhiều nhưng ít phục vụ cho công ích. Trong hiện tại, tình trạng này được đề lỏng, ngang nhiên diễn ra hàng ngày và không có triển vọng được chấm dứt bằng cách vận dụng nghiêm chỉnh pháp luật và quản lý hành chính hữu hiệu. Vụ xây cất nhà trên đê Yên Phụ ở Hà Nội kéo dài từ 1990 tới 1995 là thí dụ điển hình chứng minh sự bị động hoàn toàn của kiểu cách tổ chức công quyền Việt Nam. Luật pháp Việt Nam vốn đã chấp vạ, hành chính vừa chằng chịt vừa chia năm xẻ bảy cộng với công quyền thiếu tổ chức đúng đắn thì tất nhiên không tránh khỏi những hành vi tổn hại tới lợi ích công, tài sản nhà nước. Tham nhũng, buôn lậu, hối mại quyền thế xuất phát từ đó.

Công quyền Việt Nam không phân chia thành hành pháp, lập pháp và tư pháp cùng hoạt động với mục đích tối hậu là bảo vệ những gì ích quốc lợi dân. Trái lại, nó là một tổ chức khép kín, một tổ hợp những thành viên tuy cùng ở trong Đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng chia thành phe cánh. Họ tranh giữ quyền lực nhà nước, đối chác ảnh hưởng với nhau, lạm dụng quyền thế. Tổ chức công quyền như vậy thì không thể đóng góp đúng mức vào sự nghiệp mở mang kinh tế, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Để xóa bỏ các trở ngại

Kinh tế với chính trị như đùa có đôi, không thể chiếc dài chiếc ngắn, chiếc tròn, chiếc vuông, chiếc thẳng, chiếc cong. Hiện nay ở Việt Nam, khu vực kinh tế tức là ngành sản xuất và thương mại là chiếc

đũa thẳng để dùng. trong khi đó khu vực chính trị gồm có hệ thống pháp luật, tổ chức hành chính và chế độ công quyền là chiếc đũa cong dùng không thuận chút nào. Có nhẽ, ngay cả giới lãnh đạo Việt Nam cũng phải nhìn nhận rằng kinh tế và chính trị trong nước là chiếc đũa không đồng bộ. Ở Việt Nam, pháp luật, hành chính và công quyền đi sau quá xa khu vực kinh tế nên buộc chân các hoạt động sản xuất và thương mại. Lúc này có dấu hiệu rất rõ cho thấy nhiều khu vực kinh tế, trước đây có vài năm phát triển mạnh, nay chậm lại như đầu tư nước ngoài, ngành du lịch, xây dựng cao ốc. Nhiều hoạt động khác đâm chân tại chỗ hoặc sa sút đi. Ngành ngân hàng tiếp tục tắc nghẽn mà không thấy lối thoát. Vốn đầu tư trong nước vẫn chưa huy động được nhiều (ước lượng 13-14% GDP trong năm 1996). Thiếu hụt của cán cân thương mại gia tăng mau chóng (thiếu hụt 4 tỷ USD năm 1996, tương đương với 18% GDP). Sai biệt chi thu trong ngân sách nhà nước 1996 tăng 4% so với 1995. Viện trợ phát triển (ODA) mà nước ngoài dành cho Việt Nam khá nhiều nhưng Việt Nam không thỏa mãn đủ các điều kiện để tháo khoán sử dụng được nhiều hơn (tính tới cuối năm 1996, tháo khoán 1,7 tỷ USD trên tổng số dự khoán là 8,5 tỷ đô la US).

Trên một phương diện khác, cơ sở pháp luật, guồng máy hành chính và tổ chức công quyền rất thuận lợi để các tệ nạn kinh tế phát triển không ngừng. Thủ tướng, bộ trưởng, báo chí cũng phải nhìn nhận điều này. Năm 1996, có 26 vụ án kinh tế lớn liên quan tới các cơ quan và viên chức nhà nước. Tổng cộng trị giá tài sản nhà nước bị tẩu tán lên tới khoảng 23 triệu USD (*Vietnam Economic Times*, tháng 3-1997). Vẫn theo bài viết trong số báo này, chỉ có 1% các vụ án kinh tế được đem ra xử công khai. Gần đây có các vụ án kinh tế lớn Quyết Thắng, Tamexco chưa xong đã có vụ Minh Phụng-EPCO.

Muốn tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất và thương mại, xóa bỏ các tiêu cực vừa nêu, thì nhất thiết phải khắc phục ngay các thiếu sót về nhân tố sản xuất và các sai lệch trong cơ chế luật pháp, bộ máy hành chính, tổ chức công quyền. Nhưng để làm được công việc này, chỉ có một cách là "đổi mới chính trị", nghĩa là dân chủ hóa thật sự đất nước.

Nguyễn Ngọc Hiệp

Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt

(Vietnam Libertés - Fondation
Doan Viet Hoat)

* Hội viên tích cực 200 F (hay 40 USD) mỗi năm.

* Hội viên ân nhân 500 F (hay 100 USD) mỗi năm.

Tại các nơi khác, số tiền đóng góp bằng tiền địa phương qui theo hối suất.

Tại Pháp: Vietnam Libertés, 11 Mail Le Corbusier - 77185 Lognes.

Ngân phiếu xin đề: **Vietnam Libertés.**

Tại Đức: Herr Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104 - 60385 Frankfurt am Main.

Ngân phiếu xin đề: **Nguyen Thanh Luong**

Tại Hoa Kỳ: Mr Phạm Ngọc Lân, 4345 Calypso Terrace - Fremont CA 94555.

Ngân phiếu xin đề: **Phạm Ngọc Lân**

Tại Úc: Mr T.S. Duong, P.O.Box 99 - First Floor, 16-20 Greenfield Pde - BANKSTOWN - NSW 2200.

Ngân phiếu xin đề: **T.S. Duong.**

Đính chính

Trong bài "*Nỗi buồn cố hương*", tác giả Người Ba Lê, xin đính chính những lỗi sau đây:

1. Mục "chống tham nhũng", cuối đoạn đầu: "Tuồng nên nhắc lại một lần nữa là không nên lẫn lộn lập pháp với tư pháp". Xin đọc lại là: "Tuồng nên nhắc lại một lần nữa là không nên lẫn lộn lập pháp với hành pháp".

2. Mục "diễn biến hòa bình" (gần cuối, dòng thứ 23 kể từ cuối): "Di nhiên đó là những diễn biến tổng hợp xấu...". Xin đọc là: "Di nhiên có những diễn biến tổng hợp xấu...".

3. Mục "Rồng hay Cọp", bốn câu thơ của Nguyễn Công Trứ thiếu một câu đầu. Xin đọc là:

"Cùng có lúc mưa đờn sóng võ

Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong...".

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Liên Hiệp Châu Âu và Bắc Kinh cùng phản kháng

Đại sứ Liên Hiệp Châu Âu tại Bắc Kinh, ông Wilkinson đã chính thức phản kháng chính quyền Trung Quốc về việc dùng những biện pháp trả đũa về thương mại đối với Đan Mạch và Hòa Lan. Hai nước này, hồi tháng 3 năm nay, đã đưa ra một dự thảo để biểu quyết tại Ủy ban nhân quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève nhằm lên án Bắc Kinh vi phạm nhân quyền. Với thái độ cứng rắn này, Liên Hiệp Châu Âu muốn cho Trung Quốc biết không nên lợi dụng thái độ thiếu sáng suốt của một vài nước trong Liên Hiệp để chia rẽ sự đoàn kết của toàn khối.

Song song với sự kiện đó, Bắc Kinh phản kháng Nghị Viện Châu Âu về việc cho phép ông Chương Hiếu Nghiêm (John Chang), ngoại trưởng Đài Loan, được phát biểu trước nghị viện này ngày 25-5. Phát ngôn viên Bắc Kinh, ông Thẩm Quốc Phóng (Shen Guo Fang) cho việc này là "xâm phạm chủ quyền" và "can thiệp vào nội bộ" của Trung Quốc. Trong bài phát biểu ở Nghị Viện Châu Âu, ông Nghiêm cho biết Đài Loan không chủ trương độc lập nhưng kêu gọi các nước trên thế giới nên gia tăng quan hệ với Đài Loan vì lợi ích chung.

Đây là lần thứ hai trong hai tháng gần đây Bắc Kinh lên tiếng phản kháng, sau vụ Đức Đạt Lai Lạt Ma được nghị viện Châu Âu mời phát biểu trong tháng 4-97.

Mông Cổ có tổng thống mới

Sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, chế độ cộng sản Mông Cổ cũng tan rã theo. Các đảng chính trị được hoạt động trở lại và dân chúng có quyền tham gia vào đời sống chính trị. Ông Otchirbat lần đầu tiên được dân chúng bầu trực tiếp vào chức vụ tổng thống năm 1990. Sau 7 năm cầm quyền, ông Otchirbat đã thất cử ngày 18-5 vừa qua, ông chỉ được 30% phiếu so với 61% của ông Bagabandi. Lý do thất bại của ông Otchirbat là đã đi quá nhanh và quá xa trong việc cải cách kinh tế sau gần 70 năm theo xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường không qua thời kỳ quá độ đã làm một số lớn dân chúng trở nên nghèo đói. Trong năm qua, lạm phát lên đến 66%, nạn thất nghiệp chiếm 50% dân số lao động (Ngoại Mông có 2,4 triệu dân). Tổng thống Bagabandi, năm nay 47 tuổi, xuất thân từ đảng "Cách Mạng Nhân Dân" (đảng cộng sản cũ), chủ trương tạm ngừng cải cách kinh tế và nhờ đó được dân chúng

ủng hộ. Nhưng ông ta sẽ phải đương đầu với một quốc hội trong đó các đảng phái tự do chiếm đa số và mới được bầu cách đây một năm. Đây cũng là một bài học cho các nước hậu cộng sản trong việc chuyển hướng từ kinh tế điều khiển sang kinh tế thị trường một cách rùng rú.

Tin về bán đảo Cao Ly

Ông Kim Hiền Triết, con của tổng thống Nam Hàn Kim Vịnh Tam, đã bị bắt hồi trung tuần tháng 5 vừa qua về tội tham nhũng 15 triệu USD. Ông Triết bị buộc tội đã dùng thế lực của cha để can thiệp vào các ngân hàng nhà nước, trợ giúp tập đoàn Hàn Bảo mà sau đó cũng bị phá sản. Tình trạng này đã làm uy thế của ông Tam giảm sút nặng, có thể đi tới việc từ chức trước khi mãn nhiệm tháng 2 năm tới. Ông Tam có thể cũng không tránh khỏi tình trạng của hai cựu tổng thống trước đây là Lô Thái Ngu (Roh Tae Woo) và ông Toàn Đẩu Hoán (Chun Doo Whan), một người bị kết án tử hình treo về tội giết người biểu tình và một người bị tù nhiều năm vì tham nhũng. Tự do, dân chủ đã cho phép Nam Hàn trong sạch hóa chính trường và thể hiện nguyên tắc không ai có quyền ngồi trên luật pháp.

Trong khi đó, Bắc Triều Tiên đang lâm vào tình trạng đói kém trầm trọng. Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế cho biết Bắc Triều Tiên hiện nay thiếu 2,3 triệu tấn lương thực. Dân chúng nhiều nơi đã phải ăn vỏ cây để sống cầm cự. Viện trợ nước ngoài, nhất là của Nam Hàn và Mỹ không đáp ứng đầy đủ tình hình quá nguy ngập này. Các nước "anh em" cũ chỉ có khả năng bán hoặc viện trợ nhỏ giọt. Người ta còn lo sợ là các nguồn viện trợ sẽ bị quân đội (1,1 triệu người) và đảng viên, nhân viên nhà nước (1,9 triệu người) ăn chặn để bán ra ngoài để thu lợi riêng.

Ngoài ra, theo lời tiết lộ của ông Kim Nguyên Hanh, một cán bộ Bắc Triều Tiên vừa sang Nam Hàn tị nạn, Kim Chính Nhật dự tính sẽ cho quân tấn công Nam Hàn trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10 năm nay, nghĩa là sau 3 năm mãn tang Kim Nhật Thành. Nếu điều này có thật thì Kim Chính Nhật quả thật còn điên khùng hơn cả cha.

Manila và Bắc Kinh tranh chấp trên biển Nam Hải

Bắc Kinh tiếp tục biểu dương lực lượng và chính sách ngoại giao bá quyền ở các quần đảo ngoài khơi biển Nam Hải. Cách đây một tháng Bắc Kinh có ý đồ chiếm

hòn đảo nhỏ Scarborough, nằm bên cạnh Phi Luật Tân. Tổng thống Phi, ông Fidel Ramos đã chính thức phản kháng Bắc Kinh về vụ vi phạm lãnh thổ mới này trong dịp gặp gỡ phó thủ tướng Trung Quốc Lý Lam Thanh (Li Lan-qing) tại Manila và khẳng định chủ quyền của Phi Luật Tân bằng cách cho quân đội đổ bộ và cắm cờ trên đảo này.

Ngày 1-5-1997, Bộ Ngoại Giao Việt Nam cũng đã lên tiếng nhẹ nhàng ủng hộ Phi Luật Tân khi nước này phản đối sự có mặt của các chiến hạm Trung Quốc gần đảo Mischief thuộc quần đảo Trường Sa, vùng tranh chấp chủ yếu giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trong ngày 20-4, 200 thủy quân lục chiến Phi Luật Tân đã đổ bộ lên đảo Mischief. Tướng tổng tham mưu trưởng quân đội Phi mạnh dạn lên tiếng kêu gọi các nước trong vùng liên kết chống lại chính sách bá quyền của Trung Quốc. Theo ông, Trung Quốc đã đi quá lối.

Ngoài ra, theo tiết lộ của đô đốc hải quân Mỹ ở Thái Bình Dương Joseph Prueher, chính phủ Phi đang thương lượng để Hoa Kỳ trở lại căn cứ hải quân Subic mà Hoa Kỳ đã rời bỏ trong năm 1992.

Trung Quốc đang trở thành một hiểm họa cho các quốc gia lân bang trong đầu thế kỷ 21. Đối phó với đe dọa này, các quốc gia ASEAN, trong đó có Việt Nam, cần phải có chung một thái độ quả quyết và một đường lối ngoại giao mới để ngăn chặn xu hướng bá quyền của Trung Quốc.

Tổng tuyển cử đẫm máu tại Nam Dương

Hành trình về dân chủ ở Á Châu là một con đường đầy chông gai và thử thách. Nam Dương thuộc vào các nước còn đang tập tễnh đi vào dân chủ thực sự. Quốc hội Nam Dương sẽ được bầu lại vào cuối tháng 5 năm nay nhưng chính quyền của ông Suharto đã biết trước là người của đảng thân chính quyền Golka sẽ chiếm 70% số ghế! Theo luật lệ hiện hành, quốc hội Nam Dương sẽ có 500 dân biểu, trong đó có 425 ghế được bầu và 75 ghế do phe quân đội bổ nhiệm. Cũng như các nước có trình độ dân chủ thấp, người cầm quyền thường viện lẽ tổ chức bầu cử làm hao tổn ngân sách nhà nước nên chỉ cho phép 3 đảng ra tranh cử. Ngoài đảng Golka do quân nhân và công chức nắm còn có đảng Dân Chủ khuy nh hưởng quốc gia và Cơ Đốc giáo do bà Megawati Sukarnoputri, con gái cố tổng thống Sukarno, lãnh đạo nhưng bị chính quyền cách chức cách đây

THỜI SỰ... TỐI TỨC... THỜI SỰ...

một năm và đảng Phát Triển Đồng Nhất, khuynh hướng Hồi Giáo. Hai đảng này chiếm 15% và 17% số phiếu trong cuộc bầu cử năm 1992.

Lần này tổng tuyển cử diễn ra trong bầu không khí đẫm máu (hơn 130 người chết). Bà Megawati tuyên bố sẽ không đi bỏ phiếu, dụng ý kêu gọi dân chúng tẩy chay bầu cử. Quốc hội mới và 75 đại biểu do chính quyền bổ nhiệm sẽ lập ra luật Đại Hội để tuyển chọn tổng thống trong năm tới. Với lối tổ chức bịp bợm này, ông Suharto chắc chắn sẽ được tái cử lần thứ bảy.

Tại Việt Nam, luật bầu cử còn hơn trăm lần Nam Dương. Không những không có đảng đối lập, ứng cử viên phải qua sự tuyển lọc của Mặt Trận Tổ Quốc, một tổ chức ngoại vi của đảng cộng sản. Quốc hội bầu ra chủ tịch nước, thường là một ủy viên Bộ chính trị đảng cộng sản. Bầu bán kiểu này thì thật tốn kém ngân sách nhà nước và làm phiền dân chúng.

Kỷ niệm 50 năm kế hoạch Marshall

Tháng 5-1997, toàn bộ các nước Tây Âu đã long trọng kỷ niệm 50 năm kế hoạch Marshall. Đây là kế hoạch tái thiết Châu Âu do Hoa Kỳ tài trợ để giúp Châu Âu phục hồi sau chiến tranh.

Chính phủ Mỹ đã tài trợ 13,3 tỷ USD (tương đương với 100 tỷ hiện nay) cho kế hoạch này vào năm 1947. Số tiền này cũng đã kéo theo một khối lượng đầu tư còn lớn của các công ty Mỹ vào Châu Âu. Nhờ kế hoạch này Tây Âu đã vươn lên, trở thành giàu mạnh, tránh được nguy cơ cộng sản và sau cùng góp phần quyết định làm sụp đổ phong trào cộng sản thế giới.

Kế hoạch này không phải là sáng kiến của tướng Marshall, bộ trưởng ngoại giao Mỹ lúc đó, mặc dầu nó mang tên ông. Xuất phát từ các nhà kinh tế Mỹ, kế hoạch này đã được ba nhân vật quan trọng hưởng ứng nồng nhiệt. Đó là thủ tướng ngoại giao Dean Acheson, hai đại sứ Averell Harriman và George Kennan. Để tranh thủ sự biểu quyết của quốc hội và dân chúng Mỹ, ba nhân vật này tự thấy uy tín của họ chưa đủ, họ cố gắng thuyết phục tướng Marshall dùng uy tín của ông đỡ đầu cho kế hoạch này. Ông Marshall đã ủng hộ nhiệt thành, kế hoạch Marshall được quốc hội Mỹ biểu quyết và nhân dân Mỹ ủng hộ.

Đây là kế hoạch thế giới vĩ đại nhất từ sau thế chiến II và nó đã đóng góp lớn lao cho hòa bình và tiến bộ. Cả ba nhân vật

chủ xướng kế hoạch Marshall đều đã được tôn vinh vì sự sáng suốt của họ. Riêng ông Acheson đã trở thành ngoại trưởng sau đó. Trong hệ thống chính trị Hoa Kỳ, bộ trưởng ngoại giao là nhân vật quyền lực nhất sau tổng thống, nó tương đương với chức vụ thủ tướng ở các quốc gia khác.

Hết vở dùa Mobutu đến vở dùa Kabila

Dân Congo (cách đây một tháng là Zaire) vẫn chưa thoát nạn. Hết họa độc tài Mobutu lại đến họa chuyên chế Kabila. Đánh đuổi được Mobutu trong một cuộc tiến công không có kháng cự, kabila đổi tên nước thành Congo (Congo là tên cũ của quốc gia này trước khi Mobutu đổi tên thành Zaire, theo tên con sông chảy qua nước này, cách đây 30 năm) và tự xưng là tổng thống và cấm đoán mọi hoạt động chính đảng. Quân đội của Kabila cũng cướp bóc, dù không bằng đám quân thổ phi của Mobutu. Dầu sao người ta vẫn hy vọng Kabila sẽ không đến nỗi thối nát bằng Mobutu, nhưng vòn phải đợi thời gian kiểm chứng. Mobutu cũng đã chỉ cực kỳ tham lam sau một thời gian cầm quyền.

Trước đây Kabila là thủ hạ của thủ tướng Lumumba, nhà lãnh tụ đã bị sát hại với sự đồng tình của các nước Phương Tây vì ông ta say mê chủ nghĩa cộng sản và chống Phương Tây kịch liệt. Sau hi Lumumba bị giết, Kabila rút vào chiến khu và sống chủ yếu bằng buôn lậu vàng. Kabila được lãnh tụ cộng sản Che Guevera mô tả như một người ham thụ hưởng, thích rượu và phụ nữ. Kabila sợ đi đánh đuổi được Mobutu là nhờ các sĩ quan sắc tộc Tutsi thuộc nước Rwanda. Người Tutsi căm giận Mobutu ủng hộ cuộc tàn sát hơn nửa triệu đồng bào họ nên đã giúp Kabila tiến công Mobutu. Nắm được chính quyền, Kabila đang tuyển dụng tàn quân thổ phi của Mobutu vào quân đội.

Ngày 28-5-1997, một đám biểu tình gần 2.000 cảm tình viên của cựu thủ tướng Tshisekedi, nhân vật duy nhất của nước Congo được nhìn nhận là đứng đắn và dân chủ, đã bị giải tán bằng súng.

Phản đối chính phủ Ba Lan cho Việt Nam vay tiền

Chi bộ Gdansk của Công Đoàn Đoàn Kết (Solidarnosc), tổ chức trước đây đã đứng lên đánh đổ chế độ cộng sản Ba Lan và mở đầu giai đoạn sụp đổ của phong trào cộng sản thế giới, ngày 21-5 đã ra tuyên cáo cực lực phản đối quyết định của chính phủ Ba Lan cho Việt Nam vay 75 triệu

USD. Khoản tín dụng này có mục đích canh tân xưởng đóng và sửa chữa tàu Hạ Long. Lập trường của Công Đoàn Đoàn Kết trước hết là vì những lý do kinh tế. Chính xưởng đóng tàu Gdansk, cái nôi của Công Đoàn Đoàn Kết và điểm xuất phát của cuộc biểu tình tranh đấu làm sụp đổ phong trào cộng sản thế giới cũng đang cần được tài trợ để tân trang.

Cho tới cách đây không đầy một năm, Việt Nam vẫn thường viện dẫn tình hình "hỗn loạn và suy sụp" của các nước Đông Âu, trong đó có Ba Lan, như là bằng cứ chứng minh rằng chuyển hóa về dân chủ là điều có hại, trong khi Việt Nam nhờ cương quyết bác bỏ dân chủ hóa và kiên trì đường lối độc đảng đã tiến bộ khả quan. Bỗng nhiên người ta được biết "nước Ba Lan hỗn loạn và suy sụp" lại cho "nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa tiến bộ khả quan" vay tiền.

Trong hai ngày 27 và 28-5-1997, thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng đã viếng thăm chính thức nước Hungary trong mục đích tìm kiếm hợp tác kinh tế với một nước Đông Âu "hỗn loạn và suy sụp" khác. Các nước Đông Âu nói chung đã vượt khỏi những khó khăn ban đầu của giai đoạn chuyển hóa và đang phát triển lành mạnh.

Đỗ Mười ngã bệnh

Ngày 26-5-1997, giữa lúc vừa tới Miến Điện trong một chuyến công du chính thức ông Đỗ Mười, tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam đột nhiên lên cơn nhức đầu và phải hủy bỏ chuyến viếng thăm trở về Hà Nội.

Ông Đỗ Mười, tên thật là Nguyễn Cống, năm nay 80 tuổi. Xuất thân là một người thiến heo (miền Bắc gọi là hoạn lợn), ông Đỗ Mười gia nhập đảng cộng sản ngay từ thập niên 30 và mau chóng leo hết mọi nấc thang trong đảng để trở thành tổng bí thư đảng cộng sản từ Đại Hội VII, rồi được tái đắc cử trong Đại Hội VIII năm 1996, mặc dầu đã 79 tuổi và mắc bệnh Parkinson rất nặng. Những người tham dự các buổi diễn thuyết của ông có thể thấy từ rất xa bàn tay run rẩy cầm bài diễn văn. Từ nghề cũ, ông Đỗ Mười còn giữ lại diện mạo quả quyết của một tay thiến heo và tập quán ra tay không lưỡng lự. Ông có thể thi hành những chính sách trái ngược nhau một cách rất tự nhiên. Ông đã từng chỉ huy các chiến dịch đánh tư sản, đánh thương nghiệp tại miền Bắc và miền Nam một cách rất tận tình, rồi cũng rất thật thà kêu gọi kinh tế thị trường. Bí quyết thành công của ông là không bao giờ hoài nghi

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

và thắc mắc. Ông thành công cũng nhờ bản tính tốt với các đồng chí. Cho đến nay chưa ai than phiền ông đã phản bội bạn bè và cũng không thấy ai trách ông tàn nhẫn với các đồng chí thất sủng.

Nhức đầu cũng là bệnh cố hữu của ông. Bệnh này có lúc đã làm ông phát điên phải vào bệnh viện tâm thần điều trị. Người ta hay kể lại chuyện có lúc ông phát điên leo lên cây bàng ngồi ngất ngư. Một nhân vật như vậy mà đắc cử và tái cử vào chức vụ số một của đảng cộng sản là một sự kiện nói lên rất nhiều về nhân sự của đảng.

Việc ông Đỗ Mười lâm bệnh lúc này có thể gây bối rối lớn trong đảng. Tháng 7 sắp tới, sau khi bầu xong quốc hội mới, chính quyền Hà Nội sẽ phải thay thế hai ông Lê Đức Anh, chủ tịch nước, và Võ Văn Kiệt, thủ tướng. Thời hạn đã sắp đến nhưng các nhân vật thay thế vẫn chưa tìm ra. Việc thay thế ông Đỗ Mười đáng lẽ không đặt ra trong thời điểm đó vì ông không do quốc hội bầu ra, nhưng với tình trạng sức khỏe hiện nay của ông có lẽ đảng cộng sản cũng sẽ bắt buộc phải giải quyết luôn một vấn đề họ cố trì hoãn.

Võ Văn Kiệt tự mãn

Trong một cuộc phỏng vấn được chuẩn bị sẵn với ký giả Huy Đức của báo Tuổi Trẻ để đánh bóng mình, ông Võ Văn Kiệt đã tuyên bố Việt Nam vừa đi vào một giai đoạn mới, giai đoạn kỹ nghệ hóa và hiện đại hóa. Theo ông Kiệt, điểm nổi bật nhất trong những năm qua là từ một nước thiếu ăn Việt Nam đã sản xuất thừa thực phẩm để có thể xuất cảng gạo. Ông Kiệt nói nhiều cơ hội đang chờ đợi chúng ta mà chúng ta phải nắm lấy đừng bỏ lỡ.

Ông nói nhiều về mình, kể rằng ông đã gia nhập đảng từ năm 18 tuổi (nghĩa là năm 1940 vì ông sinh năm 1922), đã tham gia Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đã làm tới chức tỉnh ủy viên Rạch Giá năm 23 tuổi. Ông Kiệt cũng nhắc lại là năm 1968 các cấp lãnh đạo của ông đã sai lầm không chịu nghe lời ông chấm dứt ngay cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân sau hiệu ứng bất ngờ nên đã gây tổn thất nặng cho quân đội cộng sản. Ông Kiệt đánh giá đường dây điện Nam-Bắc 500 kW như là một thành công lớn của ông (các chuyên gia coi công trình này là một làm lớn).

Ông Kiệt cũng nhận định là ngày nay trong mọi quốc gia tuổi trẻ, ở lứa tuổi 30-40, giữ nhiều vai trò quyết định, có khi cả chức vụ thủ tướng. Trong khi lãnh đạo Việt Nam già đi và, vẫn theo ông Kiệt,

không có trình độ của các cấp lãnh đạo các nước trong vùng.

Tuy vậy không thấy ông Kiệt rút kết luận là chính ông, năm nay đã 75 tuổi, cần rút lui nhường chỗ cho tuổi trẻ. Trái lại người đọc bài phỏng vấn này không gặp khó khăn nào để hiểu rằng đây là một bài viết có mục đích quảng cáo cho ông. Tác giả Huy Đức trình bày bài phỏng vấn này với hình ảnh một Võ Văn Kiệt cởi mở, đáng mến. Như một sự tình cờ, người bí thư riêng của ông nói nhỏ rằng "ông già" rất bận, có khi làm việc tới 2 giờ đêm. Cùng theo người bí thư riêng, ông Kiệt chỉ có thể dành nửa giờ cho cuộc phỏng vấn này, nhưng cuối cùng nó đã kéo dài một giờ rưỡi.

Trên nguyên tắc, ông Võ Văn Kiệt sẽ về hưu vào tháng 7 này, sau khi một quốc hội mới được bầu, nhưng ông đang cố gắng để kéo dài thêm thời gian cầm quyền.

Kinh tế Việt Nam có thể kiệt sức

Các chuyên gia kinh tế Thụy Điển, thuộc Trường Kinh Tế Stockholm và Viện Nghiên Cứu Âu Châu và Nhật Bản đã công bố một phúc trình, theo đó kinh tế Việt Nam sẽ hụt hơi và kiệt lực nếu Việt Nam không mau chóng cải tổ ngành ngoại thương và từ bỏ chính sách nâng đỡ các xí nghiệp quốc doanh.

Về ngoại thương, bản phúc trình đánh giá bối cảnh ngoại thương của Việt Nam là "rất không rõ rệt" về mặt luật lệ. Các xí nghiệp quốc doanh lớn và một số công ty nước ngoài đang chống lại việc mở cửa thị trường Việt Nam vì quyền lợi của họ. Theo các chuyên gia này cần mở cửa hơn nữa thị trường Việt Nam và xét lại hối suất theo chiều hướng thuận lợi cho xuất khẩu (đây là một cách để nói rằng cần phá giá đồng bạc Việt Nam).

Bản phúc trình coi các xí nghiệp quốc doanh là một trái bom nổ chậm đối với chế độ. Hiện nay các xí nghiệp này đã nợ tới 24 tỷ USD.

Theo bản báo cáo, đến nay chỉ có một phần nhỏ những biện pháp cải tổ cần thiết được thực hiện mà thôi và tình trạng này thật đáng lo ngại.

Quá phức tạp

Quốc hội nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã chấm dứt khóa họp cuối cùng trong tháng 5, sau 40 ngày làm việc.

Quốc hội đã thông qua những sửa đổi về luật hình sự (tăng thêm mức độ nghiêm

khắc đối với tội buôn ma túy), luật bầu cử (không có gì mới), biểu quyết hai đạo luật thuế trị giá gia tăng và luật thương mại. Hai đạo luật về ngân hàng đã phải hoãn lại vì "thiếu thời giờ". Tuy nhiên giới quan sát cho rằng hai dự luật này chưa đáp ứng đúng nhu cầu của tình thế. Một lý do nữa là các đại biểu quốc hội không hiểu những từ ngữ quá phức tạp. Nhiều đại biểu đã phản đối đạo luật thương mại là dùng những từ ngữ "quá phức tạp và mơ hồ". Các chuyên gia không thể sửa bởi vì đó là những từ ngữ chuyên môn.

Trình độ các đại biểu quốc hội thường rất thấp, hơn nữa lại không có tài liệu để chuẩn bị trước cho nên sự kiện họ thấy các tài liệu quá chuyên môn và phức tạp không có gì đáng ngạc nhiên. Việc họ thẳng thắn nhìn nhận như vậy là một tiến bộ.

Một tiến bộ khác là lần này nhiều dân biểu không ngần ngại đã kích các cấp lãnh đạo. Ông Kiệt đã bị đá kích mạnh mẽ khi đề nghị dự án đường Trường Sơn nối liền Nam Bắc với kinh phí gần 6 tỷ USD. Dự án này đã được giao cho quân đội chủ trì việc thực hiện. Mọi công dân sẽ phải đóng góp 10 ngày làm việc không lương hay nộp tiền phạt tương đương cho công trình Trường Sơn.

Những tên trộm rất có "văn hóa tư tưởng"

Ngày 30-4-1997, sau khi tập thể dục buổi sáng trở về cụ Nguyễn Văn Trấn, tức Bảy Trấn, phát hiện trong nhà có trộm. Kẻ gian khi bỏ chạy đã để lại một cây kéo cắt sắt lớn và một đôi găng tay. Điều lạ là chúng chỉ trộm toàn văn hóa phẩm và không đã động gì đến những đồ vật khác trong nhà. Thân nhân cụ Bảy Trấn tin chắc những tên trộm rất đặc biệt này thuộc Ban Văn Hóa Tư Tưởng của đảng cộng sản Việt Nam.

Theo lời kể của một người hàng xóm, lúc đó đang dẫn chó đi dạo, thì hồi 6 giờ sáng bốn thanh niên lạ mặt tiến vào nhà của cụ Bảy Trấn. Hai tên chia ra đứng canh hai đầu ngõ, hai tên còn lại dùng kéo cắt sắt song cửa sổ nhảy vào nhà. Độ mười phút sau, hai tên trộm mang ra mỗi tên một bao lớn rồi cùng đồng lõa thung dung ra đi.

Tài liệu mà cụ Bảy Trấn tiếc nhất là một tập biên khảo công phu dày 600 trang, viết tay, nói về Phan Thanh Giản. Ngoài ra kẻ gian còn mang theo một quyển thánh kinh, những sách biên khảo của giáo sư Hoàng Xuân Hãn, những bài

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

viết cất trên các báo ngoại quốc, v.v... Nói chung tất cả những sách báo và tài liệu mà cụ Bảy Trán xếp trên kệ sách hoặc để bàn làm việc đều bị lấy đi hết. Nhưng tai họa chưa chấm dứt. Một tuần lễ sau, đang thả bộ trên lề đường cụ Bảy Trán bị hai thanh niên lạ mặt dùng xe gắn máy ủi vào người gây nhiều thương tích trầm trọng. Cụ Bảy Trán đã phải dọn đi nơi khác ở từ hôm 17-5 vừa qua để tránh tai họa.

Cụ Bảy Trán, năm nay 83 tuổi, là tác giả cuốn sách "Viết cho Mẹ và Quốc Hội", xuất bản chui năm 1996, hiện đang bị chính quyền cộng sản truy lùng ráo riết.

Một kỷ nguyên mới trong quan hệ Việt-Mỹ

Đó là lời bình luận của đài VOA ngày 9-5-1997 khi ông Pete Peterson đến Hà Nội nhậm chức đại sứ Hoa Kỳ đầu tiên tại Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cùng ngày, ông Lê Văn Bằng cũng đã tới Hoa Kỳ nhậm chức đại sứ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Washington.

Ông Pete Peterson đã từng ở Việt Nam 6 năm với tư cách tù binh. Ông tuyên bố khi trở lại Hà Nội: "*Đường lối của Hoa Kỳ là giúp Việt Nam trở thành một nước thịnh vượng trong sự hòa thuận với các nước láng giềng và hội nhập hoàn toàn vào khu vực sôi động này của thế giới*". Hoa Kỳ và Việt Nam bắt đầu nối lại quan hệ bảy năm trước, với hai cột mốc đáng ghi nhớ: tháng 2-1994 Hoa Kỳ bỏ cấm vận Việt Nam và tháng 6-1995 tổng thống Bill Clinton tuyên bố bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Nhà cầm quyền Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, nhưng vẫn chưa bình thường hóa được quan hệ với những người Việt Nam bất đồng ý kiến với họ.

Vội vã

Các quan chức ngoại giao Hoa Kỳ tại Hà Nội tỏ ra ngạc nhiên vì một bản tin do Thông Tấn Xã Việt Nam phát ngày 9-5-1997, theo đó thì một hiệp định thương mại giữa hai nước có thể sẽ được ký kết vào tháng 8 tới đây. Họ nói rằng Hoa Kỳ có trao cho phía Việt Nam một bản dự thảo hiệp định, nhưng giữa hai bên chưa hề có một cuộc họp nào để thảo luận về nội dung bản dự án này.

Không cấp visa cho Phạm Xuân Ẩn

Theo Reuter (28-4), mặc dầu thiếu

tướng Phạm Xuân Ẩn, trong quá khứ là thông tin viên báo Times (Hoa Kỳ), thực tế là cán bộ tình báo của Hà Nội, đã nhận lời mời tham dự hội nghị ký giả và chính giới Hoa Kỳ để thảo luận về di sản cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông đã không được nhà cầm quyền Hà Nội cấp thị thực xuất cảnh. Khi chiến tranh kết thúc, ông Ẩn mới xuất hiện với bộ mặt thật của mình và được báo chí Việt Nam nói đến như một nhà tình báo tài ba.

Việt Nam nợ Nga 16 tỷ USD?

Ủy Ban Địa Lý Chính Trị quốc hội Liên Bang Nga sau một khóa thảo luận tuyên bố hiện nay có 51 nước trên thế giới nợ Nga một số tiền tổng cộng là 149,6 tỷ USD, trong đó số nợ của Việt Nam chiếm 10,6%. Nếu con số này là đúng thì Việt Nam còn nợ nước Nga gần 16 tỷ USD (hay đúng hơn 15.857 triệu USD).

Thương mại Việt-Mỹ

Trong ba năm qua trị giá hàng Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng từ 50 triệu USD (1994) lên 199 triệu USD (1995) và 319 triệu USD (1996). Phần lớn hàng hóa xuất khẩu đều do các công ty ngoại quốc có vốn đầu tư tại Việt Nam sản xuất. Theo các chuyên viên kinh tế Việt Nam, việc trao đổi thương mại giữa hai nước chưa tăng trưởng mạnh là vì tại Việt Nam còn quá nhiều khâu trung gian trong dịch vụ xuất khẩu và tại Hoa Kỳ do chưa được hưởng qui chế tối huệ quốc hàng hóa Việt Nam bị đánh thuế nhập quá cao.

Thế giới giúp Việt Nam

Quỹ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) đã phối hợp với Bộ Giáo Dục - Đào Tạo Việt Nam phát hành hàng ngàn sách tập đọc bằng các thứ tiếng Việt Khmer, Việt Chăm, Việt Bahnar, Việt Mnong cho các tỉnh miền núi. Cũng nên biết tỷ lệ số dân có trình độ tiểu học trên toàn quốc hiện nay là 57%, các sắc tộc thiểu số chỉ ở mức 40%.

Ưc quyết định viện trợ 10 triệu USD cho dự án dạy tiếng Anh tại trường Đại Học Ngoại Ngữ Hà Nội trong vòng 5 năm.

Cơ Quan Phát Triển Hải Ngoại (ODA) của Anh đã phê duyệt một chương trình giảm nghèo trị giá 5 triệu USD cho tỉnh Hà Tĩnh. Chương trình này sẽ được thực hiện trong 5 năm.

Trong hai năm 1997-1998, Quỹ Phát Triển Văn Hóa Thụy Điển-Việt Nam sẽ

viện trợ cho Việt Nam 2 triệu sek (tương đương 200.000 USD) dành cho việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

Báo động nạn bắt cóc trẻ em

Chỉ trong ba tháng đầu năm 1997 đã có khoảng 10 em bé từ 5 đến 7 tuổi bị mất tích. Cách đây hơn một tháng, công an đã bắt quả tang một mẹ mìn bắt cóc một em bé 5 tuổi. Bọn bắt cóc trẻ em hiện nay thường đem bán trẻ bắt cóc được tại các tỉnh miền Nam. Những năm trước đây, bọn bắt cóc trẻ em thường đem bán tại các tỉnh miền Bắc, nơi có sinh suất thấp.

Thiên tai

Một trận mưa đá kèm theo lốc kéo dài 30 phút ở xã Đồng Phú, huyện Long Hồ (Vĩnh Long) đã làm sập hoàn toàn 21 ngôi nhà, làm hư hại 21 nhà khác, 145 ha vườn nhãn bị rụng trái, thiệt hại khoảng 1,5 tỷ đồng. Tại Lâm Đồng, nhiều cơn gió xoáy và lốc đã làm sập nhiều nhà, thiệt hại khoảng một tỷ đồng. Tại thành phố Đà Lạt, những hạt mưa đá to bằng trái táo ta rơi trong nhiều giờ rồi đóng thành băng trên mặt đất, gây nhiều thiệt hại cho hoa màu. Đầu tháng 5-1997, tại hai tỉnh Cao Bằng và Lai Châu cũng có mưa đá và lốc xoáy. Cơn lốc xoáy tại Lai Châu kéo dài 10 phút đã làm sập 117 căn nhà, gần 1.000 nhà bị tốc mái, gây thương tích nặng cho 13 người và làm cho nhiều gia súc chết và bị thương. Ở huyện Mộ Đức (Quảng Ngãi) cũng có lốc làm 20 ngôi nhà bị sập và 200 ngôi nhà khác tốc mái.

Bán được 14 vé

Chuyến tàu khách Hà Nội-Côn Minh chạy chuyến đầu tiên bán được 14 vé. Đây là chuyến tàu chạy suốt theo lộ trình dài 765 km với giá vé tương đương 30,5 USD cho khách Trung Quốc và Việt Nam và khoảng 38 USD cho người nước khác. Trong chuyến tàu đầu tiên có 14 hành khách (5 khách nước ngoài và 9 khách Việt Nam). Người Hà Nội bình luận rằng số đi có tuyến đường sắt chạy... lấy được này vì chính quyền Hà Nội rất cần pho trương tình hữu nghị mới rãng với Bắc Kinh.

Chết oan

Ngô Quốc Bình, 22 tuổi, quê Phú Thọ (miền Bắc), mẹ mất, cha là giáo viên hưu trí, vì ham học tìm vào Sài Gòn bán báo kiếm tiền học thêm. Mặc dầu có đăng ký tạm trú đúng quy định nhà nước, ngày 5-

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

3-1997, khi vào ga Sài Gòn bán báo Bình đã bị "thu gom" như một phần tử vô gia cư, rồi ngày 15-3-1997 được đưa tới Trung Tâm Giáo Dục Phát Triển Kinh Tế Mới, do Sở Lao Động Thương Binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh quản lý, tại Phú Văn, tỉnh Bình Phước để tập trung lao động. Những người biết Bình hay tin cố gắng chạy vạy cho Bình ra, nhưng khi chạy được (quyết định thả được ký ngày 18-3-1997) thì Bình đã chết buổi sáng hôm đó tại bệnh viện Chợ Rẫy. Báo cáo của trung tâm Phú Văn cho biết Bình nhảy xe bị chết do đập não.

Tiếp theo cái chết của Bình là cái chết của anh Nguyễn Văn Năng, 40 tuổi, bệnh tâm thần, cũng bị đưa đi tập trung lao động. Trường hợp anh Năng là do gia đình làm đơn gởi anh đi chữa bệnh tâm thần nhưng không hiểu vì lẽ gì người ta đưa anh đi cưỡng bức lao động. Gia đình anh Năng làm đơn xin cho anh về chữa bệnh tại nhà, nhưng anh đã bị nhân viên bảo vệ trại Phú Văn đánh chết rồi. Một bệnh nhân tâm thần khác, anh Lê Minh Tuấn, 30 tuổi, bỏ nhà ra đi biệt tích ngày 13-12-1996, đến 12-3-1997 thì gia đình anh được giấy báo tin "học viên" Lê Minh Tuấn đã chết ngày 17-2-1997 vì... suy kiệt.

Cũng nên biết là hiện nay chính quyền cộng sản trao cho các cơ quan trực thuộc Sở Lao Động, Thương Binh và Xã Hội làm công tác thu gom tất cả những đối tượng... không bình thường: người bệnh tâm thần thì đưa đi chữa trị, người nghiện ma túy thì đưa đi cai nghiện, còn những ai gây rối trật tự xã hội thì đưa đi cưỡng bức lao động. Do không có những quy định cụ thể thế nào là "gây rối trật tự xã hội" cho nên đã có những người không ở trong diện này đã bị cưỡng bức lao động và bị đánh chết.

Nhà chức trách đang mở cuộc điều tra, nhưng không thấy nói tới việc điều tra sự vi phạm quyền con người mà nhà nước dung túng ở cấp bộ.

Phùng Cung vĩnh viễn ra đi

Nhà văn Phùng Cung, tác giả truyện ngắn nổi tiếng "Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh" chủ tịch đảng cộng sản, đã từ trần ngày 9-5-1997, thọ 69 tuổi.

Phùng Cung là một nhà văn thuộc nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm. Vì truyện ngắn "Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh" ông đã bị tù đầy trong nhiều năm. Từ đó ông sống trong cảnh nghèo khó. Ông rất kém về sức khỏe và mang rất nhiều bệnh.

Phùng Cung chết đi để lại sự thương tiếc cho tất cả những ai đã biết ông. Các thân hữu thuộc nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm đã có mặt đầy đủ và tiễn ông đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Nguyễn Khắc Viện từ trần

Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, một tên tuổi lớn trong hàng trí thức Việt Nam, giải thưởng Francophonie 92, đã qua đời ngày 10-5-1997 tại Hà Nội, thọ 84 tuổi.

Sinh năm 1913 trong một gia đình nho giáo, năm 1936 Nguyễn Khắc Viện sang Pháp du học. Là một trí thức dân thân, ông luôn tìm cách đóng góp sức mình vào việc xây dựng đất nước, từ những việc nhỏ nhất cho tới những chủ trương lớn. Trong cuộc đời, ông Nguyễn Khắc Viện đã thay đổi lý tưởng nhiều lần. Ông theo khuynh hướng cực hữu trước khi đến với đảng cộng sản và mặc dầu bị mọi hệ lụy ông vẫn trung thành. Từ 1961 trở đi, ông đã làm những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam phật lòng khi đưa ra lời khuyên đảng cộng sản nên từ bỏ sự lãnh đạo độc tài, dân chủ hóa chính quyền để đưa đất nước đi lên. Gần đây những phê phán của Nguyễn Khắc Viện đối với chế độ thêm mạnh dạn và rõ rệt.

Sân trượt băng đầu tiên ở Việt Nam

Một sân trượt băng có diện tích 1.350 m², nhiệt độ trên sân từ 0°C đến -5°C tại khu du lịch Kỳ Hòa đã khánh thành. Hai huấn luyện viên người Úc đã tới dạy trượt băng, các vận động viên trượt băng hàng đầu của Nga cũng đã tới dự lễ khai trương.

Thành phố Sài Gòn dưới chế độ cộng sản nổi tiếng về các vụ tham nhũng nay lại càng nổi tiếng về mục chơi sang.

Visa: dễ người, khó ta

Kể từ 10-5-1997, công dân Việt Nam mang hộ chiếu ngoại giao và hộ chiếu công vụ đi Thái Lan và Singapore với thời gian lưu trú ngắn ngày không còn cần phải xin visa nữa. Các công dân mang hộ chiếu phổ thông sẽ được cấp visa thuận tiện hơn (trong 2 ngày đối với Thái Lan) hoặc miễn hẳn nếu tham gia một hoạt động nào liên quan đến ASEAN.

Không có thay đổi gì đối với người Việt Nam muốn đến nước mình (đến chú không phải đi). Đơn xin visa về nước gởi tới sứ quán Việt Nam ở nước sở tại và chờ... "trên" xét. Thời gian "trên" xét do "trên" tự hạn định.

Ma túy

Báo Người Lao Động, số ra ngày 17-5-1997, đưa tin trong một ngày chỉ trong vài phường công an của thành phố Sài Gòn đã có 23 người mua bán và sử dụng heroin bị bắt. Các báo khác cho biết heroin có bán tại các quầy thuốc lá bán lẻ ngoài hè phố và trong các con hẻm.

31/CP và các trí thức cứng đầu

31/CP là một nghị định do ông thủ tướng Võ Văn Kiệt ký hồi tháng 4-1997, cho phép các cấp chính quyền được quản chế những công dân mà các cấp này thấy có "nguy hại cho an ninh xã hội". Với 31/CP công dân Việt Nam bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

Pháp luật không bảo vệ họ nếu như họ bị một ông lớn ở địa phương không hài lòng về... đáng đi chẳng hạn. Tin từ Việt Nam cho hay các ông Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự đã bị chính thức quản chế. Các ông không được phép đi khỏi địa phương mà không xin phép và được phép. Trước cửa nhà có công an chìm nổi đứng gác. Đi ra phố có công an theo. Vợ con các ông đi đâu cũng có công an bên gót. Với 31/CP, quản chế một người thực ra là quản chế cả một gia đình.

51/CP: một cái còng chung

Ngày 10-5-1997, chính phủ ông Võ Văn Kiệt lại ban hành nghị định về việc đăng ký và quản lý hộ khẩu. Nếu tính thứ tự thì trong vòng chưa được một tháng đã có hai chục cái CP ra đời. 51/CP khẳng định hai điểm: một là công dân không có quyền tự do cư trú ở nơi họ muốn, hai là muốn được cư trú ở một nơi nào đó thì họ phải hội đủ... một số điều kiện. Chẳng hạn muốn đăng ký hộ phải có đủ các loại giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận di chuyển, phiếu báo thay đổi nơi thường trú, giấy xác nhận nhà ở hợp pháp, các loại giấy tờ khác liên quan đến việc thay đổi nơi cư trú (nếu có) v.v...

Vụ án Minh Phụng - EPCO

Phòng cảnh sát điều tra công an thành phố Sài Gòn đã tổng đạt quyết định khởi tố 17 bị can thuộc nhóm các công ty "con" của công ty Minh Phụng, với tội danh "lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa". Tầng Minh Phụng khai cho tới ngày bị bắt (24-3-1997) công ty Minh Phụng còn nợ các ngân hàng 4.310 tỷ đồng. Các công ty bạn tại Sài Gòn còn nợ Minh Phụng khoảng 377 tỷ đồng.

Báo Công Giáo và Dân Tộc bị cảnh cáo

LTs: Sau đây là nguyên văn lá thư cảnh cáo của Ban Tư Tưởng - Văn Hóa Thành ủy Sài Gòn của Đảng Cộng Sản Việt Nam gửi báo Công Giáo và Dân Tộc. Nội dung ấu trĩ của tài liệu này đập vào mắt mọi người. Tại sao sự kiện chế độ Hitler là sắt máu và tàn bạo lại chứng tỏ chế độ Staline không sắt máu và tàn bạo? Trình độ lý luận của ban Tư Tưởng - Văn Hóa Thành ủy Sài Gòn quả là quá kém, đã thế lại còn coi những lập luận khác với mình là "khuyết điểm". Ở đây còn có sự kiểm duyệt của cả lời cầu nguyện. Theo chỗ chúng tôi biết đoạn đầu bị nghiêm khắc phê bình là của ông Trương Bá Cần, một linh mục được coi là thân chế độ, đoạn sau là của ông Lương Hữu Định, một giáo dân hợp tác thường xuyên với báo Công Giáo và Dân Tộc, nguyệt san của Ủy Ban Đoàn Kết Công Giáo, một tổ chức bị hàng giáo phẩm Việt Nam lên án là công giáo quốc doanh. Tài liệu này chứng tỏ ngay cả những người ngoan ngoãn nhất với chế độ nhiều khi cũng có những tâm tư u uất.

Đảng Cộng Sản Việt Nam
Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 7 tháng 3 năm 1997
Ban Tư Tưởng - Văn Hóa
Số: 30/CV-97

Kính gửi Ban biên tập báo Công Giáo và Dân Tộc

Đồng kính gửi Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP.HCM (cơ quan chủ quản)

Nguyệt san "Công Giáo và Dân Tộc" số 2 tháng 3/1997 trong bài "Sai và sửa sai" có đoạn viết: "*Ở Liên Xô trước đây, Staline là một nhà lãnh đạo có nhiều công lao nhưng cũng đã có nhiều sai lầm và sai phạm: ông đã biến chế độ chính trị của Liên Xô, một chế độ được giới thiệu như là một chế độ dân chủ gấp trăm ngàn lần chế độ dân chủ tư sản, thành một chế độ sắt máu và tàn bạo, và cả nhân ông được tôn thờ như một lãnh tụ bất khả xâm phạm, trị vì trong gần 30 năm*".

Nhận định như trên về chế độ chính trị của Liên Xô trong thời kỳ lãnh đạo của Staline là một nhận định sai lầm, vì bản chất chế độ chính trị của Liên Xô không phải là "một chế độ sắt máu và tàn bạo" dù trong một thời điểm nào đó có thực hiện một số đường lối và chính sách sai lầm nghiêm trọng do Staline đề ra. Chính chế độ tư bản phát-xít của Hitler mới là "một chế độ sắt máu và tàn bạo" và do đó nó mới thất bại trước sức mạnh của chế độ chính trị của Liên Xô trong thời kỳ Staline lãnh đạo.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy nghiêm khắc phê bình Ban Biên tập báo Công giáo và dân tộc về khuyết điểm nói trên, mà hậu quả sẽ trái ngược với ý muốn của những người làm báo chúng ta nhằm khắc phục những những nhận thức sai lầm do kẻ xấu xưa nay vẫn gieo rắc trong giáo dân về bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa.

Cũng trong nguyệt san số 27 nói trên có bài "Lạy chúa, chúng con có tội với thế hệ tương lai", có đoạn viết: "*Lạy chúa, chúng con đã nhìn thấy con em chúng con phải vất kiệt tài nguyên trong nước để mang đi trả nợ nước ngoài, phải lao động với đồng lương thấp, với cường độ cao, phải chắt chiu từng đồng ngoại tệ để trả nợ cho chúng con, chúng con có tội với thế hệ tương lai*".

Nội dung trên gần với những lập luận khác trong cả hai trang 31, 32 tuy là nhằm đóng góp ý kiến với Đảng và Nhà nước về đường lối chính sách xây dựng đất nước hiện nay, nhưng cách thể hiện không có lợi cho việc cổ vũ giáo dân toàn tâm toàn ý sát cánh cùng toàn dân góp công góp sức xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy đề nghị Ban Biên tập Công giáo và dân tộc nghiêm túc rút kinh nghiệm về những khuyết điểm trên để cho Nguyệt san và tuần báo Công giáo và dân tộc luôn luôn đi đúng tôn chỉ mục đích của báo, góp phần tích cực của mình vào mặt trận tư tưởng - văn hóa của thành phố.

K.T. Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.U.
Phó trưởng ban Nguyễn Sơn (ấn ký)

Nơi gửi: Như trên,
Thường trực T.U. để báo cáo, Ban TTVHTW để báo cáo, Ban Dân vận T.U., UB Mặt trận Tổ quốc TP, Thường trực UBND TP, Sở Văn hóa Thông tin

Mục lục

1. Hiệp đấu quyết định
Thông Luận
2. Thêm một vụ án nghiêm trọng
Thông Luận
3. Dân Việt toàn cầu hóa
Huỳnh Hùng
4. Thay đổi chính quyền tại Pháp
Nguyễn Văn Huy
5. Thương mại và nhân quyền trong quan hệ Pháp-Trung
Nguyễn Phi Phụng
6. Ranh giới nhà tù mở rộng tới nhà dân
Hai Cà Răm
8. Thư gửi Quốc Hội
Nguyễn Thanh Giang
10. Thêm một người vợ cho ông Hồ Chí Minh
Nhật Quang
11. Ước mơ và sự thật
Võ Long Triều
13. Biên bản một giai đoạn lịch sử
Nguyễn Gia Kiểng
16. Di dân và kinh tế Hoa Kỳ
Trần Bình Nam
17. Lộ trình dân chủ của Nhật Bản
Diệp Tường Bào
20. Tạp ghi
Nguyễn Gia Kiểng
21. Báo động về hiện tình giáo dục
Ban nghiên cứu giáo dục TL
23. Các trở ngại của kinh tế Việt Nam
Nguyễn Ngọc Hiệp
27. Tin tức thời sự
32. Báo Công Giáo và Dân Tộc bị cảnh cáo

THÔNG LUẬN

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE